NGUYỄN HIẾN LÊ

Đông kinh Nghĩa Thục

LẦN IN NÀY TĂNG BỔ GẤP RƯỠI LẦN TRƯỚC

TIMSACH.COM.VN

LÁ BỐI

Kính dâng hương hồn
các Bác tôi
và Cha tôi

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN HIẾN-LÊ

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

PHONG TRÀO DUY TÂN ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM

LẦN IN LẠI NÀY SỬA CHỮA VÀ THÊM NHIỀU

TIMSACH.COM.VN

LÁ BỐI

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC
Nguyễn Hiến Lê xuất bản năm 1956
Lá Bối xuất bản năm 1968
SAIGON — VIETNAM

TIMSACH.COM.VN

Cụ LƯƠNG VĂN CAN

1854 — 1927

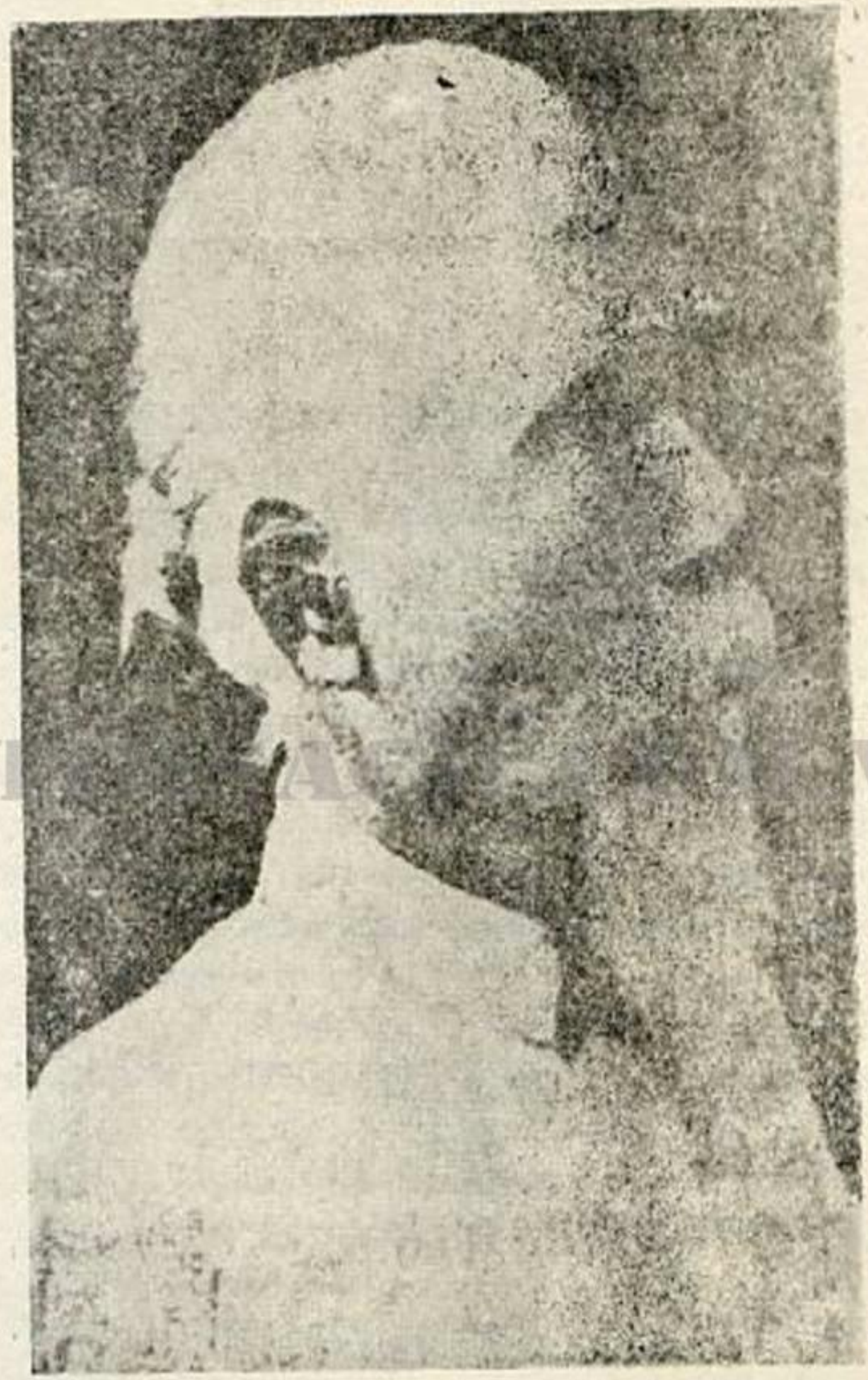

Hình chụp Cụ sau khi Cụ ở Nam Vang về Hà Nội, nghĩa là sau năm 1923, lúc Cụ khoảng thất tuần

Trường Nghĩa-thục đứng đầu dạy dỗ,
Khắp ba mươi sáu phố Hà-Thành,
Gái trai nô-nức học-hành,
Giáo-sư tám lớp, học-sinh non ngàn.

(Ca dao)

TIMSACH.COM.VN

TỰA

Chúng ta thường tự hào là một dân-tộc có bốn ngàn năm văn-hiến. Bốn ngàn năm văn-hiến mà giá có gom lại hết những sách vở, tài-liệu bằng chữ Hán chữ Nôm trong bốn ngàn năm văn hiến đó rồi để riêng ra những tài liệu về các ông vua bà chúa — tức những tài-liệu thường vô-ích cho văn-hóa — còn lại bao nhiêu, có chất lên một chiếc xe cam-nhông, sợ cũng không đầy ! Dù có chất đầy mười chiếc xe đi nữa thì so với những tài-liệu của Pháp cũng chẳng thấm vào đâu : chỉ riêng những tài liệu về thi sĩ Victor Hugo đã chật cả một viện bảo-tàng, tức viện Victor Hugo ở Ba-lê rồi. Mà người Pháp không có được bốn ngàn năm văn-hiến như ta.

Chắc có độc-giả trách tôi là tự-ti mặc cảm mà quá tôn sùng người. Trách tôi, tôi xin nhận ; nhưng làm sao tôi không tôn-sùng người ta, khi người ta hơn mình xa quá đi? Vả lại, tự nhận là mình kém rồi cố theo cho kịp người, hơn người, còn có lợi hơn là tự cao tự đại mà chẳng chịu gắng-sức để tiến tới.

Vâng, về phương-diện văn-hóa, ta đã kém xa Trung-Hoa mà cũng thua xa cả Pháp. Hai ngàn rưởi năm trước, Trung-Hoa đã biết đặt ra một chức quan chuyên đi lượm những bài ca, bài hát trong dân-gian, nhờ vậy họ mới có được một tập thi vào hàng cổ nhất thế-giới ; tới thế-kỷ 18,

vua Càn Long cho chép lại hết các sách, lập thành bộ Tứ khố toàn thư (1), một công việc sưu-tầm tài-liệu không tiền trong lịch-sử nhân-loại.

Nước Pháp thì chẳng những nhà cầm quyền mà đến thường dân cũng biết trọng tài-liệu. Trong cuộc cách mạng 1789, những anh thợ xay bột, những chú lính của họ, viết còn sai be-bét mà cũng chịu ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, rồi chính-phủ trân-tàng tất cả những tài-liệu đó. Nói chi tới những di bút của các danh nhân thì họ quý hơn vàng : trong Thư-khố quốc-gia của Pháp, ta thấy cả những toa mua hàng, sổ chi tiêu của các văn-hào, nhạc-sĩ.

Còn ở nước mình, có được bao nhiêu nhà nho chép lại những tai biến cùng cảnh sinh hoạt trong thời Nguyễn, Trịnh xung-đột, koặc trong chiến-tranh giữa Nguyễn Ánh và Tây-Sơn? Mà thôi, hãy nói chuyện gần đây : chúng ta có muốn chép tiểu-sử của Nguyễn Khuyến hoặc Chu Mạnh Trinh để dạy học sinh ban Tú tài, cũng không biết tra cứu ở đâu, và nếu không tán hươu tán vượn thì may lắm về tiểu sử mỗi cụ, ta viết được một trang.

Đổ trọn lỗi cho tánh lười viết, không biết trọng tài-liệu, của cổ-nhân thì cũng oan cho các cụ. Thực ra, còn nhiều nguyên-nhân khác : nghề in thời xưa không phát-triển, rồi cái nạn binh-đao (thành Thăng Long biết mấy lần bị tàn-phá), cái họa văn-tự (hễ sơ ý một chút mà nói phạm tới nhà cầm quyền thì có thể bị tru-di tam tộc) ; lại thêm triều-đình chẳng khuyến-khích những công-việc sưu-tầm khảo-cứu ; vua chúa đều chỉ thích mỗi một món thơ, kẻ làm thơ mà có tài điêu trùng khắc triện thì được thưởng, còn người cặm cụi tra-khảo soạn sách thì cơ hồ

---

(1) Coi Đại-cương Văn-học-sử Trung-Quốc cuốn III của tác-giả.

không vị vua chúa nào ngó tới. (1)

Cái tinh-thần không biết trọng tài-liệu, xưa như vậy mà nay cũng không hơn gì mấy. Các viện bác-cổ và thư-viện của mình ngày nay, mở ra cho có với đời vậy, chứ thực ra đã làm được những việc gì quan trọng cho văn-hóa? Trong bài « Bàn về vấn-đề dịch sách cổ của ta » tôi đã đề-nghị một phương-pháp làm việc tập thể để dịch ra Việt-ngữ hết thảy những văn thơ cổ, bất kỳ về loại gì, để những người không thông chữ Hán có thể dùng những tài liệu đó mà nghiên-cứu về văn-hóa thời xưa (2). Vấn-đề đó, mười lăm năm trước, Vũ ngọc-Phan đã nghĩ tới, nhưng từ đó tới nay, những cơ-quan Văn hóa của chính-phủ đã làm được gì chưa?

Mà có bao giờ người ta nghĩ tới cái việc thu-thập tài-liệu trong dân-gian không? Chẳng hạn khi một danh-nhân trong nước qua đời, phái một người tìm thân-nhân hoặc bè bạn của người mất, để gom góp hoặc ghi chép những bút-tích cùng dật sự về vị ấy, rồi đem về giữ trong các thư khố làm tài-liệu cho đời sau. Công việc có khó-khăn tốn kém gì đâu, mà lợi cho văn hóa biết bao. Có như vậy các người cầm bút mới có tài-liệu để soạn sách, còn như bây giờ đây thì một nhà văn Việt viết tiểu-sử Tản-Đà còn khó hơn viết tiểu-sử của Molière, của Shakespeare, của Tolstoï. Thực là ngược đời, nhưng rất dễ hiểu Vì tra cứu ở đâu bây giờ để viết về đời sống của Tản-Đà? Chỉ có cách đọc những báo mà cụ đã viết hoặc người khác viết về cụ. Nhưng chính những số báo đó, kiếm được cũng là

---

(1) Phan Huy Chú bỏ ra mười năm soạn bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của ta, gồm 49 quyển được vua Tự Đức thưởng cho 30 lạng bạc, nhưng triều đình không hề nghĩ tới việc cho khắc và in bộ sách vĩ đại đó. Xưa đã vậy mà nay cũng vậy; nhà cầm quyền không biết quý trọng những công trình biên khảo lớn.

(2) Coi Nguyệt-san Bông-lúa số 1.— Tháng bảy 1955, và Mấy vấn đề xây dựng văn hóa — Tao Đàn 1968.

thiên nan, vạn nan. Ngay những tập-chí có giá trị như Thanh-Nghị, Tri-Tân mà thư-viện Nam-Việt cũng không có đủ, và những nhật-báo Việt xuất-bản ở Sài-gòn trước 1945 cũng thiếu nữa. Chắc nhiều độc-giả không ngờ được nỗi khổ tâm đó của những người muốn khảo-cứu về văn-hóa nước nhà.

Muốn tránh những khó-khăn ấy cho thế-hệ mai sau, ai lưu-tâm đến văn-hóa cũng nên thu-thập hết những tài-liệu về mỗi phong-trào chính-trị, kinh-tế hoặc văn chương ngay từ khi phong-trào vừa tắt và như vậy, ta có thể có một khái-niệm tổng-quát về nó được.

▼

Trong những năm 1949 — 1951, nhờ thời-cơ thuận-tiện, nhiều người đã chép lại lịch sử cách-mạng của ta từ đầu thế-kỷ tới cuộc đại-chiến vừa rồi. Trước sau được khoảng hai chục cuốn, nhưng tiếc thay, không có cuốn nào nói rõ về phong-trào duy-tân đầu tiên do cụ Lương văn Can (1) làm chủ-động năm 1907. Thành thử, tới bây giờ chúng ta chỉ mới có cuốn **Đông-kinh nghĩa-thục** *của Đào Trinh-Nhất (Mai-Lĩnh xuất-bản năm 1938), mà trong cuốn này có lẽ vì tị-hiềm (2) Đào quân không nhắc gì tới cụ Lương cả, gần như chỉ chuyên kể tiểu-sử của cụ Nguyễn-Quyền, một viên học-giám, chứ không phải là thục-trưởng của Nghĩa-thục như nhiều người tưởng lầm. (3)*

Tôi may-mắn được vào hàng con cháu một vị lão-nho đã hoạt-động cho Nghĩa-thục, thường được nghe cụ kể lịch sử của Nghĩa thục nên được biết cuốn của Đào quân

---

(1) Tên cụ là Lương văn Can chứ không phải Lương ngọc Can như một số người nhớ lầm.

(2) Đào quân là cháu rể cụ Lương.

(3) Hình như trong năm 1945 hay 1946, ở Hà-Nội có xuất-bản một cuốn nữa về Đông Kinh nghĩa-thục, cuốn đó không thấy bán ở Nam-Việt mà cũng không có tại Thư viện Nam-Việt.

có nhiều chỗ sơ-sót ; và mười sáu, mười bảy năm trước, tôi đã có ý đợi cuốn của Đào quân bán hết : sẽ viết một cuốn khác để bổ-túc, song thời đó, sự «kỵ-huý» còn quá nghiêm, có viết xong, xuất-bản cũng khó, nên mãi đến ngày nay mới thực-hành được ý muốn.

Tôi xin thưa ngay : cuốn sách nhỏ độc-giả đương đọc đây không phải là một cuốn sử, nó chỉ chứa những tài-liệu về sử thôi. Tôi chưa dám chắc rằng những tài-tiệu tôi đưa ra đã đúng hết, vì ba lẽ :

Lẽ thứ nhất, cụ lão nho đã kể chuyện Nghĩa-thục cho tôi nghe là người trong cuộc — chính cụ dạy học và soạn sách cho trường, lại là con rể cụ Lương — nên sự nhận xét, phán-đoán, dù có công-tâm tới mấy, cũng không sao tránh được đôi chỗ thiên-lệch.

Lẽ thứ nhì là những việc cụ cho tôi biết đều do ký-ức mà kể lại, chứ không được ghi chép ngay từ khi mới xảy ra. Cụ rất cường ký, nhưng dù nhớ dai tới đâu thì cũng phải quên nhiều chi-tiết, nhất là những chi-tiết về thời-gian của những việc đã qua trên bốn chục năm rồi.

Lẽ thứ ba là tôi đã rán kiểm-soát những lời của cụ, song chỉ kiểm-soát được một phần nào thôi. Trong công-việc kiểm-soát ấy, tôi dùng cuốn **Ngục trung thư** *của cụ Phan Bội Châu (Đào Trinh Nhất dịch và Tân Việt xuất bản năm 1950) làm căn-bản vì tôi nghĩ những tài-liệu trong cuốn đó có phần đúng hơn cả. Trước hết, cụ Phan rất thông-minh và nhũn-nhặn, tất nhớ nhiều và trọng sự thực ; khi viết cuốn đó (năm 1913), cụ mới 46 tuổi (1), tinh thần còn cường-tráng ; lại thêm, cụ chép những việc*

(1) Cụ sinh năm 1867 (Đinh-mão). Ta nên tính tuổi theo người Âu, hợp-lý hơn, nên đến năm 1913, cụ 46 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

mới xảy ra mười năm trước (từ 1903) thì tất phải ít sai (1).

Ngoài ra, tôi còn tham khảo nhiều sách khác của cụ Huỳnh Thúc-Kháng, và cách tác-giả Thế-Nguyên, Phương-Hữu, Anh Minh .. (coi bản kê tên ở cuối sách), song những tài liệu trong các cuốn đó nhiều khi mâu-thuẫn nhau, và đáng tin hơn cả chỉ có cuốn **Thi tù tùng thoại** *của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng và những cuốn của ông Anh-Minh viết theo di-cảo của cụ Phan Bội-Châu*

Chủ-ý của tôi là chép về Đông-kinh nghĩa-thục, nhưng tôi nghĩ không thể tách riêng phong-trào duy-tân đó ra được mà phải đặt vào phong trào cách-mạng của dân tộc trong 25 năm đầu thế-kỷ, nên tôi đã ghi thêm — nhưng chỉ vắn-tắt thôi — những vận động cách-mạng trước và sau Đông-kinh nghĩa-thục để độc-giả hiểu rõ nguồn gốc và ảnh-hưởng của nó.

Ba nhân vật quan-trọng nhất trong lịch-sử cách-mạng hồi đầu thế kỷ là cụ Lương văn Can (cụ cao niên hơn cả) cụ Phan Bội-Châu và cụ Phan Châu-Trinh ; nhưng sở dĩ tôi chép tiểu sử cụ Lương nhiều hơn của hai cụ Phan chỉ vì tiểu-sử của hai cụ này trong nước không ai không biết, còn đời sống cụ Lương thì chưa sách nào nhắc tới.

Lại có nhiều nhân vật phụ mà tôi chép lại dật sự

---

(1) Tuy-nhiên, sách của cụ cũng chưa đáng tin hẳn, vì thỉnh-thoảng có chỗ mâu-thuẫn chẳng hạn **Ngục trung thư** trang 15, cụ viết :

« Đến năm tôi ngoài 30 tuổi, đảng Cần-vương khắp trong nước nổi nhau vỡ-lở tan-tành, chỉ còn sót lại một mình cụ Phan-đình-Phùng. Nhưng năm Giáp-ngọ, niên hiệu Thành-Thái thứ 6, cụ mất ».

Năm cụ ngoài 30 tuổi, dù tính theo tuổi ta như cụ, thì ít nhất cũng là năm 1896 hay 1897. Cụ Phan-đình-Phùng mất năm Giáp ngọ tức năm 1895 thì sao năm 1896 hoặc 1897 lại còn « sót lại » ở La-sơn được ? Không biết có phải Đào quân dịch sai không ?

cũng kỹ-càng (1). Như vậy có hai lỗi, một là mang tiếng thiên-lệch, hai là làm mất tính-cách nhất-trí của sách ; song tôi nghĩ đã không có ý viết một cuốn sử, chỉ cốt ghi chép tài liệu thì tôi có thể — mà cũng nên — ghi càng nhiều càng tốt, biết đâu ghi đấy, nhất là những tài liệu chưa ai nhắc tới mà có tính cách làm vui câu chuyện, lại giúp độc-giả rõ thêm tâm-trạng cùng cách làm việc của các cụ thời đó. Dám mong độc-giả hiểu cho chỗ ấy mà lượng thứ.

Sài-gòn ngày 9 tháng 9 năm 1955

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Chúng ta phân biệt chính và phụ cho dễ nói, chứ thực ra, trong công cuộc cách-mạng, lòng nhiệt thành và trong sạch ngang nhau thì có ai là phụ, ai là chính? Chẳng qua mỗi cụ đều tùy khả năng của mình mà giúp nước, miễn thành-công là vui, chứ không hề nghĩ tới nhiệm vụ chính hay phụ.

TỰA

IN LẦN THỨ NHÌ

Các ông bạn tôi đi xa về đều nói: «Có ra nước ngoài mới thấy dân tộc mình về sự thông minh, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, không kém một dân tộc nào khác. Đừng nói Ấn Độ, Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân, đến ngay như Trung Hoa, Nhật Bản, Gia Nã Đại, Huê Kỳ... cũng không hơn mình được.»

Những nhận xét đó thường có tính cách chủ quan và hấp tấp, chỉ đáng tin một phần nào thôi. Nhưng ôn lại lịch sử của tổ tiên thì nhiều khi chúng ta cũng đáng tự hào về nòi giống của mình lắm. Những vũ công oanh liệt phá Nguyên, diệt Thanh thì ai cũng biết cả rồi, chúng tôi không muốn nhắc lại; hôm nay chỉ xin so sánh công cuộc duy tân của ta với công cuộc của Trung Quốc.

Nước ta chỉ nhỏ bằng một tỉnh của Trung Hoa, dân số của ta chỉ bằng một phần hai mươi hay một phần ba mươi của họ, ta lại ở trong một hoàn cảnh khó khăn hơn họ nhiều — ta hoàn toàn mất chủ quyền, là một thuộc địa của Pháp trong khi họ vẫn còn chủ quyền, chỉ là một bán thuộc địa — vậy mà cuộc vận động duy tân của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục oanh liệt và có ảnh hưởng không kém gì cuộc duy tân của nhóm Khang, Lương thời cuối triều Mãn Thanh.

Phong trào của ta phát động sau họ khoảng mươi năm — họ năm 1898, ta năm 1907 — nhưng như vậy không

TIMSACH.COM.VN

nhất định có nghĩa rằng ta giác ngộ sau họ; có thể là vì cho tới cuối thế kỷ trước, các nhà ái quốc của ta vẫn chưa chịu bỏ khí giới, vẫn nhất quyết sống mãi với quân xâm lăng; tới đầu thế kỷ này thấy con đường xả thân đó khó thành công được, mới chuyển hướng qua một đường lối khác, mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, tức con đường duy tân

Vì phát động sau Trung Hoa tất nhiên chúng ta rút được kinh nghiệm của họ, chịu ảnh hưởng ít nhiều của họ — những sách báo của Khang, Lương, các cụ trong Đông Kinh Nghĩa Thục đều có đọc cả — nhưng chúng ta vẫn có những hoàn cảnh riêng, một chủ trương riêng.

Khang, Lương còn cầu hợp tác với triều đình Mãn Thanh — vua Quang Tự —; các cụ trong Nghĩa Thục không chịu hợp tác với nhà Nguyễn, cơ hồ như không biết đến triều đình Huế nữa — các cụ Sào Nam, Tây Hồ, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng.. đều chửi thẳng vào mặt bọn vua quan «phường chèo» ở Huế —; và tuy phải sống dưới chế độ dã man của thực dân, các cụ cũng không khi nào hợp tác với thực dân, giữ một thái độ bất khuất, làm cho chính thực dân cũng phải kính nể.

Khang, Lương hô hào bãi bỏ khoa cử, bỏ lối văn tám vế trong các kỳ thi thôi nhưng vẫn giữ cổ văn, và mãi đến năm 1917, bọn Hồ Thích, Trần Độc Tú mới đề nghị dùng bạch thoại; các cụ trong Nghĩa Thục ngay từ 1907 đã đề cao «quốc ngữ» dùng nó làm phương tiện khai hóa quốc dân, dịch sách ra quốc ngữ, làm thơ cảnh tỉnh đồng bào bằng quốc ngữ Ta cứ nghĩ hiện nay, sống sau các cụ sáu chục năm mà một bọn giáo sư Đại học của ta còn nghi ngờ khả năng của Việt ngữ, ngăn cản bằng mọi cách sự phát triển của nó thì ta sẽ phải khâm phục các cụ sáng suốt, nhiệt tâm yêu nước ra sao. Người ta thường nhắc những câu bất hủ của Nguyễn Văn Vĩnh: «Tiếng nước ta còn thì nước ta còn», hoặc của Phạm Quỳnh: «Truyện Kiều còn thì nước ta còn», nhưng ít ai nhớ rằng hai ông đó chỉ lập lại chủ trương từ mười lăm hai mươi năm trước của các cụ trong Nghĩa Thục.

Khang, Lương đề cao khoa học, cái học thực dụng của phương Tây, nhưng cả nhóm Khang, Lương không

TIMSACH.COM.VN

có một người nào dấng ra lo việc kinh doanh, như mở xưởng dệt, mở tiệm buôn, khẩn ruộng, khai mỏ, hô hào dùng đồ nội hóa... như các cụ trong Nghĩa Thục. Khang, Lương chỉ lý thuyết, các cụ mới thực hành

Nhóm Khang, Lương có khi đi quá xa, chẳng hạn Khang Hữu Vi đề nghị diệt sự phân biệt quốc gia, phân biệt trai gái, phân biệt sản nghiệp..., còn Đàm Tự Đồng có hồi muốn phá tung «cái lưới luân thường»; các cụ trong Nghĩa Thục không cuồng nhiệt như vậy, chủ trương hấp thụ tân học, nhưng vẫn phát huy cổ học:

Từ đây phải nhận cho tinh,
Học Tây học Hán có rành mới hay.

Học đủ cả, nhưng phải cho rành, để phục vụ quốc gia cho đắc lực; vẫn trọng luân thường, vẫn phân biệt trai gái nhưng nhận rằng gái bình đẳng với trai và cũng có nhiệm vụ với xã hội, nhân quần như trai.

Xét về đức hy sinh thì nhóm Khang, Lương có lục quân tử, (1) còn chúng ta có hàng chục cụ bị đày ra Côn Đảo, và hằng chục cụ khác bôn ba hải ngoại để rồi lên chở khi giới về nước mà chiến đấu với quân xâm lăng cho tới chết.

Về ảnh hưởng của phong trào thì chúng ta có thể tin rằng khắp thế giới, không có cuộc vận động nào trong những hoàn cảnh khó khăn mà chỉ có mấy tháng lan tràn khắp trong nước, thành đề tài cho biết bao bài ca ái quốc được dân thuộc lòng như công cuộc duy tân của Nghĩa Thục.

Như vậy các cụ trong Nghĩa Thục có kém gì bọn Khang, Lương đâu, dân tộc chúng ta có kém gì dân tộc Trung Hoa đâu. Tôi thấy rằng các cụ còn có phần sáng suốt, có nhiều lương tri hơn các nhà cách mạng của họ nữa, mà dân tộc ta có tinh thần đoàn kết, tấn bộ hơn

---

(1) Sáu nhà cách mạng, sau khi vụ biến pháp thất bại, bị Từ Hi Thái hậu lùng bắt, không chịu trốn, nguyện đem máu ra tưới mầm cách mạng, trong sáu nhà đó có Đàm Tự Đồng, Dương Thâm Tú, Khảng Quảng Nhân (em Khang Hữu Vi)...

họ nữa: các cụ khuyên dân cắt búi tóc, dân thấy phải, nghe liền, còn dân tộc Trung Hoa cả chục năm sau Cách mạng Tân hợi vẫn còn giữ cái đuôi sam!

Điều đó làm cho tôi phấn khởi vô cùng: mỗi lần ôn lại lịch sử là mỗi lần vững thêm được niềm tin. Chiến tranh bi thảm hiện nay mà kết thúc, chủ quyền mà đòi lại được hết, mọi người mà có tinh thần tự lập, hạng tri thức mà biết noi gương các cụ trong Nghĩa Thục, hết lòng dắt dìu khai hóa đồng bào, thì không có lý gì tương lai của chúng ta không rực rỡ vào bậc nhất nhì ở Đông Á.

Nhân đến kỳ đệ lục thập chu niên của Đông Kinh Nghĩa Thục, chúng tôi sửa chữa kỹ lưỡng cuốn này, thêm khá nhiều tài liệu, để gây lại niềm tin trong lòng độc giả nhất là thanh niên, diệt cái tâm trạng hoang mang nó làm suy nhụt chí khí của dân tộc. Hoàn cảnh, phương tiện của ta lúc này đều hơn các cụ hồi xưa. Chúng ta chỉ thiếu sự đồng tâm và lòng hy sinh thôi. Mà những đức này chỉ có thể tìm lại được bằng sự tự giác, bằng cách ôn lại hành động của cổ nhân.

Chúng tôi tự biết tài liệu còn thiếu nhiều lắm, cho nên dám mong độc giả mọi nơi hễ biết thêm được tài liệu nào, nghe thêm được một chuyện nào liên quan tới Đông Kinh Nghĩa Thục, thì xin vui lòng chỉ bảo cho, để chúng tôi bổ túc thêm vì công việc phát huy văn hóa dân tộc phải tiếp tục hoài không lúc nào ngừng được.

Sài-gòn ngày 23-2-1967
(Thượng nguyên năm Đinh Mùi)

TIMSACHCOMVN

CHƯƠNG I

TÌNH-HÌNH NƯỚC NHÀ Ở ĐẦU THẾ KỶ

Cơn mây gió trời Nam bảng-lảng,
Bước anh-hùng nhiều chặng gian-truân.
(Khuyết danh) (1)

Cuối thế-kỷ trước là thời-kỳ bắc ám nhất trong lịch-sử cách-mạng chống Pháp của ta: các cuộc khởi-nghĩa nối nhau tan rã gần hết.

Năm 1887, nghĩa-quân ở Bình-Định, Phú-Yên bị Trần-Bá Lộc dẹp, chủ tướng là Mai-Xuân-Thưởng bị bắt và hành hình.

Tám năm sau Phan-Đình-Phùng bị bệnh lị và mất ở miền Hà-Tĩnh. Do Việt-gian chỉ, Pháp-quân đào được thây của người, Nguyễn-Thân đem hỏa thiêu, trộn tro vào thuốc súng, bắn. Một số nghĩa-quân tuẫn-tiết hoặc trốn qua nước ngoài, còn thì phải đầu thú, mong được yên thân lo cho gia-đình, không ngờ bị người Pháp giết gần hết.

---

(1) Hai câu này cũng như những câu song thất hoặc lục bát dẫn ở đầu các chương sau đều trích trong một bài ở cuốn **Nam thiên phong vận ca.**

TIMSACHTIENVN

Hai năm sau (1897), tiếng súng im hẳn ở Bãi Sậy, Nguyễn Thiện-Thuật phải lẻn qua Trung-Hoa.

Cũng cuối năm đó, Đề-Thám tạm giảng hòa với Pháp, lập ấp ở gần Nhã-Nam rồi năm sau ra hàng ở Nhã-Nam.

Thế là khắp trong nước không còn cuộc phản-kháng nào nữa. Người Pháp mừng rằng công việc bình-định đã kết-liễu và bọn tay sai đắc-lực của họ, tức Hoàng-Cao-Khải ở Bắc, Nguyễn-Thân ở Trung, Trần-Bá-Lộc ở Nam được ung-dung hưởng những quyền lợi xây-dựng trên xương máu đồng-bào. Chắc Khải, Thân và Lộc đều nghĩ: « Từ nay thì ta được cao trẩm vô ưu » (1) và vận mạng của Việt-Nam đã quyết-định: Pháp sẽ làm chủ giang-sơn này ít nhất là vài thế-kỷ, kẻ nào muốn sống thì phải ngoan-ngoãn phục tòng, càng vùng vẫy, càng mau chết. Kìa như chú khổng lồ là Trung-Quốc còn phải thua người phương Tây liểng-xiểng, ký hết điều-ước Bắc-Kinh đến điều ước Nam-Kinh, rồi cắt đất tô-tá, nhường lợi kinh-tế, thì xứ Việt-Nam bé nhỏ nầy làm sao chống cự với người da trắng cho nổi »?

Họ quên rằng dân tộc ta có một tinh-thần bất-khuất, càng bị đè nén thì càn phản-động lại, không phản-động được ở mặt nầy thì phản-động ở mặt khác, nên tuy tiếng súng đã im ở khắp nơi mà tinh-thần chống ngoại xâm vẫn bồng-bột trong lòng dân chúng. Và chỉ sáu năm sau khi Đề-Thám trá hàng ở Nhã-Nam, một cuộc vận động khởi-nghĩa quy-mô khá lớn, đã manh nha, do cụ Phan-Bội-Châu chủ-mưu.

Tiểu-sử của cụ, quốc dân ai mà không thuộc, chúng

---

(1) Lời của Nguyễn-Thân sau khi thiêu xác Phan-Đình-Phùng, nghĩa là gối cao (mà ngủ), chẳng còn lo gì cả.

tôi xin miễn nhắc lại, e rườm, chỉ xin kể những hoạt động của cụ có liên-lạc ít nhiều với phong trào duy-tân ở đầu thế-kỷ.

Năm 1903, cụ tìm kiếm cụ Tiều-la Nguyễn-Thành (tức cụ ấm Hàm) ở Quảng-Nam Cụ Nguyễn-Thành khuyên cụ định đường lối hoạt-động như sau:

— Liên-kết dư-đảng Cần-vương.

— Tôn phò Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để, dòng-dõi của Hoàng-tử Cảnh làm minh-chủ để đoàn kết nhân-tâm,

— Cầu ngoại-viện để có thêm lực-lượng.

Cụ nghe lời, ra Huế, lại yết-kiến Kỳ-ngoại-hầu, bày tỏ chí lớn. Hầu nhận làm hội-chủ, còn cụ thì nhận việc tổ-chức đảng. tức thời ra Bắc, lặn-lội vào miền Yên-Thế, thăm Hoàng-Hoa-Thám, rồi năm sau vô Nam, tìm thăm các hào-kiệt cùng các nhà nho tâm huyết từ Vĩnh-Long tới Châu-Đốc, Hà-Tiên, tiếp xúc với cụ Nguyễn-Thần-Hiến, một nhà ái-quốc ở Cần-Thơ.

Khi trở về Huế, cụ soạn cuốn *Lưu cầu huyết lệ tân thư* (1) để tả cái nhục mất nước và tuyên-bố phải *mở mang dân khí làm nền tảng cứu quốc, rồi thành lập hội Duy Tân* (1904).

Vậy chủ-trương của cụ đã hơi khác các nhà cách-mạng trước: không tự lực hoạt-động trong một khu-vực nhỏ mà muốn thống nhất các hoạt động rời-rạc, gây nổi một phong-trào bao-trùm khắp nước, cần sự hưởng ứng của toàn dân và sự viện-trợ của ngoại-quốc để hành động cho đắc lực.

Cụ hăng-hái quá, song thiếu kinh-nghiệm, tưởng đâu có thể tuyên truyền trong đám các «cụ lớn» ở Huế,

---

(1) Có sách bảo cuốn này viết năm 1903, có sách bảo năm 1904.

nên đưa cuốn *Lưu cầu huyết lệ tân thư* cho họ coi. May cho cụ là họ không tố cáo với người Pháp mà bắt giam cụ.

Tiếng chuông *Lưu cầu* mới vang trong giới nhà nho ở Huế thì một tiếng chuông khác cũng nổi lên ở Bình-Định. Nguyên cuối năm 1904, ba cụ Phan-Châu-Trinh, Trần-Quí-Cáp và Huỳnh-Thúc-Kháng rủ nhau chu du mấy tỉnh miền nam Trung-Việt, tới Bình-Định nhằm lúc tại nơi đó đương có kỳ thi hạch. Ba cụ mạo tên nộp quyển. Cụ Trần và cụ Huỳnh làm bài phú *Lương-ngọc danh-sơn*, còn cụ Tây-Hồ làm bài thơ *Chí-thành thông thánh*. Bài sau nầy thể Đường luật, ngắn hơn nên truyền-tụng rất mau. Nguyên-văn chữ Hán như sau:

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang sơn hòa (1) lệ khấp anh-hùng.
Bách quan (2) nô-lệ cường-quyền hạ,
Bát cổ văn-chương túy mộng trung.
Trường thử tích (3) niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao-lung.
Chư quân thùy thị (4) vô tâm huyết,
Thi bả (5) tư văn khán nhất thông.

Kìa coi thế sự, hết trông mong,
Vắng mặt anh hùng tủi núi sông.
Tám vế văn chương mê mắt ngủ,
Trăm quan tôi tớ uốn lưng cong.
Thôi đừng lý quá cam cười nhỏ,
Phải tính sao đây phá cũi lồng.
Thử hỏi ai không gan ruột nhỉ,
Câu nầy đọc tới cảm hay không?

(*Phương Sơn dịch*)

Có bản chép là (1) vô (2) Vạn dân (3) bách (4) vị tất (5) bằng hướng.

TIMSACH.VN

Rời Bình-Định, ba cụ tiếp tục con đường vô Nam, ghé Cam-Ranh rồi cặp bến Bình-Thuận. Hai cụ Trần và Huỳnh sau khi khảo sát tình hình rồi, xuống ghe bầu trở về xứ Quảng, cụ Phan đau, ở lại, tỏ nỗi buồn trong bài thơ *Phan-Thiết ngọa bệnh :*

Hựu hướng giang san tầu nhất tao,
Tam Phan phong vũ trệ chinh bào.
Thử trung ý tự vô nhân thức,
Độc ngọa tha hương thính hải đào.

Định đi một vòng khắp nước non,
Nhưng mưa gió ba xứ Phan (1) này cản áo
khách đi đường lại.
Nỗi lòng ta lúc này không ai biết đến,
Nằm một mình ở chỗ quê người mà nghe
sóng biển.

TIMSACH.COM.VN

Nhờ phải ở lại như vậy mà cụ kết thân với cụ Hồ-Tá-Bang (2) lập một thư xã ở đình Phú-Tài để giảng sách của Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu, trong vài tháng, rồi tháng chín cụ trở ra Quảng.

Năm sau ông Nguyễn-Trọng-Lợi mở hội Thanh niên thể dục và tư thục Dục anh để dạy học theo tinh thần mới, đón ông Lương-Thúc-Kỳ (nhạc phụ của Phan-Khôi) làm giáo viên. Trường khá nổi tiếng, có một số thanh niên ở Nam kỳ ra học. Phí tổn đều do công ti Liên Thành (cá nước mắm. .) chu cấp mà công ti đó cũng do ông Nguyễn-Trọng-Lợi thành lập.

« (Vậy) nhờ cụ (Phan-Chu-Trinh) chủ xướng, khuyến

---

(1) Tức ba tỉnh Phan-Rang, Phan-Rí, Phan Thiết.

(2) Thân phụ của bác-sĩ Hồ-Tá-Khanh, bộ trưởng Bộ Y-tế trong nội các Trần-Trọng-Kim.

khích giáo dục, công-thương hội mà phong trào truyền bá canh tân, mở mang thương nghiệp, chấn hưng công nghệ đã được khởi phát và thực hiện tại ở Bình-Thuận sớm hơn ở Bắc phần và Nam phận.» (1)

Tuy nhiên, hai tiếng chuông Lưu cầu huyết lệ tân thư và Chí thành thông thánh của hai cụ Phan chưa ảnh hưởng lớn bằng những tiếng súng trong trận Nhật Nga dội vào nước ta cuối năm 1904 và đầu năm 1905. Các nhà nho vừa mới hay tin nước Nhật bé nhỏ dám tuyên chiến với nước Nga khổng-lồ, còn đương nhạc nhiên thì lại tiếp được tin hạm-đội Nga ở Thái-Bình-Dương thua to tại Lữ-Thuận, rồi lục quân Nga cung tan tành, lần lượt Kim Châu, Liêu-Dương, Lữ-Thuận, Phụng-Thiên đều bị Nhật chiếm. Các cụ bàng-hoàng như tỉnh một cơn mê, rồi tới khi có tin hạm đội cứu viện của Nga mới phái qua lại bị tiêu diệt ở eo biển Đối-Mã thì các cụ đều vỗ tay reo, muốn nhảy muốn múa. Trận ấy, người Nhật dùng máy vô tuyến truyền tin lần đầu tiên trong hải chiến, đã đánh đắm hoặc bắt được trọn hạm-đội Nga trừ ba chiếc chạy thoát; phía Nga tử trận 4000, bị cầm tù 7000, còn phía Nhật tử trận có 16, bị thương có 538.

Lịch-sử Á Đông chưa ghi một thắng trận nào vẻ-vang như vậy, một thắng trận đã đánh dấu một khúc quanh trong hiện đại sử. Ảnh hưởng của nó đối với Á-Đông quan trọng vô cùng: Á-Châu thức tỉnh rồi tự tín được là nhờ nó. Các quốc-gia lớn nhỏ từ Ấn-Độ tới

---

(1) Theo Châu-Hải-Kỳ trong bài : Những hoạt động cách mạng của cụ Phan-Châu-Trinh tại Bình-Thuận.— Bách khoa ngày 15-3-1961.

TIMSACH.COM.VN

Phi-Luật-Tân có cảm tình ngay với Nhật vì Nhật đã rửa cái nhục chung cho giống da vàng và da đen. Trung-Hoa mong lật đổ gấp nhà Thanh để duy-tân; Ấn, Miến, Mã-Lai, Việt-Nam đều hăng-hái hoạt động để giành lại độc-lập.

Riêng ở nước ta, phong-trào cách-mạng phát lên bồng bột và tiến tới một hướng khác. Năm 1903, các nhà cách-mạng của ta chỉ biết trông cậy ở sự giúp đỡ của Trung-Hoa mặc dầu có một vài nhà ngờ rằng sự giúp đỡ đó không được bao nhiêu vì chính người Trung-Hoa tự cứu họ chưa xong, đã chịu cho liệt-cường cắt xẻo như một con mồi vậy; từ 1905 trở đi, dân-tộc ta hướng cả về Nhật, một mặt muốn cầu Nhật giúp khí-giới để đuổi Pháp, một mặt muốn noi gương duy-tân của Nhật để cường-thịnh lên. Thì Nhật trước kia cũng phục-tòng Trung-Quốc, hơn gì ta; chỉ nhờ công cuộc duy-tân của Minh-Trị và Y-Đằng Bác-Văn, mà ba chục năm sau đã làm cho Âu, Mỹ phải kiêng nể. Ta mà được duy-tân như họ thì kém gì họ?

Sĩ-phu trong nước truyền tay nhau đọc những cuốn: *Nhật-Bản quốc-chí, Nhật-Bản duy-tân khảng khái sử, Nhật-Bản tam thập niên duy tân sử*. Có cụ soạn bài *Đề tỉnh quốc dân ca*, trong đó có những câu khen Nhật như:

Lòng ái-quốc ghê hồn Nhật-Bản...
Khen thay Nhật-Bản anh tài....

Do đó, phong-trào Đông-du và Duy-tân nổi lên mạnh trong những năm 1906 — 1908.

CHƯƠNG II

PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU

Đông-hải xông pha nương cánh gió.
(Phan Bội-Châu)

Người có công đầu dẫn đường cho các nhà cách-mạng qua Nhật là cụ Tăng-Bạt-Hổ.

TMGHT.COM.VN

Cụ quê ở Bình-Định, lớn lên làm xuất-đội rồi lên cai cơ, cùng với Phạm-Toàn mộ dân quân để chống Pháp, thua Nguyễn-Thân nhiều trận, Thân biết cụ là người có tài, dụ hàng, cụ không chịu, lẻn qua Xiêm, rồi qua Trung-Quốc tìm Lưu-Vĩnh-Phúc, Phúc chết, cụ xin làm thủy-thủ một tàu buôn vừa để tự túc, vừa để quan-sát tình hình các nước, tìm thêm đồng-chí. Nhờ nghề đó, cụ thường qua lại Hoành-Tân, Trường-Kỳ, được ít năm, nói thông tiếng Nhật, sung vào đội thủy-quân Nhật. Trong Nga-Nhật chiến-tranh, vì lòng cảm hờn người Âu, cụ nguyện hy-sinh giúp Nhật, nổi tiếng là quả cảm, có công lớn trong những trận Đài-Liên, Lữ-Thuận, được người Nhật khâm-phục, thưởng huy-chương quân-công.

Ngày khải-hoàn, cụ được dự bữa đại yến do Nhật Hoàng đãi các tướng-sĩ. Đỡ chén rượu của vua Nhật ngự rót thưởng cụ, cụ uống một hơi cạn rồi khóc lớn

ở giữa triều-đình. Nhật-Hoàng hỏi, cụ giãi bày hết nỗi lòng:

— «Tôi vốn không phải là người Nhật mà là một người vong mạng (1) Việt-Nam. Sau khi thất bại trong việc chống Pháp, tôi trốn qua Xiêm, qua Trung-Hoa rồi tới đây, may được Bệ hạ tin dùng. Nay thấy quý quốc thắng Nga, làm vẻ-vang cho giống da vàng, tôi nghĩ đến tình-cảnh nước tôi mà không cầm được giọt lệ. Bao giờ dân nước tôi mới được một bữa yến như bữa nầy của quý quốc!» (2)

---

(1) Tiếng **vong mạng** thời đó còn dùng theo nghĩa gốc là kẻ phải trốn đi để giữ lấy mạng mình; sau nầy, nghĩa đó đổi lần và hây giờ hạng người vong mạng là hạng người liều lĩnh, làm càn.

(2) Chưa rõ cụ Tăng sanh năm nào, có lẽ hồi 1905 cụ đã ngoài bốn chục tuổi, năm 1905 cụ về nước, bị kiết lị, mất ở Huế (1906). Vì vụ khóc lớn ở triều đình Nhật nên cụ Sào-Nam điếu cụ như vầy: «Quân khởi ký sinh tác hí ư thế da, dụng binh ngũ tải, khứ quốc trấp dư niên, ký khốc vu Xiêm, ký khốc vu Thanh, hốt-hốt nhiên đại khốc vu Đông, thùy linh tứ nhập thu phong, hướng ngã Thần châu mai cổ kiếm.

(Về sau nói về cụ Sào-Nam, xin lược bỏ).

«Bác há sống nhờ làm trò cho đời ư, năm năm làm tướng, bỏ nước trên hai chục thu, đã khóc ở Xiêm, đã khóc ở Thanh, lại hốt nhiên khóc lớn ở Đông, ai khiến gió vàng nổi lên, nhắm đất Thần-châu chôn kiếm cổ.»

Trong cuốn Phong-trào đại Đông du của Phương-Hữu (Nam-Việt 1950) có trích một bài lục bát (khuyết danh) nói về việc khóc ở triều đình Nhật đó:

Thân phiêu-bạt đã đành vô lại,
Bấy nhiêu năm Thượng-Hải, Hoành-Tân.
Chinh Nga nhân buổi hoàn quân,
Tủi mình bô-bá theo chân khải-hoàn.
Nâng chén rượu ơn ban hạ-tiệp,
Gạt hàng châu khép-nép quì tâu.
Trời Nam mù-mịt ngàn dâu,
Gió thu như thổi dạ sầu năm canh.

Hết thảy các người dự yến đều chăm-chú nhìn vẻ mặt cương-nghị, nghe lời khảng-khái của cụ. Nhật-Hoàng khen cụ là chân ái-quốc, an-ủi cụ mấy lời và từ đó các nhà cầm quyền Nhật rất có cảm-tình với cụ Cụ làm quen với các nghị-sĩ Nhật như Khuyển-Dưỡng-Nghị, Đại-ôi Trọng-tín, tỏ ý muốn cầu viện Nhật để đuổi Pháp. Họ bảo phải chờ cơ hội vì Nhật còn lo đánh Nga mà cũng chưa có hiềm-khích gì với Pháp. Rồi họ khuyên cụ: « Trước hết các ông phải lo phát-triển phong trào duy-tân trong nước để nâng cao dân-khí, dân trí cho đại-sự dễ thành. Muốn duy tân, không thể trông cậy ở Pháp được vì Pháp không thực tâm khai-hóa, nên phải lựa những thanh-niên tuấn-tú đưa qua đây, nước chúng tôi sẽ đào-tạo cho. » Khuyển-Dưỡng-Nghị lại hứa tận lực giúp cho các học-sinh Việt-Nam được phép cư-trú và được miễn học-phí. (1)

TIMSACH.COM.VN

Cụ Tăng xét lời khuyên đó hữu-lý, nên xin phép chính phủ Nhật, tức tốc về nước, không dự trận thủy-chiến ở Đối-Mã.

Cụ về tới Hải-Phòng cuối năm 1904, vô Quảng-Nam, do cụ Nguyễn-Thành (2) giới-thiệu mà hội-họp

---

(1) Sau Khuyển-Dưỡng-Nghị giữ lời hứa, thành một bạn thiết của cụ Sào Nam, nên khi Khuyển mất, cụ điếu một đôi câu đối chữ Hán mà chính cụ dịch ra như sau:

« Đời chính-trị hơn bảy mươi năm, một khối hùng-tâm, Đông-Á Tây-Âu lừng lẫy cảm, Thân bô đào ngoài muôn dặm, mấy ai tri-kỷ, Biển Hoành, Non Phú mịt-mù tăm ».

(2) Cũng có tên là Nguyễn-Hàm, hiệu Tiểu-La, người làng Thịnh-Mỹ (Quảng-Nam), vừa là sáng lập viên Duy-Tân hội, vừa là người phụ trách phong-trào Đông du — Năm 1908 bị đày ra Côn-Đảo.

với cụ Sào-Nam và Kỳ Ngoại-Hầu, đầu năm sau đưa cụ Sào Nam qua Nhật để cầu ngoại-viện.

Lần đó là lần đầu tiên cụ Sào-Nam xuất-dương, lúc xuống tàu ở Hải-Phòng, cụ khẩu chiếm một bài thơ từ giã đồng chí, ý cao lời đẹp:

Sinh vi nam tử yếu hi kì,
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy?
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu-nhiên tụng diệc si,
Nguyện trục trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Bài đó, chính cụ dịch ra như sau:

Khác thường bay nhảy mới là trai,
Chẳng chịu vần xoay mặc ý trời!
Trong cuộc trăm năm đành có tớ,
Rồi sau muôn thủa há không ai?
Non sông đã mất, mình khôn sống,
Hiền thánh đâu còn, học cũng hoài.
Đông hải xông pha nương cánh gió,
Nghìn làn sóng bạc múa ngoài khơi.

Hai câu luận:

Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.

được hết thảy sĩ-phu trong nước ngâm-nga và làm cho nhiều người quyết-tâm bỏ cổ học mà theo tân-học.

Đưa cụ Sào-Nam tới Nhật, giới-thiệu cụ với cụ Khuyển-Dưỡng-Nghị rồi, cụ Tăng lại trở về nước vận động, và trong hai năm 1905, 1906, chắc đã có lần gặp cụ

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-Quyền (1) ở Lạng-Sơn, họp với cụ Nguyễn Thượng-Hiền ở nhà cụ đốc Đinh-Trạch (2) tại Nam-Định.

Nghe tiếng cụ Lương-văn-Can có nghĩa-khí (3), được nghĩa-hội văn thân ở Bắc tín-nhiệm (4), cụ tìm lại thăm tại nhà ở số 4 phố Hàng-Đào, Hà-nội để bàn về tình-hình trong nước và kế-hoạch lâu dài.

Cụ Lương nói:

— Thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân (5). Chúng ta đã vào hàng lão cả rồi (6) nên đặt hy-vọng vào bọn hậu tiến.

Cụ Tăng đáp:

— Ý tiên-sinh thực hợp với ý tôi. Tôi về nước lần nầy chính có mục-đích tìm thanh-niên đưa qua Nhật học.

Rồi cụ kể lại những lời khuyên của Khuyển-Dưỡng-Nghị và Đại-ôi Trọng-tín, sau cùng nhờ cụ Lương giới-thiệu cho những thanh-niên tuấn-tú và nhiệt-huyết.

Cụ Lương đưa ý-kiến:

— Tôi nghe nói một giải Hồng-Sơn đời đời sinh hào-kiệt, dư-đảng của cụ Phan-Đình-Phùng chắc còn, tiên-sinh thử đi tìm, chắc được như ý.

---

(1) Lúc đó cụ Nguyễn-Quyền làm huấn đạo Lạng-Sơn.

(2) Cụ đốc Đinh-Trạch đã từng giúp Tôn-Thất-Thuyết trong Phấn nghĩa quân.

(3) Coi tiểu-sử cụ Lương ở sau.

(4) Hội nầy lập ở Bắc-Việt ngay sau khi có tờ hịch Cần Vương của Hàm-Nghi.

(5) Một thành-ngữ nghĩa là: Kế mười năm không gì hằng trồng cây, kế trăm năm không gì hằng đào tạo người.

(6) Lúc đó cụ Lương cũng đã trên ngũ tuần.

TIMGACH.COM.VN

Lương-Trúc-Đàm, con cả cụ Lương, đã đậu cử-nhân, lúc đó ngồi hầu trà ở bên, cung kính chắp tay đứng dậy thưa với cụ Tăng:

— Ở Bắc-Thành, thanh-niên có tâm-huyết cũng không thiếu, nếu cụ cho phép, cháu xin đảm-nhiệm việc tìm anh-tài ở ngoài nầy.

Cụ Tăng cười:

— Phi thử phụ bất sinh thử tử (1).

Do cuộc hội-đàm đó mà hai người con cụ Lương — Lương-Ngọc-Quyến (tức Lương-Lập-Nham) và Lương-Nghị-Khanh thành những sinh-viên đông-du đầu tiên của nước Việt.

Tới Nhật, cụ Sào-Nam lại thăm Lương-Khải-Siêu, Đại-ôi Trọng-tín và Khuyển-Dưỡng-Nghị. Khuyển tận tâm giúp cụ và khuyên cụ rước Kỳ-Ngoại-Hầu qua. Cụ liền về nước thu-xếp việc đó rồi lại trở qua Nhật liền, mới vô tới nhà trọ cũ ở Hoành-Tân, đã gặp Lương-Ngọc-Quyến nằm đợi cụ ở đó rồi. Trong *Ngục trung thư* cụ viết:

« Tôi xem ra người — tức Lương-Ngọc-Quyến — có khí phách hăng-hái, đầu tóc đang để bờm-xờm, dò hỏi mới biết ông ta bỏ nhà vượt biển trốn sang Nhật có một mình, lúc lên bờ, trong túi chỉ còn vỏn vẹn có ba đồng xu.

Thấy vậy, tôi vừa mừng vừa chưng-hửng. Vì bạn tuổi nhỏ ở nước nhà, một thân một bóng mà dám liều mạng xông pha sóng gió muôn trùng, tới một nước thuở nay chưa nghe thấy bao giờ, Lương quân chính là người thứ nhất vậy. Té ra Lương quân vốn là người chứa sẵn

(1) Không cha đó thì không sinh được con đó.

kỳ-khí, chỉ nghe nói tôi qua Đông-Kinh mà thành ra mạnh bạo bỏ nhà bỏ nước ra đi. Bạn thiếu-niên anh tuấn của ta sau nầy, có mấy người được như Lương quân» (1).

Trong cuốn Tự Phán (Anh-Minh xuất-bản), cụ lại chép:

«Rất đáng quý hóa là ông Lương-Lập-Nham, hành-động có cách bất kỳ, tình-hình quẫn bức (2), khó thể ngồi yên, hăng hái nói: «Lúc nầy không đi ăn mày, còn đợi lúc nào nữa»? Sáng ngày nhịn đói, đi tự Hoành-Tân đến Đông Kinh một ngày một đêm. Đêm đâm vào Cảnh sát-thự, nằm ngủ giữa đất, quan cảnh-sát hỏi, ông vì không hiểu tiếng Nhật, ngu-ngơ không trả lời; lục trong túi lại không có gì cả, nghi là người có tâm tật; đoạn rồi cảnh-sát nói chuyện bằng chữ viết mới biết ông là thiếu-niên Ấn-độ Chi-na, cảnh-sát Nhật lấy làm lạ, cấp cho ông tiền phí hỏa xa về Hoành-Tân. Ông được tiền cảnh-sát cho, đã đỡ đói trong vài ngày, nhưng không trở về quán ở, bèn đi thăm hết chỗ lưu học-sinh Trung-Hoa ở Đông-Kinh, tình cờ tìm được nhà Dân-báo báo-quán. Nhà báo ấy là cơ-quan của đảng cách-mạng Trung-Hoa, chủ bút là Chương Thái-Viêm tiên-sinh, quản-lý là Trương-Kế (...). Hai người ấy là tay tiền-phong đảng cách-mạng Tàu. Vào quán đem thực tình nói với Chương, Trương. Chương, Trương thương lắm, cho ông làm việc tam đẳng thư ký và nói với ông trở về Hoành-Tân đem vài người đồng-chí lại sẽ dung nạp cho. Lúc đó ông trở về ngụ-quán,

---

(1) Bản dịch của Đào-Trinh-Nhất — Tân-Việt xuất-bản.

(2) Lúc đó, mùa đông năm 1905, chín nhà ái-quốc ở trong một phòng ở Hoành-Tân, vừa đói vừa rét.

TIMSACH.COM.VN

vừa mới vào cửa thì cười oà và nói với tôi rằng: «Bác ơi! ăn mày được việc rồi.» Lúc bấy giờ để Nghị Khanh là người em ở với tôi. còn dắt hai người đồng hương từ biệt tôi lên Đông-Kinh, ăn nhờ ở Dân-báo và học tiếng Nhật-Bản.»

Ở Nhật, Sào-Nam viết bài *Khuyên thanh-niên du học* giao cho cụ Tăng đem về nước phát hành. Cụ Nguyễn-Hải-Thần cùng qua Nhật với Lương-Ngọc-Quyến, lúc đó cũng ở Hoành-Tân, tình-nguyện gánh vác công việc quyên tiền để giúp du học sinh. Cụ Hải-Thần quê làng Đại-Từ, Hà-Đông có nhà ở phố hàng Bạc Hà-nội, tính hay cười, ít nói, không bao giờ phản-đối ai cả. Có hồi cụ theo học cụ Lương, sau khi đậu Tú-tài, làm đôi câu đối tết dán ở cửa:

Mẹ chết dám đi thi, (1) Trời cũng chiều lòng cho đỗ nhỏ,
(. . . . . .), (2) người mà có chí ắt làm to.

TIMSACH.COM.VN

Chí đó là chí làm cách mạng, và sau này, Trời cũng chiều lòng cụ một lần nữa, năm 1946, được về Hà nội, được trông thấy cảnh nước nhà độc-lập.

Thanh-niên trong nước hưởng ứng phong-trào Đông-du và đầu năm 1906, thêm được hai anh-tuấn nữa, tức Nguuyễn-thức-Canh, Nguyễn-Điền (3), cộng với Lương-Ngọc-Quyến và Lương-Nghị-Khanh, là bốn. Trừ Lương-Nghị Khanh vào học Đồng-văn thư-viện, còn ba người kia vào học Chấn-võ học hiệu. Vậy trong số bốn

---

(1) Xưa có tang cha mẹ thì không được đi thi. Lúc đó, cụ có tang mẹ nuôi nên được phép thi.

(2) Thiếu năm chữ.

(3) Lương-Nghị-Khanh là con thứ tư của cụ Lương-văn-Can, rất thông-minh, 17 tuổi đã đậu Tú-tài, người quen thường gọi là Tú con

thiếu niên mở đường cho phong trào Đông-du, họ Lương đã chiếm tới một nửa. Từ đó, phong trào mỗi ngày một lên, hai năm sau số học sinh tại Nhật có tới trên trăm, đủ Trung, Nam, Bắc, làm cho chính-phủ Pháp lo ngại. Ở Cần-Thơ, cụ Nguyễn-Thần-Hiến là người gia nhập sớm nhất, lập Khuyến du học hội, cho người con trai là Nguyễn-Như-Bích qua Nhật, sĩ phu trong Nam hưởng ứng rất đông.

Đầu năm 1906, Kỳ-Ngoại-Hầu qua Nhật cùng với cụ Phan-Sào-Nam và cụ Phan Tây-Hồ. Các nhà cách-mạng của ta thời đó qua Nhật rất thường — ấy là lén-lút mà còn vậy — và Đông-Kinh thành nơi gặp-gỡ của các nhà ái-quốc ở Đông-Á.

Trước khi đi, cụ Tây-Hồ có hội-đàm với các cụ Lương văn Can, Đào Nguyên-Phổ, Võ-Hoành để bàn kế duy-tân Ở Nhật ba, bốn tháng, cụ khảo-sát phương-châm tự-cường của người Nhật, lại thăm Khánh-Ứng nghĩa-thục, nơi đào-tạo các nhà tiền-bối duy-tân của Nhật, tiếp-xúc với các giáo-sư trong trường, tìm hiểu cách huấn-luyện đồng-chí và phương-pháp tổ-chức việc học Khi khảo-sát xong, chương-trình hành-động đã định, cụ sửa soạn về nước, tìm gặp cụ Sào-Nam, để phân công với nhau.

Trong *Ngục trung thư*, cụ Sào-Nam nhắc lại việc đó, cụ viết :

« Ông — tức cụ Tây-Hồ — nói với tôi :

— Xem dân-trí Nhật-Bản rồi đem dân-trí ta ra so sánh thật không khác gì muốn đem con gà con đọ với con chim cắt già. Giờ bác ở đây, nên chuyên tâm ra sức về việc văn, thức-tỉnh đồng-bào cho khỏi tai điếc, mắt đui, còn việc mở mang dìu-dắt ở trong nước nhà thì tôi xin lãnh. Lưỡi tôi

đang còn, người Pháp chẳng làm gì tôi được mà lo. (1)

Rồi cụ Sào-Nam đưa tập *Hải-ngoại huyết thư* mới viết xong cho cụ Tây-Hồ mang về nước. Tới Hà-nội cụ Tây-Hồ lại thăm cụ Lương-văn-Can, bày rõ tình-hình của Nhật và hai cụ bàn với nhau sáng-lập một nghĩa-thục tựa như Khánh Ứng nghĩa-thục để mở-mang dân-trí và đào-tạo đồng-chí, mưu kế lâu-dài.

Ít tháng sau, cụ Sào-Nam cũng ở Nhật về lần thứ nhì cốt ý gặp mặt Hoàng-Hoa-Thám, xin Hoàng cắt đất lập đồn để thu dùng những đảng-viên Nghệ, Tĩnh, chờ thời bạo-động

Nhân cơ-hội đó, hai cụ Phan, cụ Lương, cụ Tăng họp nhau ở phố hàng Đào, và trong cuộc hội-họp ấy, Đông-kinh nghĩa-thục được quyết-định mở, gây nổi một phong-trào duy tân trong nước.

TIMSACHTOM.VN

Theo nhà văn Nguyễn-văn-Xuân, phong-trào này thật sự đã phát-sinh ở Quảng-Nam trước hết. Năm 1906 ba nhà ái-quốc Phan-Chu-Trinh, Trần-Quí-Cáp và Huỳnh-Thúc-Kháng đã tổ chức các cuộc nói chuyện, các lớp tân học để đả đảo khoa cử, bài trừ hủ tục, hô hào cắt tóc ngắn... ; lại lập một cơ-sở kinh doanh lấy lên là Thương học công ti ở huyện Thanh-Bình, nơi cụ Trần-Quí-Cáp đương giữ chức giáo thụ.

Phong-trào được nhân-dân hưởng-ứng : các trường học (hình như có cả một lớp riêng cho nữ sinh) và các hội buôn mở ra khá nhiều, nhưng vì thiếu kinh-nghiệm tổ-

---

(1) Bản dịch của Đào Trinh-Nhất

chức, hoặc vì Quảng-Nam là một tỉnh nhỏ, nên không có tiếng vang lớn trong toàn quốc, và đúng lúc phong-trào bắt đầu xuống thì Đông-Kinh Nghĩa-Thục nổi lên.

Nhưng có người lại nói năm 1907, khi Đông kinh Nghĩa thục đã thành lập ở Hà-Nội rồi, cụ Tây-Hồ mới về Quảng-Nam cổ động nhân dân mở các lớp học duy tân. Chưa rõ thuyết nào đúng.

Nguyễn quân hiện đương sưu tầm về phong-trào đó và trong bài Văn học miền Trung (Tân Văn số 2, năm 1968), ông mong sẽ có dịp công bố kết-quả.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG III

ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC THÀNH-LẬP

Ngẫm xem con Tạo xoay vần,
Bày ra một cuộc duy tân cũng kỳ (1)

TIMSACH.COM.VN

Hồi 1906, ở đầu phố hàng Đào, phía tay phải, từ chợ Đồng-Xuân đi xuống có một căn nhà rộng mang số 4, bề ngang khoảng 4 5 thước, tại giữa là một lối đi, hai bên kê tủ và kệ chứa những tấm lụa Hà-Đông, the La-Cả, đũi Vân-Xa, lãnh Bưởi và ít nhiều cây gấm Thượng-Hải. Cụ bà Lương văn-Can, và hai người con gái thay phiên nhau trông nom cửa hàng đó.

Phía sau cửa hàng là một phòng rộng, trên cao treo một bức hoành-phi sơn son thếp vàng khắc bốn chữ *Hồn-nhiên thiên thành.* Ở cuối phòng có một cái thang đưa lên gác, chính tại gác đó mà cụ Lương, cụ Tăng, hai cụ Phan và nhiều nhà cách mạng nhỏ tuổi hơn như Nguyễn - Quyền, Lương - Trúc - Đàm, Đỗ - Chân - Thiết, Phương-Sơn... họp nhau để bàn quốc sự.

---

(1) Coi chú-thích ở đầu chương I.

Cụ Sào-Nam kể lai-lịch cùng chí-hướng của Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để, những lời hứa-hẹn của các chính-khách Nhật rồi bàn lẽ phải nhờ sức viện trợ của Nhật thì việc lớn mới thành.

Cụ Nguyễn-Quyền đứng dậy nói :

— Theo ngu ý, như vậy e sa vào cái lỗi « tiền môn cự hổ, hậu hộ tiến lang » (1) mất.

Cụ Sào-Nam bênh-vực quan-niệm của mình, đại ý nói, không nhờ ngoại viện thì gắng sức cũng chỉ gây được thanh thế như cụ Phan-Đình-Phùng là cùng, không sao thắng nổi Pháp.

Cụ Lương đứng ra hòa giải :

— Tôi nghĩ ngoại-viên và tự-cường phải đồng thời tiến hành mới nên.

Từ đó đường lối cách mạng của các cụ, kể cả cụ Sào Nam, là một mặt tiến hành giải phóng dân tộc bằng biện pháp võ trang, mặt khác đấu tranh công khai hợp pháp nhằm tuyên truyền giáo dục quốc dân, cải cách kinh tế xã hội để phục vụ cho cuộc đấu tranh võ trang.

Rốt cuộc, một nhóm người đã xuất dương thì cứ tiếp tục cầu viện Nhật, Trung Hoa, còn nhóm người ở tại trong nước thì lo duy tân, tự cường, liên lạc với các đồng chí Trung, Nam, Bắc, cổ lệ dân khí để quyên tiền giúp người xuất dương.

Tinh thần đó được một chí sĩ ghi lại trong mấy vần dưới đây :

---

(1) Cửa trước cự được con hổ, cửa sau lại rước con chó sói vào.

TIMSACH.COM.VN

Quyết vùng dậy ra tay tả đản (1)
Đứng đều lên có bạn nhà Nho,
Người trong thì trợ công phu,
Thừa cơ diễn thuyết nói cho rõ ràng.

. . . . . .

Người ở lại liệu chiều vận động,
Người đi thì biết rộng cơ mưu.
Trong ngoài giao hợp với nhau,
Đem tài lương đống làm đầu cho dân.

(Kính gởi đồng bào toàn quốc — Vô danh)

Như vậy ta không thể căn cứ vào *Văn minh tân học sách* (2) để kết luận rằng Đông kinh Nghĩa thục chỉ làm cách mạng về văn hóa thuần túy Sự thực là có một sự phân công giữa các nhà Nho thời đó và hai phái Duy tân và Bạo động nhằm chung một đích, bổ túc lẫn nhau.

Các cụ hẹn với nhau cứ sáu tháng lại khai hội ở Hà-Thành một lần, tại nhà cụ Lương ; nhưng một cụ đề-nghị mỗi lần hội nên đổi chỗ, như tại chùa Trấn-Quốc, chùa Hòa-Mã, chùa Liên Phái... cho người Pháp khỏi dòm ngó. Đề nghị đó được tán-thành.

Khi bàn tới việc quyên tiền, cụ Tây Hồ tỏ vẻ hơi bi-quan. Cụ nói :

— Chúng ta có cái dũng-khí độc lập cả ngàn năm rồi, trăm lần bẻ mà không gẫy. Tôi có dịp chu-du các

---

(1) Điển Chu Bột đời Hán, muốn giết họ hàng, bè phái Lữ Hậu để khôi phục họ Lưu (nhà Hán), ra lệnh hễ ai theo họ Lưu thì vén tay áo bên tả (tả đản) lên ; quân lính đều vén tay áo bên tả và sau khôi phục được nhà Hán.

(2) *Văn minh Tân học sách* viết năm 1904, không rõ tác giả là ai, năm 1907 được Đông kinh nghĩa thục in lại cùng với bài *Cáo hủ lậu văn* và *Cao Li cong quốc chi thảm trạng* để làm tài liệu học tập, tuyên truyền.

nơi, những người hưởng-ứng có tới số ngàn, chỉ tiếc một điều, người có hằng sản thì không có hằng tâm, còn người có hằng tâm thì hầu hết là bần sĩ, mỗi khi nghĩ tới việc đó, tôi thường thở dài, biết làm sao đây ?

Cụ Phương-Sơn đứng lên nói :

— Phàm đã có quyết-tâm thì không nên kể thành bại mà cứ việc mạnh bạo làm. Tôn Dật Tiên khi khởi sự ở Hương-Cảng chỉ có sáu đồng-chí, tức bọn Sử-Kiện-Như, Trần-Thiếu-Bạch... mà bây giờ thanh-thế gần như cướp mất hồn phách của nhà Thanh. Vậy ta chỉ sợ không có chí, đừng sợ không có tiền, xin các cụ đừng ngại.

Kế đó, cụ Tây-Hồ kể rõ phương-pháp của Khánh-Ứng nghĩa-thục và đề-nghị lập tại Hà-Thành một nghĩa-thục tương-tự. Đề-nghị được chấp-thuận và sau một hồi bàn xét, tên *Đông-kinh nghĩa thục* (1) được lựa chọn, mục-đích của nghĩa-thục được vạch rõ : khai trí cho dân, phương-tiện được hoạch-định : mở những lớp dạy học không lấy tiền (để đúng với cái tên là nghĩa-thục) và tổ-chức những cuộc diễn-thuyết để trao đổi tư-tưởng cùng cổ-động trong dân-chúng. Trường sẽ dạy cả Việt-văn, Hán-văn, Pháp-văn. Ban Tiểu-học chuyên dạy Việt-văn, lên Trung-học và Đại-học mới dạy Hán-văn và Pháp-văn. Chương-trình thì bỏ lối học từ chương khoa cử mà chú-trọng vào thường-thức và thực-nghiệp (2).

▼

Đại-cương đã vạch rồi, ít lâu sau, các cụ tái hội để

---

(1) Đông-Kinh, tức Đông-đô, tên thành Hà-Nội về đời nhà Hồ.

(2) Chúng ta nên nhớ hiện nay, sau 60 năm chương trình của bộ Quốc-gia Giáo-dục vẫn chưa chú trọng vào hai điểm đó.

tổ chức nghĩa-thục và phân-phối công-việc. Lần nầy vắng mặt cụ Tăng và cụ Sào-Nam, nhưng thêm nhiều nhà nho khác như Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hải Thần... và vài nhà tân học như Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học...

Hết thảy đều cử cụ Lương văn Can làm thục-trưởng, cụ Nguyễn-Quyền làm học-giám; cụ Tây Hồ không lãnh chức gì cả vì cụ muốn về Trung gõ chuông thức tỉnh đồng-bào trong đó.

Cụ Lương sở dĩ được bầu chức thục-trưởng vì cụ lớn tuổi hơn cả và bản tính ôn nhu mà có khí tiết. Cụ sinh năm 1854 ở làng Nhị-Khê, tỉnh Hà-Đông — tức quê của Nguyễn Trãi — trong một gia-đình nghèo, hồi nhỏ có lần cụ phải làm thợ sơn trong vài tháng. Năm 21 tuổi, cụ đậu cử-nhân, năm sau thi Hội, được phân số (1), triều-đình bổ làm giáo-thụ Phủ Hoài, cụ từ chối, sau chính-phủ Pháp cử cụ làm Hội-đồng thành-phố Hà-Nội, cụ cũng không nhận, ở nhà dạy học mà môn đệ nổi danh nhất của cụ sau nầy là cụ Nguyễn-Hải-Thần. Ngay từ hồi trẻ, cụ đã tỏ ra có khí-phách. Khi một thầy cũ, làm cách mạng bị chém, bêu đầu ở Phủ Hoài, môn đồ không ai dám xin thi-hài về chôn cất, sợ lụy tới thân, duy có cụ khảng-khái dâng sớ xin, triều đình cho phép và khen là người có nghĩa.

Năm lập nghĩa-thục, cụ mới trên 50 tuổi, nhưng râu tóc đã bạc nhiều, trông như người ngoài sáu mươi.

Các cụ Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Duy-Tốn tự đảm nhiệm việc xin giấy phép mở trường, và tức thì thảo đơn gởi phủ Thống-sứ.

Về tài-chánh, hội-viên tự ý giúp bao nhiêu cũng

(1) Nghĩa là trong bốn kỳ thi Hội được một, hai kỳ.

được và quyên thêm trong những chỗ quen thuộc hảo tâm. Tiền do cụ Lương xuất phát, nhưng sổ sách do cụ Nguyễn-Quyền giữ.

Chương-trình của hội là hãy lập một trường ở Hà-Thành, rồi tuyên-truyền về các vùng lân cận bằng các cuộc diễn-thuyết; khi nào công việc tấn-triển khả quan sẽ lập chi-nhánh ở khắp nơi.

Nhiều người bàn nên lập trường ở ngay nhà cụ Lương vì nhà nầy có một cái gác tầu-mã (1) chứa được vài trăm học-sinh. Cụ Lương bằng lòng và đề-nghị khi nào số học-sinh đông, sẽ mướn thêm ngôi nhà số 10 ở bên cạnh. Nhà nầy còn rộng hơn nhà cụ, vốn là của ông Hương-cống Sùng, một phú-gia bậc nhất nhì Hà-Thành hồi trước, lúc đó đã bán cho ông Phạm-Lẫm (thường gọi là ông Bố Vĩnh-lại vì ông làm Bố-chánh và quê làng Vĩnh-Lại — Hưng-Hóa). Nhà ăn thông từ hàng Đào đến hàng Quạt, dài trên năm chục thước, rộng có chỗ non ba chục thước, cũng có gác tầu-mã rộng tám thước lại thêm một hoa-viên giữa xây một con voi lớn, đào một giếng nước và trồng nhiều cây quý như anh-đào, bích-đào, đặc-biệt nhất là một cây lê tới mùa bông trắng xóa và một cây lựu bông kín cả cành, đỏ rực, rũ xuống y như tràng pháo.

Đợi hơn một tháng sau, phủ Thống-sứ vẫn chưa cho phép. Chắc sở Liêm phóng (tức sở Mật-thám) còn điều tra kỹ-lưỡng và cái tên *nghĩa-thục* đã làm cho

(1) Gác lớn mà các nhà Hà-Nội thời xưa thường có. Sở dĩ gọi là gác tầu-mã, vì nó rộng và dài, như có thể cho ngựa chạy trên đó được.

họ suy-nghĩ : *nghĩa-thục* là trường dạy không lấy tiền, nhưng *nghĩa-thục* và *nghĩa-quân* thì cùng là một chữ *nghĩa* đó, vậy *nghĩa-thục* còn nghĩa gì khác nữa chăng? Từ chối không cho phép thì tỏ ra hẹp-hòi vì người ta xin mở trường khai trí cho dân chứ có làm gì đâu; mà cho phép thì sợ trường hoạt-động cách-mạng, sau nầy mất công đàn-áp.

Trong khi đó, tiếng đồn trường sẽ mở đã vang khắp Hà-Thành, từ miệng người nọ truyền qua miệng người kia. Ai cũng mong ngày khai trường để xem nghĩa-thục đầu tiên của nước nhà ra sao. Người ta bàn tán nhất về các vị giáo-sư mà hầu hết là những danh-sĩ tâm huyết, người thì tú-tài cử-nhân, mà không thèm áo mão cân đai, kẻ thì văn hay chữ tốt mà chê cái vui bảng hổ danh đề.

TIMSACH.COM.VN

Người ta thì-thầm với nhau :

— Các ông ấy muốn tính đại sự đấy.

Phần đông thán phục nhưng cũng có một số chê là bất trí :

— Nhà nước làm còn chả xong, các ông ấy mà làm cái gì được?

Nhiều nhà đã xin với các giáo-sư cho em lại học mà trường vẫn chưa được phép. Đợi lâu quá, một người trong phái tân-học bàn với cụ Lương :

— Theo lệ tây, không cho phép mà cũng không bác bỏ, tức thị là mặc hứa. Mà chủ-trương của chúng ta chính đại quang-minh, họ khó bề từ chối. Vậy chúng ta có thể mở lớp ngay được, nhưng hãy dạy Quốc-ngữ thôi, kẻo nhiều người mong đợi quá. Quốc-ngữ là lợi-khí thứ nhất để khai dân-trí, vả lại dạy môn đó không đụng chạm gì tới ai, người Pháp không có lý gì để cấm ta.

Đề-nghị ấy được nhiều người tán-thành. Người đó lại tiếp:

— Ta nên mở ngay hai lớp, một lớp cho phe nam, một lớp cho phe nữ. Xin mượn gác nhà cụ làm lớp học. Duy có điều khó là ai dạy ban nữ được bây giờ đây?

Đợi một lúc lâu, không thấy ai trả lời, Lương Trúc-Đàm đứng lên nói:

— Nếu không tìm được ai dạy thì tôi xin cử em Năm tôi. Cô ấy biết Quốc-ngữ, tôi tưởng dạy tạm lúc đầu cũng được.

Nhiều người cười:

— Được vậy thì may lắm. Trong nhà cụ thực không còn thiếu chức gì nữa, thục-trưởng, rồi nam giáo viên, lại nữ giáo viên.

Ít bữa sau, (tháng ba d.l.), trong ngôi nhà số 4 phố Hàng Đào đã có hai lớp học: một nam, một nữ; học-sinh cộng được sáu, bảy chục, phần đông là con cháu hội-viên.

Thời đó, mở lớp cho nữ sinh như vậy quả là một cải cách lớn: các cụ chẳng những muốn bài trừ tư tưởng nam tôn nữ ti của cổ nhân, mà còn muốn cho phụ nữ phải đóng một vai trò trong xã hội, tạo cho họ một nhân sinh quan mới, một lối sống mới.

Vì chưa đóng kịp bàn ghế riêng cho học-sinh, trường đành dùng tạm án thư, tràng-kỷ, đôn. Cụ Lương Trúc-Đàm dạy bên nam, cô Năm dạy bên nữ. Những cái đầu đề chỏm ở giữa hoặc hai trái đào hai bên, chen với những mớ tóc đen nhánh quấn trong vành khăn nhiễu tam-giang, phất phơ chiếc đuôi gà. Hết thảy đều

cặm-cụi, bặm môi tô những chữ a, chữ o, chữ e trên giấy.

Vài tháng sau, vào đầu hè năm Đinh-mùi (tháng 5 d.l. 1907) giấy phép tới. Tức thì trường khếch-trương lớn.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG IV

KHAI TRÍ DẠY HỌC

Suốt thân sĩ ba kỳ Nam Bắc,
Bỗng giật mình, sực thức cơn mê.

TIMSACH.COM.VN

Năm 1907 là năm phong-trào duy-tân lên mạnh nhất. Sau nầy cụ Tây-Hồ nhớ lại thời đó, nói với một đồng-chí :

— Chúng mình lúc ấy như bọn người ngủ mê, sực tỉnh dậy, thấy ai làm cái gì thì làm ngay cái đó, làm hăng quá, cơ hồ như trong mắt không còn có người Pháp nữa.

Ta cứ xét công-việc của hội-viên trong Nghĩa-thục thì biết lời đó rất đúng.

Mục-phiêu chính của trường là khai-trí. Từ khi có phép của phủ Thống-sứ, số học-sinh tăng lên nhiều nhưng cũng không được như lời cụ Nguyễn-Quyền nói với Đào-Trinh-Nhất (1) là bốn chục lớp và trên ngàn học-sinh, mà chỉ được độ già nửa số đó.

---

(1) Đông-kinh nghĩa-thực — Đào-Trinh-Nhất — Mai-Linh — 1938.

Muốn mở cả ba ban: tiểu, trung và đại học, trường phải mướn thêm nhà ông Cống Sùng. Tuy chia ra ba ban như vậy, nhưng sự thực chương-trình không được hoạch-định rõ-ràng. Đại loại, tiểu-học để dạy những người mới học quốc-ngữ, trung-học và đại-học dạy những người lớn đã thông chữ Hán hoặc muốn học chữ Pháp. Các môn học thì có sử-ký, địa-lý của nước nhà, toán-học, vẽ, một chút khoa học. Không chia ra từng năm học như ngày nay, cứ tùy trình độ hiểu biết của học-sinh mà sắp thành từng lớp, trong một lớp tuổi học-sinh cũng không đều Lớp truyền bá quốc-ngữ của ta ngày nay ra sao thì những lớp trong Đông kinh nghĩa-thục hồi xưa cũng gần gần như vậy.

Lối dạy cốt đào tạo những người có sáng kiến, có óc thực tế, ngược hẳn với lối huấn hỗ, lối « Tử viết, Thi-vân », bảo thủ của nhà Nho. Đoạn dưới đây trích trong *Văn-minh tân học sách* (một bài nghị luận viết bằng chữ Hán năm 1904, không rõ của ai), có thể tóm tắt được đường lối của Nghĩa-Thục:

> « Tưởng nên đón thầy giỏi, mua đồ mẫu, chọn người khéo tay, nhanh trí khôn để cho vào học, rồi triều đình thường săn sóc mà dạy dỗ họ. Lại hạ lệnh khắp nước hễ ai học được kiểu mới, chế được đồ mới thì cũng theo lối Âu châu cấp cho bằng khen làm lưu chiểu, thưởng cho phẩm hàm để ngợi khen họ, cấp lương bổng để khen thưởng họ, cho giữ quyền sáng tạo để hậu đãi họ. Những ai giỏi về khoa cách trí, khí học, hóa học thì làm *cho họ được vẻ vang sang trọng hơn những người đỗ đại khoa...* » (1)

---

(1) Bản dịch của Đặng-Thái-Mai. — Tôi cho in ngả — Đoạn sau cũng vậy.

Muốn đào tạo hạng người như vậy, lối thi cử tất phải khác trước:

«... *cho phép học trò bàn bạc tha hồ*, đối đáp tự do, không phải nề hà. Không cần thể cách gì hết. Rồi thêm vào đó, mấy bài về toán pháp, về chữ quốc ngữ, để cho cái mà học sinh học và thi không trái với công việc thực tế họ phải làm, như thế thì cũng đã là tàm tạm đúng vậy».

Tư tưởng thực là cách mạng. Ngày nay, ở khắp thế-giới, chưa chắc đã có nước nào theo đúng được như vậy, còn riêng ở nước ta thì mặc dầu sau bao nhiêu lần hô hào cách mạng này cách mạng nọ, tinh thần tôn sùng bằng cấp đại khoa vẫn y như thời cũ, thời mà Nghĩa-Thục mạt sát.

TIMSACH.COM.VN

Phần Hán-văn giao cho cụ Kép (1) làng Hương-Canh, các cụ Dương Bá-Trạc, Hoàng-Tăng-Bí, Nguyễn-Hải-Thần, Nguyễn-Quyền, Lương-Trúc-Đàm; cụ Đào-Nguyên-Phổ tuy không dày nhưng thường góp ý-kiến.

Lối văn khoa cử bỏ hẳn, Tứ thư, Ngũ kinh vẫn còn giảng, nhưng giảng theo một tinh-thần mới, những sách của Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu được đem ra bàn nhiều nhất.

Dưới đây tôi xin giới thiệu qua hai cụ Đào và Dương, còn các cụ khác, sau sẽ có dịp nhắc tới.

Cụ Dương-Bá-Trạc là con một cụ đồ ở làng Phú-Thị (Hưng-Yên), anh cụ Dương-Quảng-Hàm, rất thông-minh, mau nhớ, môn đệ của của cụ Đinh-Gia-Trăn, văn tài rất mẫn tiệp, sở trường về kinh-nghĩa, 17 tuổi đậu cử-nhân, nhưng cũng như Lương-Khải-Siêu nhận ngay

(1) Đậu hai lần Tứ-tài thì gọi là Kép.

thấy những cái hủ bại của cổ học, nên hô-hào cái học thực-nghiệp để cứu quốc. Gặp bạn nào còn ham tập văn khoa cử, cụ cũng bảo : « Anh còn muốn cái cử-nhân ư ? Nầy, tôi bán cho anh, một xu thôi. »

Cụ cũng làm nhiều thơ hô hào quốc dân, hiện nay chúng tôi mới tìm được bài :

Vì sao giận đời

. . . . . .

Ôi những kẻ dân ta nghèo đói,
Có biết rằng nông nỗi bởi ai.
Cả năm đòn gánh trên vai,
Mồ hôi nước mắt không tài kiếm ra.
Nào lính phái các tòa các sở,
Nào thu tiền các chợ các ti.
Mấy lần thuế lại thuế đi,
Kiếm không đủ thuế lấy gì mà ăn?
Con với vợ mặt nhăn vì đói,
Mà thuế sưu cứ trói lấy tiền.

. . . . . .

Cụ Đào-Nguyên-Phổ, lúc đó làm chủ bút tờ Đại-Việt tân-báo, là người rất có chí-khí. Cụ lỡ mắc tật nghiện thuốc phiện, gặp phong-trào mới, cụ khảng-khái nói :

— Ai cũng biết duy tân, sao tôi còn thủ cựu, chẳng khiếp nhược lắm ư ?

Rồi cụ đập bàn đèn. Thuốc phiện hành cụ dữ, cụ đau ốm cả tháng. Nhiều người ái-ngại cho cụ, khuyên cụ hút lại, cụ giận :

— Tử sinh hữu mạng. Con đĩ phù-dung dám làm ma bắt tôi sao ?

TIMSACH.COM.VN

Ngừng một chút, cụ rầu rầu nét mặt, giọng rất cảm-động :

— Tôi chỉ vì lúc nhỏ đậu sớm (1), nên đâm ra chơi bời hút xách, rượu chè đủ tật. Cổ-nhân nói : « Thiếu-niên cao khoa, nhất bất hạnh dã » (2) thật đúng vậy.

Cụ nghỉ để lấy hơi — lúc đó cụ đau nặng, bạn bè tới thăm đông — rồi nhìn cụ Lương-văn-Can tiếp :

— Các ông gắng hê-hào bỏ được lối học cử-nghiệp đi và giúp thanh-niên xuất-dương du học, sau tất ích quốc. Tiếc rằng tôi già rồi, sợ không thấy được ngày thành-công.

Nói xong cụ ôm mặt khóc, cụ Lương cũng sa lệ. Một lát sau, cụ lại hồn-hển dặn-dò cụ Lương :

— Tôi còn thằng nhỏ nầy — cụ chỉ Đào Trinh-Nhất — tư-chất nó cũng được, xin ông chỉ bảo giùm nó cho tôi.

TIMSACH.COM.VN

Do đó, Đào Trinh-Nhất thành một học-sinh của trường và sau cưới một người cháu cụ Lương.

Phần Việt-văn và Pháp-văn do sáu bảy nhà tân học đảm nhận : Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá-Học, Trần-Đình-Đức, Bùi-Đình-Tá, Phạm-Đình-Đối....

Cụ Trần Đình Đức, một nhân-viên sở Địa-lý lãnh môn dạy vẽ. Chính cụ vẽ cho trường một bản-đồ Việt-Nam bằng vải trắng, cao độ thước rưỡi, ghi rõ tên núi, sông, châu-thành, thổ sản.. bằng chữ Hán và chữ Việt.

---

(1) 17 tuổi cụ đậu cử-nhân, vì người bé nhỏ, người nhà phải lên gấu áo thụng cho khỏi quét đất. Sau cụ đậu đình-nguyên. Cụ quê ở Thái-Bình.

(2) Nhỏ tuổi mà đậu cao là một điều bất-hạnh. Lời của Trình-Y-Xuyên đời Tống chép trong cuốn Lã-Thị Đồng mông huấn.

Chẳng những học-sinh mà ngay tới các giáo-sư nhà nho cũng trầm trồ khen ngợi, đứng nhìn hoài rồi về nhà khoe với bà con, bè bạn:

— Hôm nay mình mới được biết rõ non sông của tổ-tiên. Đây này — vừa nói, vừa chấm ngón tay vào một chén nước vẽ lên mặt án-thư — đây này, bờ biển cong-cong như hình chữ S, này Bắc, này Trung, này Nam, Tam-Đảo là đây, Hồng-Lĩnh là đây, Bạch-Đằng Giang đại phá quân Nguyên ở đây, Trường-sơn nhất đái vạn đại dung thân của nhà Nguyễn ở đây, và cái mũi nhọn ở phía Nam này là hạ-du sông Cửu-Long đấy, nơi mà xưa là của Miên, nay là của mình, nơi mà lúa chất thành núi, cá lội đầy sông.. Cái ông giáo Đức ấy có công với nghĩa-thục quá, vẽ tuyệt khéo, thật là có hoa tay. Muốn coi không, hôm nào tôi dắt lại?

Cụ Phạm Đình Đối nhận môn toán. Cụ rất có khiếu về môn ấy, tự học môn hình-học trong cuốn *Kỷ-hà tắc cổ* (1) của Trung-Hoa dịch trong sách Anh. Gặp nhà nho nào còn trẻ, cụ cũng khuyên:

— Toán dễ học lắm ông ạ. Thông-minh như các ông thì chỉ sáu tháng là giỏi, Cái học của người Tây minh bạch và thiết-thực, khác cái học của mình xa quá. Tôi

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Hình-học, người Trung-Hoa gọi là Kỷ-hà-học, mới đầu ta bắt chước họ, gần đây mới đổi là Hình-học. Hồi đó Bắc-Việt còn một người nữa, cụ Hàn Toản cũng có khiếu về Khoa-học, tự học mà chế được một chiếc tàu thủy nhỏ, dài độ năm tấc, đủ bộ phận, chạy bằng dầu lửa trên một bể nước. Chiếc tàu ấy đem tiến trình vua Thành-Thái và triều-đình ân-tứ cho cụ chức Hàn-lâm nên cụ có tên là Hàn Toản. Tiếc thay triều-đình chỉ thưởng cụ như vậy mà không giúp cụ qua nước ngoài học thêm Khi Nghĩa-thục mở, cụ đã trên lục tuần nên không dạy giúp được.

mò một mình còn ra, huống hồ là các ông được tôi chỉ bảo cho Mà môn học đó ích lợi lắm ông ạ: muốn đạc điền phải dùng nó, muốn cất nhà, xây cầu phải dùng tới nó. Để tôi chỉ ông coi....

Nhưng hầu hết các nhà nho chiều lòng mà coi qua loa chứ vẫn không thích. Cái nọc độc thơ phú đã nhiễm từ sáu, bảy thế-kỷ rồi mà.

Sau khi Nghĩa-thục bị đóng cửa, cụ Phạm-Đình-Đối theo cụ Nguyễn-Hải-Thần qua Trung-Quốc, thi đậu vào trường Đại-học Canh-nông Nam-Kinh, rồi mất tin.

Pháp-văn chỉ dạy buổi tối vì các giáo-sư hầu hết là công-chức. Ai muốn học, phải đóng mỗi tháng năm hào (bên Việt và Hán thì miễn phí). Có hội-viên phản-đối, cho như vậy không đúng với tên là Nghĩa-thục, nhưng phần đông đều tán-thành vì quỹ của trường còn eo hẹp, mà những người muốn học Pháp-văn đều đủ sức trả học-phí.

TIMSACH.COM.VN

Do đề-nghị của cụ Nguyễn-văn-Vĩnh, trường lập một sân thể-dục tại hoa viên, cũng sắm được vài quả tạ, dựng được vài cây cột leo. Các nhà tân học lãnh dạy môn đó, nhưng giáo-sư đã không thạo mà học sinh cũng không ham, rốt cuộc môn thể-dục hữu danh mà vô thực.

Giáo-sư dạy đều không công, ai bận công việc, không tiện về nhà thì ở lại trường ăn bữa trưa với một số học sinh bán ký-túc. Riêng khoản đó, cũng là một món chi-phí lớn cho trường rồi.

Các giáo-sư tân-học dạy có lẽ hơi có phương-pháp, còn các nhà nho thì cứ tùy hứng, có chương-trình hàng tháng hàng năm gì đâu, mà cũng chẳng thi cử gì cả, nên ai muốn giảng gì thì giảng.

Chẳng hạn, giảng về câu « Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương » trong Hiếu-kinh, thì các cụ cao thanh chỉ-trích lối giải-thích kinh, thư một cách câu nệ:

— Đức Khổng nói vậy thì ta phải hiểu là hồi nhỏ không nên chơi dao, leo cao cho ngã mà sinh ra vết tích, lớn lên thì đừng làm việc sái phép cho bị hình phạt; còn những chất dơ, chứa thừa trong mình bài tiết ra, như tóc như móng tay mà cũng không cắt nữa, để làm cái tổ chấy, cái chỗ chứa ghét, thì không phải là hiếu, mà là ngu, chí ngu. Anh em nghĩ tôi nói phải không?

Cả lớp cười rộ lên, rồi các cụ thao-thao bất tuyệt chê cái tục để búi tóc củ hành, để móng tay lá lan, và liên tưởng tới những hủ-tục khác như nhuộm răng, chọn những ngày tốt để tắm vân vân... Cứ như vậy ý nọ gợi ý kia, rốt cuộc tới cuối giờ, có lẽ các cụ quên hẳn đầu giờ đã nói những gì nữa

Hoặc trong giờ Việt-sử, muốn dạy về đời Trần, mới mở một cuốn sách cổ ra, thấy có hai chữ *thiên triều* để chỉ Trung-Hoa, thì một cụ giận dữ lấy bút chấm mực bôi kín hai chữ đó rồi thuyết một thôi một hồi về tinh-thần tự-cao của Trung-Quốc và tinh-thần tự ti của mình, rồi vạch cái nhục bị liệt cường xâu xé của nhà Thanh, tán dương chí cương-quyết, óc sáng-suốt của người Nhật, và lần lần cụ không đoái tưởng gì tới nhà Trần nữa mà vui miệng kể lại tỉ-mỉ trận Nga Nhật, cuộc đại-chiến trên eo biển Đối-mã, để rồi kết luận rằng ta phải bỏ cái tinh-thần tự ti đối với Trung-Hoa, mà cũng đừng nên có cái thói tự cao mù quáng như họ, chê Âu Tây là mọi rợ, chỉ mình mới văn minh (nội hạ, ngoại di).

Tóm lại mỗi giờ học trong các ban Trung-học và Đại-học gần như một cuộc diễn-thuyết, bài làm chắc các

cụ ít khi ra mà bài học cũng ít khi bắt trả. Lối dạy học đó không hợp khoa sư-phạm chút nào nhưng có lẽ hợp với thời đó nhất, với mục-đích của trường nhất, vì các cụ không cần đào tạo các ông tú, ông cử, ông phán, ông thông, mà chỉ muốn mở cái óc mê-muội, muốn gõ những tiếng chuông duy-tân, muốn gây một thế hệ cách mạng trong quần chúng «Bách niên chi kế mạc như thụ nhân», các cụ muốn làm cái việc «thụ nhân» đó để lo cái «kế bách niên» kia. Chính nhờ vậy mà học sinh mới hăng-hái nghe và phong trào mới có ảnh-hưởng lớn.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG V

SOẠN SÁCH VÀ BÀI CA

Cái hồn ái-quốc gọi về cũng mau.

Muốn truyền-bá tư-tưởng mới, tất-nhiên không thể dùng các sách cũ, trường phải soạn lấy sách, nên lập ra một ban Tu thư chia làm hai ngành: ngành soạn giao cho các cụ Phạm-Tư-Trực (Thủ-khoa, người làng Hành-Thiện), Dương-Bá-Trạc (1), Lương-Trúc-Đàm, Phương-Sơn và ngành dịch giao cho các cụ: Nguyễn-Hữu-Tiến, Nguyễn-Đôn-Phục, ông cử làng Đông-Tác, Hoàng-Tích-Phụng (2).

Chương-trình hoạt-động và tổ chức phân công chưa được vạch rõ. Đại loại giáo-sư dạy môn nào thường phải soạn bài cho môn đó, mỗi bài dài độ vài trang và xét về một vấn-đề Dù viết bằng Hán-văn hay Việt-văn, các cụ vẫn theo thể biền ngẫu, trừ một số đọc nhiều tân thư thì dùng thể nửa biền nửa tản (3), thể sở-trường

---

(1) Từ khi qua ban Tu thư, cụ Dương thôi dạy học.

(2) Thân phụ của Hoàng-Tích-Chu, một ký giả có danh tiếng lớp trước.

(3) Trong một bài có đoạn, có câu đối nhau, bằng trắc du-dương, lại có đoạn có câu thì viết theo lối tản văn như bây giờ.

của Lương-Khải-Siêu. Nội-dung bài nào cũng hô-hào lòng ái-quốc, chí tự-cường và tinh-thần duy-tân.

Những sách được dịch đầu tiên là những tân-thư của Trung-Hoa, như bộ Trung-Quốc tân giáo khoa thư. Hai cụ Nguyễn-Hữu-Tiến và Nguyễn-Đôn-Phụ, nhờ lãnh việc dịch mà luyện được cây bút, sau thành những nhà văn sắc-sảo trong nhóm Nam-Phong.

Cụ Phạm-Tư-Trực chỉ giúp việc trong ít tháng và bị phủ Thống-sứ vời làm trưởng ban Tu thư Bắc-Việt. Cụ không từ chối được, đành lãnh soạn những sách chữ Hán (1). Mới viết đoạn đầu về Việt-sử, cụ hạ ngay những câu nầy :

Ngô chủng bản phi di,
Ngô tộc diệc phi ti.
Bạch-Đằng phá Nguyên binh,
Chi-Lăng tầu Minh si (2).
Phụ xà giảo gia kê,
Tích nhân sở thâm bỉ.

Giống ta chẳng phải mọi,
Dòng ta chẳng phải hèn.
Bạch-Đằng phá quân Nguyên,
Chi-Lăng đuổi tướng Minh,
Cõng rắn cắn gà nhà,
Người xưa rất khinh bỉ.

Nhờ hai câu cuối, cụ được Pháp cho về nghỉ. Cụ không trở lại dạy ở nghĩa-thục, sợ họ để ý.

(1) Cụ Trần-văn-Khánh em cụ Trần-văn-Thông cũng ở ban đó, chuyên soạn sách Việt.

(2) Chữ sư đọc là si cho có vần.

TIMSACHCOM.VN

Sách soạn xong, giao cho một ban khắc và in ra hằng trăm bản để phát không cho học-sinh và các đồng-chí ở khắp nơi. Đào-Trinh-Nhất nói trường có máy in. Nếu có thì cũng không phải những máy đạp chân hay chạy điện in sách in báo bây giờ, mà chỉ là những dụng cụ thô-sơ để khắc tay, phết mực rồi đặt giấy lên. Về sau hình như cụ Trần-Đình-Đức chỉ cách dùng hoạt-bản, nghĩa là khắc rời những chữ cái rồi ghép lại thành bài nhưng hồi mới đầu thì các bài học đều in bằng xu-xoa (rau câu).

Sách của trường soạn hiện nay không còn di-tích, nhưng các bài ca thì còn được truyền lại ít nhiều, vài bài có sức cổ-động quần chúng mãnh liệt.

Người có tài đặt ca nôm nhất là cụ Lê-Đại, hiệu là Từ-Long người làng Thịnh Hào, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (1875 — 1952). Cụ là môn-đệ Vũ-Phạm-Hàm, văn hai thầy trò cũng tươi đẹp, tình tứ như nhau.

Có lần cụ được thầy vời lại, bảo:

— Đêm qua, thầy mộng thấy anh bận áo lam lại chào thầy. Khoa sau chắc anh đậu. Tài anh là tài thám, bảng.

Từ đó cụ đổi tên là Mộng-lam, nhưng thi hoài vẫn rớt hoài, chỉ vì cụ có tật làm văn chậm lắm, nên khoa nào cũng bị ngoại hàm. Để cho cụ đủ thì giờ gọt đẽo thì đã mấy ai hơn cụ được?

Hồi nghĩa thục mới mở, cuốn *Hải-ngoại huyết thư* của cụ Sào-Nam đã lưu hành khắp nước (1). Nhiều người

---

(1) Nhiều câu trong cuốn đó, được nhà nho đương thời thuộc lòng, như: (Xem tiếp trang sau)

dịch ra lục bát hoặc song thất lục bát, bản dịch của cụ Lê-Đại được thuộc nhiều hơn cả, có những câu dẫn:

Lời huyết lệ gởi về trong nước,
Kể tháng ngày chưa được bao lâu.
Liếc xem phong cảnh năm châu,
Gió mây phẳng lặng dạ sầu ngẩn-ngơ.

Phần đầu (Sơ biên) vạch trần lòng thâm hiểm của thực-dân:

Nó coi mình như trâu như chó,
Nó coi mình như cỏ như rơm.
Trâu nuôi béo, cỏ bỏ rờm,
Cỏ moi rễ cỏ, trâu làm thịt trâu.

Phần sau (Tục biên) kể những nguyên nhân mất nước, tâm-trạng bỉ-ổi của bọn quan lại vong bản:

TIMSACH.COM.VN

Ngày mong-mỏi vài con ấm tử,
Đêm vui chơi một lũ hầu non.
Trang-hoàng gác tía đài son.
Đã hao mạch nước lại mòn xương dân. (1)

(Tiếp theo trang 45)

Lịch can huyết dĩ điều canh, đế thiên diệc giám,
Chú tinh-thành ư nhất tiễn, kim thạch năng khai.

Hoặc: Tứ thiên niên phụ mẫu chi bang, hồn hề quy tá?
Số vạn lý bô-đào chi khách, mộng lý thê-nhiên!

Dịch: Vắt gan huyết để nấu canh, trời cao cũng biết,
Đúc tinh thành vào tên nhọn, đá vàng phải xuyên.
Bốn ngàn năm nước của tổ-tiên, về chưa hồn hỡi?
Mấy vạn dặm bô đào đất khách, giấc mộng buồn thay!

Xét theo văn biền ngẫu thì những câu này rất hay, hai câu trên hùng hồn, hai câu dưới lâm-ly.

(1) Chúng tôi chưa tra được nguyên-văn chữ Hán của những đoạn đó.

rồi hô hào toàn dân đồng tâm, bất hợp tác với thực dân, như Gandhi sau này hô hào dân Ấn Độ. Cụ Sào-Nam chưa nghiên cứu kỹ chiến thuật bất hợp tác như Gandhi, nhưng giọng của cụ thực cảm động:

Hai mươi triệu đồng bào đua sức,
Năm mươi nghìn giống khác được bao;
Cùng nhau bên ít bên nhiều,
Lọ là gươm sắc súng kêu mới là.
Cốt trong nước người ta một bụng,
Nghìn muôn người cùng giống một người,
Phòng khi sưu thuế đến nơi,
Bảo nhau không đóng, nó đòi được chăng?
Gọi đến lính không thằng nào chịu,
Bắt một người, ta kéo muôn người;
Bấy giờ có lẽ giết ai,
Hẳn thôi nó cũng chịu lui nước mình.

TIMSACH.COM.VN

Những lời nhắc nhở đồng tâm lặp đi lặp lại như một điệp khúc:

Thương ôi! trăm sự tại người,
Chữ «đồng» ai dám ngăn rời chữ «tâm»?

. . . . . .

Người trong cho đến người ngoài,
Chữ «tâm» cốt phải ai ai cũng «đồng».

. . . . . .

Gió nhanh thì sóng cũng mau,
Chữ «tâm» một phút đâu đâu cũng «đồng».

. . . . . .

Hòn máu uất chất quanh đầy ruột,
Anh em ơi! xin tuốt gươm ra,
Có giời có đất có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm!

Ta nhận thấy cụ khác hẳn Gandhi, bất hợp tác chứ không bất bạo động.

Cụ không thuộc trong phái bạo-động, chỉ vì mấy vần thơ đó mà chính-phủ Pháp căm hờn, đầy cụ ra Côn đảo trên mười lăm năm (1908-1926), còn các cụ Nguyễn Quyền, Dương Bá-Trạc, Võ-Hoành chỉ bị khoảng một năm. Cái họa của văn-tự!

Theo Đào Trinh-Nhất, cụ Nguyễn-Quyền (1869-1941 người làng Thượng Trì — Bắc Ninh, đậu Tú tài, làm huấn đạo Lạng Sơn) cũng soạn một bài có tính-cách ái-quốc, giọng lưu-loát, tức bài:

Cắt tóc

Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh Độc-lập ở chùa Duy-Tân.
Đêm ngày khấn vái chuyên cần,
Cầu cho ích nước lợi dân mới là.
Cốt tu sao cho mở trí dân nhà,
Tu sao độ được nước ta phú-cường.
Lòng thành thắp một tuần nhang,
Nam-mô Phật-tổ Hồng Bàng chứng minh.
Tu hành một dạ định ninh,
Nắng mưa dám quản, công trình một hai.
Chắp tay lạy chín phương trời,
Kêu trời phù-hộ cho người nước tôi.
Tiều tôi trông đứng trông ngồi,
Trông sao cho đặng giống nòi vẻ vang.
Nào là tín nữ thiện nam,
Nào là con cái thập phương giúp cùng.
Giúp tôi đúc quả chuông đồng,
Đúc thành quả phúc, ta cùng hưởng chung.

TIMSACH.COM.VN

Ai muốn tu xin dốc một lòng,
Nghìn thu tạc một chữ đồng đến xương.
Nam-mô Phật tổ Hồng-Bàng.

Cụ còn có bài Chiêu hồn nước nhưng bài này không được truyền rộng bằng bài Chiêu hồn nước của Phạm Tất Đắc sau này (1).

Bài dưới đây, chưa biết rõ là của một giáo-sư trong Nghĩa thục hay của cụ Sào-Nam, chúng tôi cũng chép lại để tồn nghi. (2)

A-tế-á.

Ngồi mà ngẫm thêm sầu lại tủi,
Nước Nam ta gặp buổi truân chiên,
Dã-man quen thói ngu hèn,
Nhật-Bản Minh-Trị dĩ tiền khác đâu?
Tự giống khác mượn màu bảo-hộ,
Mưu hùm thiêng lo lũ cáo già,
Non sông thẹn với nước nhà,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
Nỗi diệt chủng vừa thương vừa sợ,
Nòi giống ta chắc có còn không?

TIMSACHTOM.VN

---

(1) Đề tài Chiêu hồn nước thời đó được các nhà ái quốc ưa dùng trong thi ca: ngoài hai bài đó, còn Hồn cố quốc (khuyết danh), Tỉnh quốc hồn của Phan Chu Trinh. Có lẽ đó là một đặc điểm của thơ ái quốc Việt Nam. Không rõ các cụ có chịu ảnh hưởng của Khuất Nguyên không, mà bài nào cũng ai oán như Chiêu hồn của Khuất Nguyên.

(2) Người đọc cho tôi chép bài này có thể nhớ sai, nếu không thì giọng văn còn có chỗ non, chưa chắc là của cụ Sào-Nam. Có thuyết bảo là của cụ Nguyễn Thiện-Thuật, lại có thuyết bảo là của cụ Nguyễn Thượng Hiền mà chỉ là một đoạn giữa rất ngắn thiếu đầu và đuôi.

Nói ra, ai chẳng đau lòng,
Cha con tủi nhục, vợ chồng thở than.
Cũng có lúc căm gan tím ruột,
Vạch trời cao mà tuốt gươm ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long.
Thế mà chịu trong vòng giam buộc,
Bốn mươi năm nhơ-nhuốc lầm than.
Thương ôi! Bách Việt giang-san,
Văn.minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa.
Hồn mê mần, tỉnh chưa, chưa tỉnh?
Anh em ta phải tính nhường sao? (1)

Chúng tôi xin giới thiêu thêm hai bài ca khuyết danh cho phụ nữ học, mà tôi cho rằng đã mở đường cho những bài hát *Anh khóa* sau này của cụ Trần Tuấn Khải, mặc dù thể thơ khác nhau:

TIMSACHCOM.VN

Vợ khuyên chồng

Tình thân ái là tình trong phu phụ,
Nợ anh hùng là nợ cũ non sông!
Nghĩ nguồn cơn, ngán với Âu phong (2)
Tưởng nông nỗi than cùng Á vũ (3).
Ai lăn lóc chen trong đài múa?
Trò diễn ra: nào hiểm, nào ác, nào hoan nào lạc,
nào tráng nào bi.

Nực cười thay! mây nước tới kỳ,

---

(1) Chác tới đây chưa hết.

(2) (3) Nghĩ là gió Âu mưa Á, tức biến chuyển dữ dội ở châu Âu, châu Á.

Kìa hiệp nữ. nọ kiện nhi đâu máu lạnh?
Tỉ diện, Cách mi quân đối kính, (1)
Qua tình, La tứ thiếp lâm trang. (2)
Thiếp tôi đây, đâu có nhi nữ chi thường,
Anh tai mắt, mong nở nang trong vũ trụ.
Đường ưu thắng, anh thênh thang vó ngựa,
Gánh văn minh, em sớn sở lưng ong.
Đôi ta vợ vợ chồng,
Nước non nhẹ gót tang bồng này chăng?
Xem trong phu phụ ai bằng!

Hai câu mở đột ngột, bi mà hùng. Điệu hát nói của ta thường chỉ để diễn cái vui hưởng nhàn, ít có bài nào cổ động quốc dân mà giọng thiết tha như bài này.

Khuyên con

TIMSACH.COM.VN

Mẫu dĩ tử quí (3)

Con ra người thì mẹ đặng tiếng khen.
Thôi thôi đừng bạc trắng lòng đen, (4)
Tham danh lợi nỡ quên người một giống.

---

(1) Soi gương chàng không thẹn với mặt Tỉ Tư Mạch (Bismark, nhà chính trị thống nhất nước Đức, sau khi thắng Nã Phá Luân đệ tam) và (lòng) mày Cách Lan Tư Đốn (Gladstone, nhà chính trị Anh đã duy trì được địa vị bá chủ của Anh ở cuối thế kỷ trước).

(2) Tô đ ểm, thiếp không thẹn với Qua Đặc (Jeanne D'Arc, nữ anh hùng Pháp lãnh đạo nhân dân chống quân Anh) và La-Lan phu nhân (Madame Roland), nhà nữ Cách mạng Pháp sau cuộc cách mạng 1789.

(3) Mẹ vì con mà được quí, nghĩa là con được vinh hiển, được tiếng thơm thì mẹ cũng được hưởng lây.

(4) Đồng bạc trắng làm mờ ám lòng người.

Xưa mẹ ông Vũ Mục (1) khuyên con giúp Tống,
Chữ «tận trung báo quốc» để ngàn thu.
Khuyên con đừng «nhẫn sỉ sự thù», (2)
Ngàn muôn kiếp ai khen đâu Phùng Đạo? (3)
Thân trâu ngựa mà cân đai áo mão,
Vẻ vang này mẹ nghĩ càng đau!
Này này, học chữ để đâu?

Ngoài những bài ca ái quốc ra, còn nhiều bài có tính cách khai trí, như khuyên canh nông, khuyên công nghệ, khuyên thương mại, dạy Sử ký, Địa lý.., đều dùng những thể bình dân như lục bát, song thất, vè... Các cụ đã chống lại quan niệm lạc hậu «nôm na là cha mách qué» mà đề cao Việt ngữ:

TIMSACH.COM.VN

«Phàm người trong nước đi học nên lấy chữ quốc ngữ làm phương tiện đầu tiên để cho trong thời gian vài tháng đàn bà con trẻ cũng đều biết chữ và người ta có thể dùng chữ quốc ngữ để ghi việc đời xưa và chép việc đời nay (...) Đó thực là bước đầu tiên trong việc mở mang trí khôn vậy».

(Văn minh tân học sách)

Các cụ một mặt khai thác vốn cũ của dân tộc, một mặt tiếp thu văn hóa phương Tây, mà dùng tiếng mẹ để làm chuyển ngữ.

---

(1) Vũ Mục tức Nhạc Phi, danh tướng đời Tống, hồi trẻ, mẹ xâm vào lưng bốn chữ: tận trung báo quốc

(2) Chịu nhục mà thờ kẻ thù.

(3) Phùng Đạo là một gian thần đời Ngũ Đại, trải bốn triều đại, thờ 13 vua Nước ta lúc này cũng không thiếu gì kẻ thờ liên tiếp bốn năm triều đại.

Chữ Tàu dịch lấy chữ ta.
Chữ Tây cũng phải dịch ra chữ mình.

Ngày nay cách các cụ đã sáu mươi năm — ba thế hệ — mà một bọn «trí thức», giáo sư Đại học, vì quyền lợi, mạt sát tiếng Việt, ngăn cản sự phát triển của tiếng Việt, đọc tiểu sử tiểu sử của các cụ không biết có lấy làm thẹn không? Các cụ liệng bỏ cái phó bảng, cử nhân, hòa mình với dân chúng để dắt dẫn dân chúng còn họ thì cầu cạnh chức thạc sĩ hay tiến sĩ, lấy làm vinh dự rằng được ngoại nhân gọi là «những đứa con tinh thần», rồi cố bám lấy địa vị để duy trì chính sách thực dân của bọn «cha mẹ tinh thần», làm hại dân hại nước, điêu đứng cho cả một thế hệ thanh niên.

Dưới đây chúng tôi xin trích đoạn đầu trong bài ca *Địa lý* do vài ba cụ hợp tác:

TIMSACH.COM.VN

Năm châu quanh mặt địa-cầu,
Á-châu thứ nhất, Mỹ-châu thứ nhì.
Châu Âu, châu Úc, châu Phi,
Mỗi châu mỗi giống sắc chia rành-rành.
Giống vàng, giống trắng tinh anh,
Giống đen, giống đỏ, giống xanh (?) ngu hèn.
Cuộc đời là cuộc đua chen,
Giống khôn thì sống, giống hèn thì sa. (1)
Lạc-Hồng là tổ nước ta,
Nước non từ trước gọi là Đại-Nam.
Lịch niên hơn bốn ngàn năm,
Hoàng dân phỏng độ bốn trăm ức người. (2)

---

(1) Sa là sa-sút.

(2) Thực ra lúc đó chỉ non hai trăm ức, nhưng các cụ thường phóng đại cho quốc dân tin ở sự hùng-cường của nước nhà: một lối tuyên truyền!

Song có ảnh-hưởng lớn nhất đến thời cuộc, làm cho người Pháp căm gan nhất, là bài *Thiết tiền ca* của cụ Nguyễn Phan Lãng, biệt hiệu là Đoàn Xuyên.

Cụ không phải là hội-viên của Nghĩa-thục. Một hôm các giáo-sư đương họp ở phòng Tu-thư thì thấy một thầy đồ nghèo, đen đúa, mặt rỗ, tay cầm chiếc nón tróc hết sơn, chân đi đôi dép quai ngang, bận chiếc áo dài vải đen và chiếc quần trắng vải thô, khép-nép bước vào, lễ phép chào mọi người. Không ai để ý tới, tưởng là người đến xin sách; sau một hội-viên mời ngồi, hỏi chuyện. Thầy đồ vén áo, ghé ngồi trên một chiếc đôn rồi móc túi lấy ra một tờ giấy đặc chữ nôm và nói:

— Thưa các cụ và các ông, người Tây mới cho ra thứ tiền sắt, chúng tôi nghĩ hại cho dân lắm, vì khi dân đã dùng tiền sắt thì họ sẽ thu lại tiền đồng và tiền kẽm, nên chúng tôi đặt bài ca nầy, xin trình các cụ, các ông phủ chính cho.

Các giáo sư ngạc nhiên, xúm lại đọc. Bài ca giọng nồng-nàn, mạnh bạo, hô-hào dân chúng tẩy chay tiền sắt. Ai nấy đều khen, lúc đó mới niềm nở hỏi thăm thầy đồ thì thầy chỉ nhũn nhặn thưa là quê làng Tây-Tựu huyện Hoài-Đức (Hà-Đông) chứ không cho biết tính-danh. Nghĩa-thục bèn xin bản đó, phiên âm ra quốc-ngữ, cho in ba trăm bản gởi đi khắp nơi.

Một người truyền cho mười, mười truyền cho trăm, từ kẻ chợ đến thôn quê, không ai chịu dùng tiền sắt nữa. Chính phủ Pháp ra lệnh bắt giam một số, nhưng càng đàn-áp, dân chúng càng nghi-kị, có nơi gần như bãi thị. Tiền phát cho quan lại, họ miễn cưỡng nhận, mang về giao cho vợ con, vợ con đem ra chợ tiêu không được, tình hình muốn nghiêm trọng, chính-phủ phải chịu thua, thu tiền sắt về.

Công đó là của cụ đồ Tây-Tựu, một người chân-thành ái-quốc, hoàn-toàn không háo-danh, vì cụ chỉ tới Nghĩa-thục lần đó và một lần nữa rồi thôi không ra mặt. Thực là một người giúp sức kín-đáo và đắc-lực của trường. Khi Nghĩa Thục bị đóng cửa, cụ viết báo ở Hà-Nội, năm 1925 những bài *Tiếng cuốc kêu, Mơ tỏ mảng* được nhiều người chú ý.

Thi-sĩ Tản-Đà phàn-nàn, về cái việc kiếm tiền, bút lông không «nhọn» (1) chút nào cả. Đúng vậy Cụ Lê Đại, văn hay chữ tốt nổi danh Hà-Thành, mà khi ở Côn-Đảo về, viết câu đối thuê, làm văn mướn cũng chỉ đủ để chi tiêu về khoản trà thuốc, nếu không được bà vợ buôn muối, mắm thì tất phải túng quẫn

Nhưng quét nổi một chế-độ, làm cho kẻ thù mạnh gấp trăm mình phải tái mặt, có khi thúc thủ, thì bút lông há nhường súng đạn, gươm đao? Trung-Quốc có bài hịch của Lạc Tân-Vương chống Võ Tắc-Thiên, bài hịch của Trần-Lâm chống Tào-Tháo; nước ta cũng có bài hịch chống Minh của Nguyễn-Trãi và bài Thiết tiền ca của thầy đồ Tây-Tựu.

Bài dùng thể song thất lục bát, dài non trăm câu (coi phụ lục 1), đoạn đầu giọng rất chua xót và phẫn uất:

. . . . . .

Trời đất hỡi! dân ta khốn khổ,
Đủ trăm đường thuế nọ thuế kia,
Lưới vây chài quét trăm bề,
Róc xương, róc thịt còn gì nữa đâu?
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,
Thoạt tai nghe bần bật khúc lòng.

---

(1) Trong hai câu thơ Tản-Đà:

Bây giờ anh (tức ngòi bút) đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhọn không?

Trời ơi có khổ hay không?
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường quyền.
Họ khinh lũ đầu đen không biết,
Lấy mẹo lừa giết hết chúng ta.
Bạc vào dem sắt đổ ra,
Bạc kia thu hết sắt mà làm chi?

. . . . . .

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG VI

DIỄN - THUYẾT

Hồn đã tỉnh, bảo nhau cùng dậy.

Người Pháp rất ghét những bài ca ái-quốc của Nghĩa-thục, mà cũng không ưa gì những cuộc diễn-thuyết, nhưng các cụ cứ diễn-thuyết bừa đi, xem họ phản ứng ra sao.

TIMSACH.COM.VN

Như trên tôi đã nói, đợi lâu quá không được phép, các cụ mở trước những lớp dạy Quốc-ngữ. Vài tháng sau, phủ Thống sứ mới ký giấy cho mở trường, nhưng không phải khi không họ ký đâu, mà phải nhờ một cuộc diễn thuyết làm vang-động cả Hà-Thành, họ mới chịu nhượng-bộ.

Cuộc diễn-thuyết đó do Dương-Bá-Trạc và Lương-Trúc-Đàm, hai thanh-niên rất hăng-hái, đứng ra tổ chức ở đền Ngọc-Sơn. Chắc nhiều độc-giả đã biết đền nầy là một thắng cảnh ở ngay trung-tâm Hà-Thành, cất trên một cù lao giữa hồ Hoàn Kiếm. Vài nhịp cầu gỗ cong-cong — cầu Thê-Húc — nối đền vào bờ. Trong sân đền, ngay ở mí nước, dựng lên một nhà thủy-tạ, mỗi chiều rộng chừng tám thước, trên có nóc nhưng bốn bên trống. Hồi đó, đền có lệ, cứ đến ngày Thượng-nguyên, đón một vị Hòa-thượng đến thuyết pháp cho thiện nam

tín nữ nghe (1). Hai cụ Bá-Trạc và Trúc-Đàm lợi-dụng ngay chỗ đó để diễn-thuyết cho có đông thính-giả.

Tin truyền miệng ra rất mau, nhiều người khuyên đừng làm e sẽ thất bại. Cụ Trúc-Đàm khảng-khái đáp:

— Mình làm việc chính đại quang minh, họ không thể giết mình được,

Chiều ngày rằm tháng giêng năm Đinh-mùi (1907) hàng trăm người có cảm tình đợi sẵn ở sân đền Lại thêm những người đi lễ, thành thử chen chân không lọt, nhiều người tới trễ phải đứng cả ở trên cầu và trên bờ ngó vào. Vị Hòa-thượng sắp giảng kinh thì cụ Trúc-Đàm lại xin nhường chỗ cho cuộc diễn-thuyết. Tức thì cụ Dương đăng đàn, giọng sang-sảng hô-hào đồng bào bỏ cái học cử-nghiệp đi mà noi gương duy-tân của Nhật-Bản.

Mọi người đương chăm-chú nghe, tới tiếng chuông, tiếng mõ cũng ngưng thì bỗng thiên-hạ ào ào, la hét: «Đội xếp, đội xếp!» rồi tranh nhau chạy. Nhưng chạy đâu? Đền chỉ có mỗi một lối ra là cầu Thê-Húc thì cảnh binh đã chặn rồi. Chắc các cụ lúc đó mới thấy rằng mình khờ, lựa ngay cái rọ mà đưa đầu vào. Đã đành chính hai cụ đâu có sợ gì mật thám cùng cảnh binh, nhưng còn thính-giả thì sao? Cảnh hỗn độn không thể tả: người ta kêu khóc, quay cuồng, nhớn-nhác, xô đẩy nhau, giẫm lên nhau, nón bẹp, giầy văng, khăn xồ, áo toạc. Có kẻ hồn-hền nằm rạp sau hai bức tượng Châu-Xương và Quan-Bình; có kẻ chui xuống dưới gầm bàn thờ; quýnh quá, một số nhảy ùm xuống hồ, chới với vì không biết lội.

Hai cụ Bá-Trạc và Trúc-Đàm vẫn ngang-nhiên đứng

(1) Người mình không có óc cố-chấp về tôn giáo, nên đến thờ Quan-công mà cũng đón rước các Hòa-thượng.

giữa nhà thủy tạ với vài chục người bình-tĩnh. Cụ Dương la:

— Xin anh em chị em đừng sợ!

Nhưng nào mấy ai chịu nghe?

Một cảnh-binh Pháp tiến từ cầu vô, vẻ mặt hầm hừ, xì xồ ít tiếng. Người thông-ngôn dịch ra, hỏi:

— Ai cầm đầu?

Hai cụ đồng thanh tự nhận:

— Tôi. Tôi.

Tức thì tiếng vỗ tay vang rền, tiếp theo là một loạt roi đập đôm-đốp lên lưng, lên đầu quần-chúng.

Cảnh binh dẫn hai cụ về sở Cầm Hàng-Trống tra hỏi, tới tối mới thả ra.

Ít bữa sau, hai cụ được giấy mời lên phủ Thống-sứ. Người Pháp thời đó mới lập xong cơ-sở ở nước mình, còn muốn thu-phục nhân-tâm, nhất là bọn nhà nho được dân trọng vọng, nên thường có cử chỉ cũng khá nhã, không như bọn thực-dân hồi sau nầy. Có lẽ một phần cũng nhờ ảnh-hưởng của bức thư chân thành do cụ Tây-Hồ gởi mấy tháng trước cho họ. Nguyên sau khi từ-biệt cụ Lương văn Can để về Quảng-Nam, cụ Tây-Hồ đã có định-kiến, quyết tranh-đấu ở ngoài ánh-sáng. Cụ thảo một bức thư chữ Hán dài hai chục trang, vạch ba cái tệ của chính-phủ: một là dung-túng bọn quan-lại thành ra cái tệ quan dân coi nhau như mẹ chồng con dâu; hai là khinh dể kẻ sĩ, gây ra cái tệ xa cách giữa nhà cầm quyền Pháp và các nhà trí-thức Việt; do hai tệ đó mà gây ra cái tệ thứ ba là để quan-lại hà hiếp dân. Cuối thư, cụ yêu cầu chính-phủ Bảo-hộ tổ-chức lại quan-trường, mở-mang dân-trí, khuếch-trương thực-nghiệp.

Người Pháp trọng tinh-thần ngay thẳng của cụ, thấy

lời lẽ ôn-hòa mà hữu-lý nên nể các nhà nho chân-chính ái-quốc và tiếp hai cụ Dương Bá-Trạc, Lương-Trúc-Đàm một cách có lễ độ.

Viên Thống-sứ Bắc-Việt mời hai cụ ngồi rồi ôn-tồn hỏi:

— Sao các ông làm nhiễu loạn trị an của chính-phủ như vậy? Các ông có nhận là có lỗi không?

Cụ Dương đáp:

— Nước Pháp đặt nền Bảo-hộ ở đây đã hai chục năm, tự nhận công việc khai hóa cho chúng tôi mà tới nay chưa mở mang dân-trí được chút nào, nên chúng tôi phải đứng ra lãnh lấy nhiệm-vụ, như vậy là chúng tôi thành-tâm tiếp tay chính phủ, chứ sao gọi là nhiễu loạn cuộc trị an được? Chúng tôi chỉ khuyên dân duy-tân để theo kịp người Âu, chú trọng đến thực nghiệp để nước được giàu, như vậy là lợi cho chính-phủ, sao gọi là lỗi? Và lại chúng tôi đã xin phép chính-phủ mở trường và diễn-thuyết mà hai tháng rồi, thấy chính-phủ làm thinh, chúng tôi nghĩ là chính-phủ đã mặc hứa, như vậy thì chúng tôi đâu phải là không biết trọng phép của chính-phủ?

Gục-gặc đầu suy-nghĩ một chút, viên Thống sứ nhã-nhặn phủ dụ:

— Hai ông có lòng yêu nước An-Nam thì cũng như người Pháp chúng tôi yêu nước Pháp vậy, nào tôi có muốn ngăn cản. Sở-dĩ tôi chưa cho phép được là còn phải đợi ý-kiến quan Toàn-Quyền. Thôi hai ông về đi, tôi sẽ đem việc đó nhắc lại với ngài và chắc ngài cũng không hẹp lượng gì đâu.

Viên Thống-sứ giữ lời hứa và và khoảng hai tháng sau, Nghĩa-thục được giấy phép.

Từ khi trường có tính-cách hợp-pháp, những cuộc-diễn thuyết được tổ-chức thường hơn, mới đầu ở Hà-Thành rồi lần về các miền lân-cận như làng Nhị Khê, làng Quang, làng Mọc, làng Bưởi, tại những nơi có đình chùa rộng và hội-viên sốt-sắng. Cảnh thực tưng bừng và phấn khởi : dưới những gốc đa, những tàn muỗm, các ông già bà cả, các thanh niên trai gái chăm chú nghe các cụ, như nuốt từng lời của các cụ, tìm trong đó cái hy vọng ở tương lai rực rỡ của non sông. Tình thân mật giữa các sĩ phu và bình dân chưa bao giờ đậm đà như vậy: người trên thì biết lãnh trách nhiệm, nêu gương cho người dưới, người dưới thì tin cậy, quí mến người trên. Đẹp như lời trong Hải ngoại huyết thư :

Chữ tâm một phút đâu đâu cũng đồng.

Trong những buổi diễn thuyết ở Nghĩa-thục, số thính giả lần nào cũng rất đông, có khi thiếu ghế, phải kê mễ mà cũng không đủ chỗ ngồi. Cụ Lương chủ-tọa, ngồi bên cạnh diễn giả, rồi tới các giáo-sư của trường và các nhà danh-vọng Hà-Thành. Thính giả đàn ông ngồi một bên, đàn bà ngồi một bên, sau lưng phụ-nữ là học sinh Nửa thế-kỷ trước mà có những cuộc hội-họp nam nữ như vậy thật là « duy-tân » lắm.

Đầu-đề các cuộc diễn thuyết thường là bàn về phương-sách tự-cường, cứu-quốc, một đôi khi cũng xét về những vấn-đề văn-hóa, kinh-tế. Các giáo-sư như Dương Bá-Trạc, Nguyễn Quyền, Nguyễn văn-Vĩnh thay phiên nhau đăng đàn, nhưng nhà hùng biện nhất vẫn là cụ Tây Hồ. Mỗi lần ở Quảng-Nam ra thì cụ đều lại Nghĩa-thục để diễn-thuyết. Cụ hay nghiên-cứu lẽ suy vi của dân-tộc, tìm được nguyên-nhân gì, cụ hăng-hái trình-bày ngay. Lời cụ nhiệt-thành, lôi cuốn, nhưng tư-tưởng cụ lúc đó chưa được vững.

Có lần chuông mới rung, cụ vào đề ngay :

— Nước Đại-Nam chúng ta ngày nay sở-dĩ yếu hèn là vì thiếu tinh-thần tôn-giáo. Tôn-giáo luyện cho ta đức hy-sinh, coi nhẹ tính-mạng, phá-sản vì đạo ; không có tinh-thần tôn-giáo chúng ta không biết cương-cường xả thân vì nghĩa, chỉ bo bo giữ cái lợi riêng của mình. Này bà con thử xét, đời Trần sao dân-tộc ta hùng-dũng như vậy ; quân Nguyên thắng cả Á cả Âu, nuốt trọn Trung-Hoa mà qua đến nước ta thì bại tẩu, nào bị cướp sáo ở Chương-Dương-độ, nào bị bắt trói ở Hàm-Tử-quan, rồi ôm hận ở trận Vạn-Kiếp, chịu nhục ở trận Bạch-Đằng, như vậy chẳng phải là nhờ đạo Phật ở ta thời đó rất thịnh ư, nhờ cái tinh-thần tôn-giáo của ta ư ?

Rồi cụ thao-thao dẫn thêm chứng, lấy trong cổ-sử Đông Tây. Khi cụ mới tạm ngừng, cụ Phương-Sơn đứng dậy, đưa tay xin phản-đối :

— Thưa cụ, chúng tôi e lời cụ chưa chắc đã đúng hẳn. Đọc sử vạn quốc, chúng tôi được biết tinh-thần tôn-giáo không đâu mạnh bằng Ấn-Độ mà Ấn-Độ cong lưng nô-lệ Anh-Cát-Lợi hơn hai thế-kỷ nay. Cụ đã nói đến quân Nguyên thì chúng tôi cũng xin xét về quân Nguyên. Cái lẽ bách chiến bách thắng của họ có nhờ tinh-thần tôn-giáo của họ đâu, vậy thì ta đuổi họ ra khỏi cõi, cũng vị tất nhờ tinh-thần Phật-giáo của ta. Vả lại, nói đời Trần thắng Nguyên nhờ Phật-giáo thịnh, thì những đời sau, Phật-giáo còn thịnh nữa đâu mà ta cũng diệt được Minh, được Thanh ?

Hai cụ tranh-biện với nhau khá lâu, sau cụ Lương đứng ra hòa giải :

— Cụ Tây-Hồ và ông Phương-Sơn mỗi bên đều có

TIMSACH.COM.VN

lý hết. Hôm nay hội-họp cũng đã lâu rồi, xin để đến phiên sau.

Một lần khác, cụ Tây-Hồ cho chính cái nho-học làm cho Việt-Nam suy-nhược. Cụ thảo một bài nhan đề là: «Bất phế Hán-tự, bất túc dĩ cứu Nam-Quốc» (1), đem bao nhiêu tội đổ lên chế-độ khoa cử rồi kết-luận là phải bỏ Hán tự.

Cụ đưa bản dáp cho cụ Phương-Sơn và nói:

— Kỳ sau, tôi sẽ bàn về vấn-đề nầy đây.

Vừa đọc xong nhan đề, cụ Phương-Sơn đã đặt tờ giấy xuống, đáp:

— Nếu cụ diễn-thuyết về đầu đề đó thì chúng tôi lại xin phép cụ, phản-đối cụ nữa. Chúng tôi sẽ nói: «Bất chấn Hán-học, bất túc dĩ cứu Nam-Quốc» (2). Chế-độ khoa cử hủ bại, ta phải bỏ, chúng tôi đồng ý với cụ về điều ấy, còn Hán-học đã đào tạo biết bao anh-hùng, liệt-sĩ, thì sao lại phế nó đi?

Ngay lúc đó, cụ Lương-Trúc-Đàm ở đâu lại, nghe rõ câu chuyện, cũng biểu đồng-tình với cụ Phương-Sơn. Cụ Tây-Hồ tinh-thần quân-tử, khoáng đạt, cười:

— Hai tiên sinh đều phản-đối thì tôi xin thôi, để tôi xét kỹ lại xem.

Mỗi khi các diễn-giả nhắc đến chuyện tiền bối xả thân cứu nước, thính-giả, nhất là phái nữ, đều rớt nước mắt.

Một tối, cụ Tây-Hồ hăng hái quá, nói:

---

(1) Không bỏ chữ Hán thì không cứu được nước Nam.

(2) Không chấn-hưng Hán-học thì không cứu được nước Nam.

— Người ta sở dĩ sợ chết ham sống là vì có nhà cao, cửa rộng, vợ đẹp, con khôn, cho nên cắt tình không được, còn bọn chúng ta đây, bất quá chỉ có « thượng xỉ hạ đạn », còn sợ gì nữa mà không làm, còn quyến-luyến gì nữa mà sợ chết?

Cụ Nguyễn-Hữu-Tiến, ngồi bên nghe, cảm-động, đọc ngay hai câu thơ của cụ Sào-Nam:

Giang sơn tử hĩ, sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.

rồi ôm mặt khóc. Một hồi lâu, trong phòng chỉ còn nghe tiếng sụt-sịt của thính-giả.

Có những lúc khóc như vậy thì cũng có những lần thính-giả ôm bụng mà cười. Làm cho mọi người cười thì cũng vẫn là cụ Tây-Hồ. Hô-hào đồng bào theo người Âu, cắt búi tóc đi, cụ nói:

— Mấy ngàn năm trước, dân tộc ta đoạn phát văn thân (1). Từ khi bị Triệu-Đà cướp nước, mới nhiễm tục Trung-Hoa, nhưng chỉ một số người ở thành-thị theo họ thôi. Tới khi nhà Minh chia nước ta thành quận huyện, cưỡng bách toàn dân ăn mặc như họ, thì trai mới bới tóc, gái mới mặt quần hai ống, và người mình thành người Tàu. Ngày nay — chỗ nầy cụ lớn tiếng — may mà Trời mở lòng người, một sớm thức tỉnh, cả nước duy-tân, anh em cắt phăng cái búi tóc đi, khiến cho cái lũ xuần-xuần vi-trùng (2) không còn đất thực-dân trên đầu ta mà hút máu ta thì há chẳng phải là đại khoái ư? Sao, anh em mình sao?

Tiếng cười, tiếng hoan hô vang cả phòng. Lần đó cụ thành công nhất.

---

(1) Cắt tóc, sâm mình.

(2) Cụ muốn nói mấy con chấy mà ám chỉ thực-dân.

Khoảng nửa tháng sau, tại Hà-thành, đi đâu cũng nghe thấy có người hát bài « Húi hề ! » không biết của ai đặt ra :

Tay trái cầm lược,
Tay phải cầm kéo.
Húi hề ! Húi hề !
Thủng-thẳng cho khéo.
Bỏ cái ngu này,
Bỏ cái dại này.

. . . . . .

. . . . . .

Ngày nay ta cúp
Ngày mai ta cạo.

Rồi ở Hà-Tĩnh, một thanh niên hai mươi tuổi, mỗi buổi chợ phiên, cầm kéo ra chợ, gặp ai còn bới tóc cũng năn nỉ : « Lạy anh, xin anh cho tôi cắt cục tóc bảo thủ này đi cho rồi ».

Phong trào lan rất nhanh ở Trung và Bắc, trong Nam có phần chậm hơn. Các cụ cắt tóc ngắn không phải chỉ vì vấn đề tiện lợi, mà chính là để tỏ cái ý đoạn tuyệt với hủ tục. Cắt tóc theo các cụ là duy-tân, là ái quốc.

CHƯƠNG VII

PHONG-TRÀO DUY-TÂN

Chưa học bò, vội chạy đua theo.

Cụ Tây-Hồ là người mở đường cho phong-trào duy-tân ở nước nhà. Lập Nghĩa-thục, một phần công lớn là của cụ, gây tư-tưởng mới ở Quảng-Nam là cụ, đi khắp nơi diễn-thuyết là cụ, khuyên quốc-dân cắt tóc là cụ, liệng cái phó bảng mà ra lập hiệu buôn cũng là cụ, bỏ tục nhuộm răng, vận âu-phục bằng nội-hóa thì người đầu tiên cũng lại là cụ.

Phong-trào cắt tóc lan mạnh nhất ở Hà-Thành. Người thì nhờ bạn-bè, người thì tự cầm dao cứa đại cái búi tóc. Có người không muốn, nhưng bị thân-hữu cưỡng-bách rồi cũng chịu. Nhiều việc xảy ra hơi vui-vui, chúng tôi xin chép lại đây một chuyện để độc-giả thấy lòng bồng-bột duy-tân và tính nghịch-ngợm của vài cụ thời đó. Ta cứ tưởng các nhà nho ái-quốc nửa thế-kỷ trước phải nghiêm-trang, đạo-mạo lắm; nhưng không, các cụ nhỏ tuổi cũng giỡn như chúng ta ngày nay và có khi cuộc vận-động duy-tân đối với các cụ chỉ là một trò chơi hứng-thú.

Một buổi sáng cuối thu, cụ Phương-Sơn, mới tung chăn ra, gọi giật người em trai:

TIMSACH.COM.VN

— Chú Tư, tiết sắp qua đông rồi, cái loại « xuân-xuân vi-trùng » đó sắp được thuận thiên thời mà sinh-sản mãnh-liệt. Ta phải diệt chúng giùm cho anh Hy Thanh chứ ?

Cụ em vỗ tay reo :

— Phải lắm. Nhưng hai anh em mình sợ không đủ sức. Phải thêm ngoại-viện, anh nghĩ sao ?

— Ai bây giờ ?

— Thì chú Ba Đỗ (tức cụ Đỗ Chân-Thiết).

— Được. Sửa soạn đi thôi.

Thế là hai cụ thắng bộ âu-phục đúng « mốt Tây-Hồ », nghĩa là một cái áo bành-tô và một chiếc quần bằng vải nội-hóa Quảng-Nam nhuộm đen ; thắt cái cà-vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giày « dôn » (1) mỏ vịt, và đội cái nón « cát » (2) trắng rồi khoác tay nhau, y như tây, bước ra cửa, mỗi cụ phi-phèo một điếu thuốc « Quả đất » (3).

TIMSACH.COM.VN

Tới hàng Bạc, hai cụ rẽ vào một hiệu kim-hoàn, nện giày cồm-cộp, nói bô-bô :

— Chú Ba đâu ? Còn ngủ ư ? Dậy mau, dậy mau, việc trọng-đại.

Cụ Chân-Thiết vùng dậy, hỏi :

— Cái gì vậy ?

Khi đã hiểu chuyện thì cười ha-hả, bận áo dài, chít khăn rồi cả ba cụ cùng ra bến xe điện ở Bờ Hồ.

Tới ô Chợ Dừa, ba cụ xuống xe, rẽ vào làng Thịnh-Hào tìm nhà cụ Hy Thanh. Chủ-nhân chăm chú ngó bộ đồ tây, mỉm cười.

---

(1) Giày da vàng. Mốt « Tây Hồ » là mốt của cụ Phan Chu Trinh.

(2) Casque.

(3) Clobe.

Thấy cuốn Tả-Truyện đặt trên bàn, cụ Phương-Sơn hỏi:

— Vẫn còn thích vác lều chõng sao? À lúc này, anh còn tới trường cụ Thám nữa không?

Cụ Hy Thanh bẽn-lẽn, cười gượng:

— Chú thì chỉ được cái thế.

— Chịu khó tập được cái giọng thơ của cụ đi, tôi cam đoan với anh là nắm chắc cái thủ-khoa trong tay. Bài hát nói đó ra sao nhỉ. Có phải: «Ngô khởi hiếu biện tai, ngô bất đắc dĩ dã» (1) không?

Ai nấy ôm bụng cười, còn cụ Hy Thanh tái mặt:

— Đồ quỷ! Nhắc lại làm gì chuyện đó? Thật là «Ngũ kinh tảo địa» rồi (2). Một cao đệ cửa Khổng sân Trình mà như vậy, nhục cho nho lâm quá.... Ái, ái! Làm

---

(1) Cụ Thám Vũ Phạm-Hàm người làng Đôn-Thư (Hà-Đông), đậu thám hoa cùng khoa thi đình với cụ Nguyễn Thượng Hiền, rất ưa thú ả đào, làm một bài hát nói trong đó cụ đã láo xược đến cực điểm, dùng ngay một lời nghiêm trang nhất của Mạnh-Tử (Ngô khởi hiếu biện tai? Ngô bất đắc dĩ dã: Ta có thích biện-thuyết đâu? Ta bất đắc dĩ vậy) để chỉ cái việc mà nhà Nho cho là tục-tần nhất, việc hợp hoan.

Bài hát đó ở miệng mấy ả đào phố hàng Giấy truyền ra, nhiều nhà Nho chau mày và số môn sinh của cụ Thám thưa lần.

Người ta còn truyền hai câu thơ nầy cũng giúp ta hiểu thêm tính-tình của nhà thơ lãng mạn ấy.

Hà nhân thọ ngã hoàng kim bách,
Khứ tác tiên sinh hiệu Bạch-Vân
(Nào ai tặng tớ vàng trăm lạng,
Để ẩn như ông hiệu Bạch-Vân)

Bạch-Vân cư sĩ tức Trạng-Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm.

(2) Đem Ngũ-kinh ra quét đất.

gì thế? Buông người ta ra!

Thì ra ba cụ kia thừa lúc cụ Hy Thanh sơ ý, đè nghiến cụ ra, một người ôm mình, một người khóa chặt hai tay, một người móc túi lấy ra cái kéo cắt búi tóc cụ. Búi tóc rớt xuống đất, cụ được buông ra, chạy đi lấy gương coi, rồi phì cười, yêu cầu hớt gọn hai bên cho dễ coi.

Cụ Phương-Sơn vỗ tay:

— Có thế chứ! Lẽ nào thời nầy mà còn nuôi hoài lũ thực-dân ấy ở trên đầu trên cổ nữa.

Một lát sau, cả bốn cụ bắc ghế ra ngồi dưới giàn hoa lý ở trước sân. Cụ Chân-Thiết nói:

— Mấy bữa trước, chủ hiệu Vĩnh-Phong phố Hàng Bồ cho tôi coi một bài trong tờ Tân-Dân của Tàu. Thằng cha nào viết bài đó thực có giọng chua cay. Nó chửi khoa cử hết điều, bảo khoa cử có lục tự (sáu cái giống): khi lại trường thi, phải đeo lều, chõng, bầu, tráp, có khác chi tù đeo gông đâu, thế là nhất tự tù (thứ nhất: giống tù); lúc vào cửa, bị lính lục xét, y như xét ăn trộm, thế là nhị tự đạo (thứ hai: giống quân ăn trộm); suốt ngày ngồi trong lều thỉnh-thoảng ló đầu ra, như con chuột trong hang, tam tự thử nhé? (thứ ba: giống con chuột); lều che kín, ngồi trong đó ăn uống, y như con mèo, thế là tứ tự miêu (thứ tư: giống con mèo); khi coi bảng, người nào thấy tên mình thì sướng quýnh, nhảy choi-nhoi như con tôm, vậy là ngũ tự hà (thứ năm: giống con tôm); còn kẻ nào không thấy tên mình thì buồn hiu, co-ro như con giun, lục tự dận (thứ sáu giống con giun).

Về hình-thức, khoa-cử xấu-xa như vậy mà về tinh-thần thì làm cho nước yếu, dân hèn, anh còn luyến-tiếc nữa làm chi?

Cụ Hy Thanh chỉ cười. Cụ Chân-Thiết lại tiếp:

— Hôm qua, tôi với nhiều anh em trong Nghĩa-thục bàn với nhau thảo một lá đơn tỏ rõ những lý-do cần bãi bỏ khoa-cử và yêu cầu chính-phủ dùng chương-trình thực học của phương Tây. Đại ý như vầy: « Nước Nam chúng tôi có khoa-cử đã gần một ngàn năm là do bắt chước Trung-Hoa. Gần đây chính các nhân-sĩ Trung-Hoa đã xin Thanh-triều bãi bỏ khoa-cử và mở học đường theo Âu-tây, nên chúng tôi nghĩ không còn lẽ gì để cái giữ học từ-chương vô ích cho nhân-dân đó nữa. Vậy chúng tôi xin chính-phủ bãi bỏ khoa-cử và mở ngay Cao-đẳng học đường để đào tạo nhân tài ». Anh em ai cũng tán thành, nhưng khi đơn thảo xong, anh em bỏ về cả, chỉ còn anh cử Dương, anh Trúc-Đàm và tôi đứng tên ký. Sĩ-khí của mình kể ra kém thật. (1) Đơn đó, ngày mai tôi sẽ gửi. Anh Hy Thanh nghĩ sao?

Cụ Hy Thanh trầm-ngâm một lát rồi đáp:

— Việc anh em làm đó được lắm. Tôi cũng không thích gì khoa cử nữa. Chẳng qua tôi muốn làm vui lòng các cụ tôi một chút.

Cụ Phương-Sơn nói:

— Anh nói vậy, làm tôi nhớ khoa trước, Trần-Trọng-Tuấn, học trò của thầy tôi, đậu cử-nhân, tôi mừng y đôi câu đối nầy: Khoa đệ diệc tầm thường, kim nhật vị vi quân nhất hạ (2).

---

(1) Ít năm sau, cụ Trúc-Đàm mất vì bệnh, cụ Phương-Sơn điếu hai câu ám-chỉ việc diễn thuyết ở đền Ngọc-Sơn và việc gởi thư cho người Pháp đó:

Ngọc-Sơn diễn-thuyết, đồng bào dậy,
Pháp phủ đầu thư, chí-sĩ tho.

(2) Khoa đệ cũng tầm thường, hôm nay tôi chưa vì anh mừng đâu.

Y mới nghe tới đó, trợn mắt hỏi tôi: «Khoa đệ mà tầm thường thì cái gì mới quan-trọng?» Tôi không đáp, đọc nốt vế sau, để vuốt ve y: Môn lư đa khí sắc, cao đường hỉ kiến tử chi thành. (1)

Miễn có tinh thần coi khoa-đệ là tầm-thường, rồi vì nhà mà có muốn thi thì cũng được. (2) Nhưng nầy anh, anh đã hạ búi tóc rồi, phải có cái mũ tây mà đội chứ? Để tôi lại phố Hàng Bông mua biếu anh một chiếc nhé?

Cụ Hy Thanh xua tay:

— Thôi, tây với tàu gì? Để tôi đội cái nón dứa cũng được.

(1) Cửa nhà nhiều vui vẻ, cha mẹ già mừng thấy con thành danh. Sau cụ Trần Trọng-Tuấn học lớp hậu bổ, vì khí-khái, cự với một giáo-sư, xin thôi, về quê làm tổng-sư, dạy mươi đứa trẻ ở chùa làng, dán tại lớp học đôi câu đối nầy:

Phật khả huynh hồ duyên cận tự,
Nhân năng tử thị vị truyền kinh.
(Phật mà được kêu bằng anh là nhờ gần ở chùa.
Người mà coi như con, vì truyền cho đạo)

(2) Cụ Lê Đại cũng bỏ thi (nếu không, cụ có thể đậu đại khoa được), và khi hay tin một người cháu thi đỗ, cụ gởi «mừng» đôi câu đối:

«Có mây không gió, lơ lửng giữa chiều giời, một đôi khi nhấn một đôi lời, thường hỏi thăm cả làng cả xóm, cả thân thích họ hàng, gắng sức đua tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới;

Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ mười lăm tuổi học mươi lăm chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha chú bác, giỏng tai giương mắt, thôi đừng tấp tểnh cái hư danh».

Lợn, gà, trong vế sau, do chữ Hán «kê đồn», trỏ tú tài và cử nhân.

TIMSACHTIENG

Đơn của ba cụ Bá Trạc, Trúc Đàm và Chân Thiết gởi lên phủ Thống-sứ được ít lâu thì cụ Đào Nguyên-Phổ chủ bút tờ Đại-Việt tân báo chạy lại Nghĩa-thục cho hay tin Toàn quyền Beau sắp cho mở trường Đại-học ở Hà-nội. Cụ nào cũng mừng rằng vận-động có kết-quả, không ngờ đó chỉ là một đòn của người Pháp.

Cũng tại các cụ còn khờ, chưa biết chút gì về nền giáo-dục Âu-tây cả. Hồi đó, Trung và Bắc chỉ có những trường tiểu-học, và hai trường thông-ngôn, một ở Huế, một ở Hà-nội, trung-học chưa mở, mà các cụ đã đòi lập ngay đại-học, thì người Pháp làm sao thuận cho được?

Toàn-quyền Beau đọc đơn của ba cụ, chắc mỉm cười nghĩ:

— A, các chú muốn mở đại-học? Tốt lắm. Để ta mở cho.

TIMSACH.COM.VN

Trường đại-học mở thật, không rõ là văn-khoa hay luật-khoa, y-khoa, chỉ biết hôm khai trường, một số nhà tân-học và cựu-học Đông-Kinh nghĩa-thục lại nghe; nhưng may lắm chỉ có cụ Tốn, cụ Vĩnh là hiểu lõm-bõm được ít nhiều, còn thì ù-ù cạc-cạc cả. Giáo-sư Pháp đạo-mạo chắp tay sau lưng, đi đi lại lại trong phòng, xì-xồ từ đầu giờ đến cuối giờ, thỉnh-thoảng lại mỉm cười, hỏi: « Các ông nghe ra không? » Không một ai đáp, ai nấy ngó nhau lắc đầu. Nhiều cụ muốn bỏ ra về ngay, sợ bị chê và vô lễ, gắng ngồi cho đến hết giờ. Khi tan học, một cụ tân-học hỏi giáo-sư: « Ông có bài, có sách cho chúng tôi đọc không? »

Giáo-sư đáp gọn thon-thỏn:

— Lại Thư-viện mà kiếm.

Thế là các cụ bẽn-lẽn, cụt hứng.

Không đầy một tuần sau, trường đại-học đầu tiên của Việt-Nam đóng cửa vì thiếu sinh-viên. Thực dân được một phen cười ha-hả, tự cho là đắc sách !

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG VIII

CHẤN-HƯNG CÔNG-THƯƠNG

Hóa hàng đủ cả Nam và Bắc (1)

Cụ Nguyễn-Quyền, trong cuốn Đông-Kinh nghĩa-thục của Đào Trinh-Nhất nói rằng đồng-bào quyên trợ cho trường rất nhiều, nên muốn hành-động gì cũng dễ, và tới khi trường đóng cửa, quỹ còn dư trên vạn đồng, một vạn đồng hồi đó bằng mấy triệu bây giờ.

Lời ấy chỉ đúng một phần. Hồi mới, dân-khí đương lên, ai nghe thấy nói một số nhà cựu-học và tân-học bắt tay nhau gây nên phong-trào duy-tân đầu tiên trong nước, cũng hoan-nghênh, hăm-hở giúp, kẻ công, kẻ của, có kẻ cả của lẫn công. Những nhà quyên nhiều nhất là hiệu kim-hoàn Thế-Xuân ở hàng Bạc, và hiệu hàng tấm (2) Phúc-Lợi ở hàng Ngang, chủ-nhân hiệu nầy là học trò cụ Lương. Hai nhà đó giúp mỗi lần hai, ba trăm đồng. Như

---

(1) Câu thơ nầy và câu thơ ở đầu chương sau trích trong một bài thơ của cụ Lương văn Can mừng một hiệu thuốc bắc của một người trong Nghĩa-thục.

(2) Tức hàng tơ lụa vải.

tôi đã nói, cụ Lương giữ tiền, cụ Nguyễn-Quyền giữ sổ sách. Nhà nho mà biết công việc kế-toán là gì đâu, làm toán nhân toán chia sợ còn sai, nhất là lại bận nhiều việc khác trong trường, nên sổ sách tất có chỗ không được kỹ-lưỡng, rành-mạch, và đã có lần vài hội-viên xin cụ Lương giao việc kế-toán cho người khác, song cụ nhất-định không nghe, bảo như vậy không có lợi cho tiếng-tăm của trường. Nhiều người phục cụ ở chỗ đó.

Nghĩa-thục càng mở mang thì chi phí càng nhiều mà số người hằng tâm có hạn, quyên nhiều lần quá, ai cũng ngán. Các cụ thiếu kinh-nghiệm, thiếu tổ-chức, không dự-tính số thu và số chi cho từng khoản, đã không bắt hội-viên đóng nguyệt-liễm, học-sinh đóng học-phí, mà thấy việc gì nên làm cũng không từ nan, thành thử số thu mỗi ngày một giảm mà số chi mỗi ngày một tăng, nào tiền mướn nhà, tiền đóng bàn ghế, tiền giấy mực cho giáo-sư và cả học-sinh, tiền cơm buổi trưa cho mấy chục người ăn, tiền khắc bản gỗ, in sách và tiền giúp thanh-niên xuất-dương nữa. Như vậy nền tài-chánh làm sao vững được và sáu bảy tháng sau khi trường mở cửa, quỹ đã gần cạn; cụ bà Lương văn Can phải bán một hiệu buôn, hiệu Quảng-Bình-An ở Hàng Ngang, lấy số tiền 7000$ đưa cho cụ ông chi tiêu vào việc trường. Sau nầy, kể lại việc đó với một người thân trong nhà, cụ bà nói :

— Tôi cầm bút ký tờ đoạn mại mà tay run lên. Từ nhỏ, có bao giờ dám động tới di-sản của tổ-tiên đâu. Bán cửa hiệu đó xong, độ một tháng sau trường bị đóng cửa, nếu không, tôi không biết trường sẽ phải dùng cách nào để kiếm tiền.

Khi soạn các bài ca khuyến công, thương, hội cũng đã nghĩ đến việc mở các hiệu buôn và các xưởng để kiếm lời giúp quỹ. Nhưng hội không đủ tiền để tổ-chức những cơ-quan đó, nên chỉ khuyên hội-viên ai có vốn thì đứng ra kinh-doanh, rồi nếu có lời, tùy ý giúp hội bao nhiêu cũng được. Giải-pháp đó có tính-cách tạm-bợ, vì sức lẻ-loi của mỗi người khó cạnh-tranh nổi với tổ-chức của Hoa-kiều. Nhất là các nhà nho có tâm-huyết đâu phải là con buôn, thiếu kinh-nghiệm, thiếu cả thực-tế, mười phần thì thất-bại chắc bảy, tám rồi; còn hạng con buôn thông-thạo thì chỉ nghĩ sao thu thật nhiều, xuất thật ít, mấy ai chịu chia lời cho Nghĩa-thục? Rốt cuộc, quỹ của hội không nhờ vậy mà đỡ nguy được phần nào. Nhưng về phương-diện tinh-thần thì hội đã thành-công: chính vì lối làm việc hăng-hái và tài-tử của các cụ mà quốc-dân mới có nhiều cảm-tình, phong-trào mới có tiếng vang lớn, và Nghĩa-thục đã pha được cái tục khinh công, thương, từ mấy ngàn năm truyền lại, mà đề-cao hàng nội-hóa làm cho nhiều người không nhắm mắt khen hàng Tây là đẹp, hàng Tàu là quí nữa.

Người đầu tiên chấn-hưng thực-nghiệp ở Trung là cụ Phan Tây-Hồ. Cụ mở Quảng-Nam thương-hội, mướn dệt những thứ vải dày, có thứ may Âu-phục được, rồi đích thân cụ làm gương cho đồng-đào, cắt một bộ đồ tây bằng thứ vải nội-hóa đó. (1)

---

(1) Sau, bị đày ra Côn-đảo, cụ học nghề làm đồi-mồi; qua Pháp, học nghề sửa ảnh. Đậu phó bảng mà làm thợ, nước nhà chắc chỉ có cụ.

Cụ đã thực hiện đúng lời khuyên đồng bào trong bài *Tỉnh quốc hồn ca* của cụ :

. . . . . .

Người mình đã vụng về trăm thức,
Lại khoe rằng « sĩ nhất tứ dân » ;
Người khanh tướng kẻ tấn thân,
Trăm nghề hỏi có trong thân nghề nào ?
Chẳng qua là quơ quào ba chữ,
May ra rồi ăn xớ của dân ;
Khoe khoang rộng áo dài quần,
Tráp giày bệ vệ rần rần ngựa xe.
Còn bực dưới ngo ngoe vô kể,
Học cúi luồn kiếm kế vơ quào ;
Thầy tu lại bác kỳ hào,
Gặm xương mút đũa lao xao như ruồi.
Lại có kẻ lôi thôi bực giữa,
Trên lỡ quan, dưới nữa lỡ dân,
Ấy là học sĩ văn nhân,
Ăn sung mặc sướng mà thân không làm.

. . . . . .

Loài người đã không tài không nghiệp,
Phải sanh ra nhiều kiếp gian nan ;
Đua chen dối trá muôn vàn,
Gà bầy đá lẫn, cá đàn cắn nhau.
Ngồi nghĩ lại càng đau tấc dạ,
Hỡi những người chí cả thương quê,
Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau.

Nhưng ở Trung, dân thì nghèo mà tinh-thần quan-lại còn quá nặng, số người hưởng-ứng rất ít, nên công việc của cụ không phát-đạt và phong-trào chấn-hưng công-

TIMSACH.COM.VN

nghệ không tiến mạnh bằng ở Bắc.

Tại Bắc, một trong những nhà nho cách-mạng đầu tiên đứng ra khuếch-trương thương-nghiệp có lẽ là cụ Đỗ Chân-Thiết.

Cụ là con một nhà gia-thế ở làng Thịnh-Hào (Hà-Đông), người phốp-pháp, tinh-thần khoáng-đạt, hào-phóng, làm biếng học mà có tài văn thơ (1). Hễ lại thăm bạn bè, thấy ai đương đọc sách, cụ cũng giật lấy, liệng đi nói: « Dũ học dũ ngu » hoặc « Hiền-thánh liêu-nhiên, tụng diệc si » rồi kéo người đó đi chơi.

---

(1) Hồi cụ còn trẻ, trong một cuộc thi thơ, vịnh về **Thất tình** (Bảy tình của con người), cụ có hai câu tả tình giận như sau:

Hạng-bá nhân ca đầu bạo hổ,
Liêu-tây thiếp mộng đả hoàng-oanh.

TIMSACH.COM.VN

Xét theo quan niệm cổ về thơ thì hai câu đó rất hay. Câu trên nhắc tới tên một thiên sách là Hạng-bá trong đó nói có kẻ bị người ta ghét đến nỗi giận dữ trả lại cho trời, trời không nhận người ta phải liệng cho hổ dữ xé thây.

Câu dưới mượn điển trong một bài thơ Đường tả nỗi giận của một chinh-phụ đương nằm mê thấy đến đất Liêu-tây thăm chồng thì con oanh bỗng hót lên làm tan mất mộng đẹp.

Bài thơ đó có bốn câu:

Đả khởi hoàng oanh nhi,
Mạc giao chi thượng đề.
Đề thời kinh thiếp mộng,
Bất đắc đáo Liêu-tê.

(Chính là Liêu tây mà đọc là Liêu-tê cho có vần)

Ném đuổi con oanh vàng,
Trên cành, đừng hót vang,
Làm tan giấc mộng thiếp,
Chẳng đến Liêu thăm chàng.

Cụ bà làm chủ một hiệu kim-hoàn ở phố hàng Bạc, có phần phong-túc, nên cụ được rảnh, hoạt-động cho Nghĩa-thục và cho phái báo-động của cụ Sào-Nam.

Cụ thi một lần không đậu, bỏ luôn khoa-cử, nhân dịp vua Thành-Thái đi bái yết lăng-tẩm ở làng Gia-Miêu (Thanh-Hóa) năm 1904 (?), cụ cùng cụ Phương-Sơn thảo một bản *Hưng-quốc sách* xin vua Thành-Thái xét lại hòa ước Giáp-Thân (tức hòa-ước Patenôtre) mà đòi quyền tự trị về mình. Đại ý hai cụ viết:

« Trong hòa-ước đó, có nói rõ Trung, Bắc lưỡng kỳ là đất bảo-hộ mà theo công pháp thì trong một xứ bảo-hộ, chính-phủ địa-phương được quyền tự-trị, chánh-quốc chỉ giữ quyền binh-bị và ngoại-giao thôi. Nước Pháp không thi-hành đúng những điều đã cam kết vì thấy không có ai phản-đối họ cả. Nếu Hoàng-thượng cùng với bá quan, nhân dân cương-quyết yêu-sách, cho sứ-thần qua Ba-lê thương-thuyết thì chánh-phủ Pháp tất phải trả quyền tự-trị cho ta mà có quyền đó ta mới dễ thực-hành những cải-cách ích quốc lợi dân như các cụ Trần Bích-San, Nguyễn Trường-Tộ đã đề nghị: bãi khoa-cử, lập tân học-đường, mở nghị-viện, khuyếch-trương công-nghệ... »

Thảo xong, hai cụ lên xe lửa vào Thanh-Hóa, xin yết-kiến viên Tổng-đốc, trình bản Hưng-quốc sách và yêu cầu dưng lên vua Thành-Thái khi xa-giá tới. Viên Tổng-đốc chối từ:

— Việc các thầy bàn đó là việc bang-giao đại-sự, chỉ khi nào bệ kiến mới nên dưng, ở đây có tai mắt của người Pháp. Vả lại, bản-chức không biết Pháp văn, không rõ tờ hòa-ước đó nói sao, nên không thể đảm-nhận được việc ấy.

Hai cụ bèn trở về Hà-Nội. Ít năm sau, rủ nhau đi buôn, mướn thuyền về miền Hải-Dương, Thái-Bình mua gạo chở về Hà-Nội bán. Nhưng đi buôn mà các cụ vẫn giữ cái vẻ quan-cách. Thuyền về đậu ở bến cột Đồng-Hồ. Mấy cô khách hàng xuống mua, lên tiếng hỏi : « Chú lái, chuyến nầy có gạo tốt không ? », rồi nhìn vào trong khoang, thấy nào là tráp khảm, điếu khảm, lại thêm mấy pho sách và hai thư sinh áo xuyến, khăn lượt chỉnh tề, các cô thẹn-thùng, chạy một mạch lên bờ, tưởng là xuống nhầm thuyền của các thầy cử, thầy tú. Hai nhà nho ta hết hơi gọi :

— Cứ xuống mua. Chúng tôi là lái buôn đây mà.

Càng gọi, các cô càng chạy, cho là các « ông ấy đùa ». Thành-thử thuyền đậu mấy ngày mà bán không được, sau phải nhờ một bà xuống ngồi bán giùm, chỉ nửa buổi đã hết. Thực các cụ không ngờ rằng đi buôn cũng phải học như học làm thơ, làm phú, mà cứ nghĩ hễ văn hay chữ tốt thì việc gì làm cũng được.

Vụ đó thất-bại, cụ Chân-Thiết xoay cách khác, hùn với vài đồng-chí được độ ngàn rưởi, mở hiệu Đồng-Lợi-Tế ở phố Mã-mây. Cụ nghĩ : « Người Tàu vơ-vét hết quyền-lợi thương-mại của ta. Bây giờ ta ra tranh với họ, nhất định không bán sản-phẩm của Trung-Quốc, chỉ chuyên bán thổ-hóa ». Và cụ chuyên bán gạo cho tù, số lời cũng khá, giúp cho quỹ Nghĩa-thục được đôi chút.

Ít lâu sau, cụ mở thêm một hiệu thuốc Bắc, hiệu Tụy-Phương ở gần ga Hàng Cỏ. Cụ và cụ Phương-Sơn thay phiên nhau làm ông lang, nhưng trò cười ở bến gạo lại tái-diễn trong hiệu thuốc. Thầy lang trẻ quá, mới trên hai chục tuổi, lại có vẻ sang trọng đẹp trai, nên phe phụ nữ tới hốt thuốc, bẽn-lẽn vội trở ra hết, gọi gì cũng không quay cổ lại. Cụ Chân-Thiết đành yêu cầu

một cụ Tú đứng tuổi (cụ Tú họ Phùng người làng Bưởi) và cụ Võ-Hoành lại trông nom giùm.

Các đồng-chí trong Nghĩa-thục đều tán thành công việc thực-nghiệp đó. Cụ Hoàng-Tăng-Bí mở hiệu Đông-Thành-Xương ở Hàng Gai, vừa buôn bán vừa làm công nghệ, lần đầu tiên dùng những khuung cửi rộng dệt thứ xuyến bông phù-dung lớn (kêu là xuyến bông đại-đóa), rồi nhuộm đen, bán rất chạy. Cụ Hoàng còn chế ra các thứ trà tàu, trà mạn, trà hột ướp sen và một thứ giấy hoa-tiên để cạnh tranh với Hoa-kiều.

Hiệu Cát-Thành ở Hàng Gai và hiệu Hồng-Tân-Hưng ở Hàng Bồ Gai, cũng mở vào lúc ấy.

Rồi do cụ Tùng-Hương (1), phong-trào lan tới các tỉnh nhỏ. Hồi đó, tỉnh Phúc-Yên mới thành-lập, cụ lên đấy mở hiệu Phúc-Lợi-Tế; lại xuống Hưng-Yên mở hiệu Hưng-Lợi-Tế. Cụ thấy chuyên bán nội-hóa thì ít hàng quá, không mau khá được, nên cụ đổi phương-sách, bán đủ mọi thứ tạp-hóa, bất kỳ nội hay ngoại.

Cũng năm 1907, một đồng-chí khác, cụ Nguyễn-Trác, mở một hiệu ở Việt-Trì, đặt tên là Sơn-Thọ (tức Sơn-Tây và Phú-Thọ hợp lại).

Hết thảy những hiệu ấy tuy là của riêng từng người hoặc từng công-ti, nhưng đều theo đuổi một mục-đích: làm nơi tụ-họp, liên-lạc các đồng-chí, tuyên-truyền cho phong-trào duy-tân, cổ-động dùng nội-hóa, khuếch-trương công-nghệ, và có lời thì bỏ vào quỹ Nghĩa-thục.

---

(1) Anh ruột cụ Phương-Sơn, quê ở Phương-Khê (Sơn-Tây) nên trong Nghĩa-Thục thường gọi là Đại-Phương để phân-biệt với cụ Phương-Sơn là Tiểu-Phương.

Người làm trong hiệu chỉ được nuôi cơm, chứ không lãnh công.

Hai hiệu Đông-Thành-Xương và Sơn-Thọ, vốn lớn nhất, trang-hoàng đẹp, bán nhiều đồ nội-hóa như quạt lông, đồ tre đương tại làng Đại-Đồng (Sơn-Tây), khay trúc ở Nghệ-An, giày Kinh, lãnh Bưởi, lãnh Sài-Gòn.

Phong-trào kích-thích đồng-bào tới nỗi vài quan lớn đương-thời cũng khảng-khái xin nghỉ việc để về nhà đi buôn. Như cụ Nghiêm-Xuân-Quảng (1) đương làm án-sát Lạng-Sơn, cáo quan về mở hiệu buôn tơ ở Hàng Gai (hay Hàng Quạt?) và chính cụ ngồi cân tơ.

Và như sau nầy độc giả sẽ biết, phong-trào lan cả vào tới Nam: tại Sài-Gòn có Minh-Tân khách-sạn của cụ Phủ Chiếu, có Chiêu Nam lầu của cụ Nguyễn-An-Khang; ở Bến-Tre có hiệu thuốc bắc Tư Bình Đường của một nhà nho (khuyết danh) quê ở Quảng-Bình; ở Chợ Thủ (Lông-Xuyên) có hiệu Tân Hợp

---

(1) Cụ nhỏ tuổi mà đậu Tam-giáp tiến-sĩ Tại làng cụ có hai ông Tổng-đốc già tranh nhau chức tiên chỉ, không ai chịu nhường ai, ông thì cậy mình đậu phó bảng, (nhưng chưa được thực-thụ tổng-đốc), ông thì cậy mình đã thực-thụ tổng-đốc (nhưng chỉ là ấm-sinh, chứ không xuất thân khoa-mục). Khi thanh-niên họ Nghiêm vinh quy, hai ông già kia không dám tranh, phải nhường ngay ghế tiên-chỉ cho chàng. Vì vậy có người tặng họ Nghiêm đôi câu đối:

Địa mạch tam vương chung vượng-khí,
Quốc triều lưỡng chế nhượng anh-niên,
Mạch đất Ba Vua đúc nên khí vượng,
Hai Tổng đốc quốc triều phải nhường người trẻ tuổi.

(Mạch đất Ba Vua là nói về khoa phong-thủy, giảng hơi dài giòng mà cũng vô ích, chúng tôi xin miễn chú thích).

Long (sau đổi là Tân-Quảng-Huệ) của cụ Hồ-Nhựt-Tân (1), ở Long Xuyên có một tiệm của cụ Nguyễn-Đình-Chung.

Vậy ta có thể nói kết quả về tinh-thần rất đáng mừng. Nhưng kết-quả về tài-chánh cho Nghĩa-thục thì không đáng kể, vì hai nguyên-nhân:

Nguyên-nhân thứ nhất là các hiệu ấy, trừ hiệu Cát-Thành, chỉ mở được ít năm, khi Nghĩa-thục bị rút giấy phép thì cũng lần lượt đóng cửa, mà trong một hai năm đầu, lợi chưa có mấy.

Nguyên-nhân thứ hai, quan trọng hơn là nhà nho buôn bán rất dở. Có cụ bệ-vệ quá, khách hàng không dám lại gần. Chẳng hạn, một lần cụ Phương Sơn có dịp lên Việt-Trì, lại thăm hiệu Sơn-Thọ, tới cửa hiệu, thấy một đám tổng-lý đương ngó tủ kính. Cụ mời các ông ấy vào chơi trong hiệu, các ông ấy đáp:

— Chúng tôi không dám ạ. Hiệu nầy là hiệu các quan lớn, chúng tôi không dám.

Cụ ngạc-nhiên, nhưng khi bước chân vào thì hiểu ngay: ông chủ có vẻ quan lớn thật, ăn cơm mà có gia-nhân cầm quạt lông đứng hầu, so với các ông chủ hiệu Hoa-Kiều, khác xa quá (2).

---

(1) Chính cụ sau này có lần tranh chức Tổng thống với Ngô Đình Diệm.

(2) Sau, phải để cho một người khác quản-lý. Ông nầy thực tận tâm, nhiệt thành với hội, không mưu lợi riêng nên khi ông mất vì ra huyết quá nhiều lúc mổ tràng-nhạc, một đồng chí điếu ông đôi câu đối:

Dĩ thương hợp-quần, quốc khả danh thê, ninh vị lợi?
Lưu huyết ư bệnh, hồn đương tác lệ, vị quan tình.

(Buôn bán để hợp quần, nước là người yêu, đâu vì lợi?
Huyết ra đến nỗi chết, hồn thành quỷ dữ, vị tình thương.)

TIMSACH.COM.VN

Có cụ lại đa-tình, không nỡ đòi tiền người đẹp. Khi cụ Chân-Thiết bận việc về Nghĩa-thục, cụ phải mượn một đồng-chí trông nom hiệu Đồng-Lợi-Tế. Được vài ba tháng, một hôm cụ nầy nhất-định xin thôi. Cụ Chân-Thiết hỏi gạn mãi, cụ chỉ bẽn-lẽn, ngập-ngừng, hồi lâu mới dám thú :

— Tiểu đệ tự xét không đủ tư cách, lãnh việc đó nữa e có tội vơi tôn huynh. Tôn huynh còn nhớ con mụ me Tây thầu gạo cho tù đó không ? Nó cứ ỳ ra không chịu trả tiền. Nó thiếu hai ba trăm đồng rồi, hỏi lần nào nó cũng bảo nhà nước chưa làm măng-đa, măng-điếc gì đó, rồi hứa hết tuần nầy đến tuần khác.

— Sao tôn-huynh để cho nó thiếu nhiều như vậy ? Bắt nó trả hết số cũ rồi mới bán thêm chứ.

— Vâng, thì tiểu đệ vẫn tự-nhủ lần sau sẽ nhất-định không bán chịu. Nhưng lần sau nó tới, vừa mới ở trên xe bước xuống đã nhoẻn miệng cười, rồi lễ-phép chắp tay chào đệ, yểu điệu bước vào, vén tà áo xuyến ngồi ở đầu sập, mở cái tráp nhỏ của nó ra, hai bàn tay trắng nuốt như búp lan đỡ một miếng trầu thơm phức hoa bưởi, đưa ra mời đệ, thì hồn phách đệ đi đâu mất hết, không thế nào mở miệng ra đòi tiền nó được nữa ; thế rồi nó xin khất đến kỳ sau, đệ cũng cho khất, nó lại xin cân thêm gạo, đệ cũng cho cân. Và khi nó về rồi, đệ mới giận đệ là ngu, là dại. Tôn huynh có thương đệ thì kiếm người khác thay đệ ; chứ như vậy mãi đệ còn mặt-mũi nào trông thấy anh em đồng-chí nữa.

Cụ Chân-Thiết rũ ra cười :

— Dại gái như tôn-huynh mới có một. Thôi để tôi kiếm người khác thay tôn-huynh. Tôn-huynh kém Lương Khải-Siêu xa. Lương, trong khi trôi-nổi vì cách-mạng, có lần gặp một mỹ-nhân quyến-luyến ông ta lắm. Ông ta

quyết dứt áo ra đi, sau khi tặng nàng bốn câu nầy :

Hàm tình khảng-khái tạ thuyền-quyên,
Giang thượng phù-dung các tự liên.
Biệt hữu pháp môn di khuyết hám,
Đỗ-lăng huynh muội diệc nhân duyên.

Ngậm tình khảng-khái tạ thuyền-quyên.
Sông bến phù dung cũng tự liên
Còn có phép màu bồ chỗ khuyết,
Anh em họ Đỗ đẹp nhân-duyên. (1)

Chúa đa tình là cái nòi cách-mạng. Nhưng đa tình mà cắt được tình thì mới đáng là cách-mạng. Tôn-huynh chỉ mới được có một nửa.

TIMSACH.COM.VN

(1) Hai câu sau có nghĩa là « đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ ».

CHƯƠNG IX

KHUẾCH-TRƯƠNG NÔNG-NGHIỆP, KHAI MỎ

Tư bản coi ra riêng cũng chung.

Nghĩa-thục còn khuyến-khích đồng-chí lập đồn-điền để khuếch-trương nông-nghiệp. Về khu vực hoạt-động này, công đầu về Độc-tướng-quân và cụ Bùi Đình Tá.

Không rõ Độc-tướng-quân tên họ là gì, chỉ biết cụ là con nhà khoa-bảng, học giỏi, nhưng ghét thi-cử, hưởng-ứng phong-trào duy-tân, rời quê hương ở miền Nam (Hưng-Yên hay Phủ-Lý ?) lên Yên-Bái — mà hồi đó ai cũng sợ là nơi ma thiêng nước độc — để mở một đồn điền tại Yên-Lập.

Vì cụ Phương-Sơn cho hay trước, nên Độc-tướng-quân ra đón cụ tại một ga nhỏ, rồi hai cụ cùng leo lên lưng một con ngựa, về đồn điền. Ngựa không có yên, mà cương thì bằng dây thừng. Đường đồi lúc lên lúc xuống, ngồi ngựa rất xóc, cụ Phương-Sơn không quen, ôm cứng lấy bụng Độc-tướng-quân.

Ngựa ngừng trước một trại nhỏ bằng lá cất trên bờ một con sông. Điền tốt độ mươi người, người nào cũng đen thui và ở trần Chủ nhân dắt khách đi thăm trại, chỉ cho coi mấy chục mẫu rừng đương khai phá thành ruộng ; rồi cả hai lại lên ngựa tiến sâu vô rừng, cách trại độ năm trăm thước, tới một cái chòi bên cạnh một lò hầm than. Không-khí oi-ả, hơi lửa của lò bốc ra hừng hực. Độc-tướng-quân xin lỗi khách, cởi áo, chỉ bận một cái quần cụt, ngồi kề công-việc làm ăn cho khách nghe.

Đồn điền được năm chục mẫu Cây đốn xuống, chất một nơi. Khi nào điền tốt rảnh công việc ruộng nương thì đốt than. Có thuyền chở than và lúa ra Yên-Bái bán. Vì nước độc, điền tốt ở miền xuôi lên, ở được ít tháng, ngã nước, xin về, nên rất khó kiếm nhân công. Trong trại không có một người đàn bà nào cả. Tới bữa, điền tốt bưng lên một phạn cơm gạo đỏ và một đĩa thịt muối. Vừa sầm tối, muỗi đã bay mịt trời, đưa tay ta quơ được cả chục con mỗi lần. Độc-tướng-quân phải hun khói, rút thang rồi chủ và khách chui cả vào trong chòi, đóng cửa lại.

Không quen chịu cực, sáng sớm hôm sau, cụ Phương-Sơn cáo-biệt, về tới Hà-nội, tả cảnh cô độc của chủ đồn-điền cho bạn bè nghe, và từ đó trong Nghĩa-thục ai cũng gọi chủ đồn-điền là Độc-tướng-quân, riết rồi quên hẳn tên thật.

Sau Độc-tướng-quân, là cụ Bùi-Đình-Tá ở ngõ Phất-Lộc, cùng với một người bạn là cụ Phán-Tứ (người Nam-Việt), hùn nhau khai phá một đồn-điền ở Mỹ-Đức, gần chùa Hương.

Hồi người Pháp mới mở trường ở Bắc-Việt, phát không sách vở giấy bút cho học-trò mà cũng rất ít gia-đình chịu cho con đi học. Những nhà khá giả đều giữ lề-lối cũ, ghét và khinh cái học « tây u » mà các cụ gọi là cái học vong-bản. Chính-phủ bắt buộc quá, các quan phủ huyện phải ép các tổng lý cho con đi học. Cụ Bùi-Đình-Tá chính là một trong những người bị bắt-buộc học tiếng Pháp như vậy. Nhờ tư-chất thông-minh, cụ đỗ đạt, được bổ thông-phán rồi thăng tham-tá.

Nhưng cụ không vong bản như phần đông các quan tham quan phán thời đó, vẫn giữ tính-tình nho-nhã, chung thân bận quốc-phục, nhiệt tâm muốn khai-hóa thanh-niên, chẳng những dạy giúp Nghĩa-thục mà còn lập một cô-nhi-viện đầu tiên ở Việt-Nam. Việc mở đồn-điền ở Mỹ-Đức chính là để có phương-tiện nuôi trẻ mồ côi. Cứ buổi sáng cụ dạy các em đó học vần Quốc-ngữ, buổi chiều cho chúng tập công-việc đồng áng, tùy sức và tùy tuổi của mỗi em. Sáng-kiến đó rất mới-mẻ, chỉ tiếc cụ không đủ vốn, thất mùa một hai vụ, phải bán cả đồng hồ, bàn ghế trong nhà để chi-phí cho cô-nhi-viện mà vẫn thiếu hụt, rốt cuộc công việc phải bãi bỏ.

Thời đó, biết bao nhiêu người có thiện-chí, chỉ vì thiếu kinh-nghiệm và hoạt-động lẻ-loi mà thất-bại.

Từ khi đồn-điền Yên-Lập và Mỹ-Đức phải dẹp vì lỗ vốn, chương-trình khuếch-trương nông-nghiệp của Nghĩa-thục không được tiếp-tục nữa.

Một việc ít người biết mà không ai ngờ, là nửa thế-kỷ trước, các cụ trong Nghĩa-thục, ngoài kinh sử ra, có biết chút gì về địa-chất-học đâu, mà cũng rủ nhau đi tìm mỏ ở miền thượng-du Bắc-Việt, và đã tìm được nhiều mỏ : than, chì, kẽm, lưu-hoàng... Các cụ lên miền

rừng núi, hỏi dò thổ-dân : thấy chỗ nào nghi là có quặng thì đem về ít cục đá, đất, giao cho phòng thí-nghiệm phân-tích sau khi đóng tiền 5đ. mỗi lần. Nếu phòng thí-nghiệm bảo là có quặng, các cụ đóng thêm tiền đón kỹ-sư tới tận nơi xét xem mỏ sâu hay nông, nhiều quặng hay ít ; sau cùng lại mướn người cắm mốc bốn bên, vẽ bản đồ xin đóng thuế khai mỏ.

Công việc mới bắt đầu thực-hành thì phải dẹp vì Nghĩa-thục đóng cửa ; chỉ còn cụ Bùi-Xuân-Phái, giáo-học Ninh-Bình, tiếp tục khai một mỏ than nhỏ ở Nho-Quan. Than nằm ngay trên mặt đất, nhưng còn non, người Pháp chê, nên mỏ mới còn lại mà về tay cụ. Cụ đem bán cho Huê kiều, được họ chia cho một phần hùn. Than rất nhẹ, bán rất rẻ, nhưng mỗi tháng cụ cũng được chia lời chừng trăm bạc. Được vài năm cụ mất, người trong nhà bán đứt cho Huê-kiều, thì năm sau, họ đào sâu xuống, gặp những lớp than cứng, tốt, rất được giá. Trong sự doanh nghiệp, Huê-kiều quả thực bền gan hơn mình nên thường thành-công hơn.

TVSACH.COM.VN

CHƯƠNG X

PHÁI BẠO-ĐỘNG

Khi lên như gió thổi diều,
Trong hò xin thuế, ngoài reo hãm thành.

Khi cụ Lương-văn-Can đứng ra hòa giải hai cụ Sào-Nam và Nguyễn Quyền mà nói : « Theo ý tôi, ngoại-viện và tự-cường phải đồng thời tiến-hành với nhau mới được », cụ đã có ý cùng với cụ Tây-Hồ và một số đồng-chí trong nước chuyên lo việc duy-tân, tự-cường ; còn việc cầu ngoại-viên và bạo-động, để Kỳ-Ngoại-Hầu với cụ Sào-Nam đảm-nhận.

Cụ Sào-Nam hiểu như vậy nên từ đó về sau, ít liên-lạc trực-tiếp với cụ Lương và cụ Tây-Hồ, sợ trở-ngại cho công-việc hai cụ nầy. Tự nhiên, hai phái ôn-hòa và bạo-động vẫn ngầm giúp nhau. Hồi đó tinh-thần đảng-phái ít hơn ngày nay, có thể nói là gần như hoàn-toàn không có.

Vậy trong Đông-kinh nghĩa-thục vẫn có một số đồng-chí hoạt-động ngầm cho phái bạo-động. Hoạt-động ngầm thì không hại, nhưng nhiều cụ lại quá hăng-hái làm cho người Pháp để ý, chỉ chờ cơ-hội để đóng cửa Nghĩa-thục.

Trong số quá-khích, ngay nhà cụ Lượng cũng đã có ba người rồi.

TIMSACH.COM.VN

Lương-Trúc-Đàm, chắc độc-giả còn nhớ, đã cùng với Dương-Bá-Trạc tổ chức cuộc diễn-thuyết ở đền Ngọc-Sơn, rồi lại cùng với Đỗ-Chân-Thiết đầu thư xin chính-phủ Pháp lập ngay nền đại-học Việt-Nam.

Lương-Ngọc-Quyến thì một mình trốn qua Nhật (1905) học trường Chấn võ khi thành tài được cụ Sào-Nam phái về nước hoạt động, do một tên phản đảng tố cáo, bị Pháp bắt giam ở Thái Nguyên, tra khảo tới què chân, tháng 8 năm 1917 mưu với Đội Cấn phá ngục và tấn công Thái-Nguyên. Sau nầy, chúng tôi sẽ có dịp nhắc lại chuyện đó.

Còn Lương Nghị Khanh, cũng qua Nhật học, bị chứng tràng nhạc, chữa không hết, sợ khí hậu lạnh bên đó, năm 1916 bèn qua Xiêm, lén về Nam-Vang (cụ Lương-Văn-Can đương bị an-trí tại đây) rồi chết, hồi 30 tuổi (1)

TIMSACH.COM.VN

(1) Trước khi về Nam-Vang, cụ cải-trang làm Huê-Kiều, tìm lạ thăm cụ Phương-Sơn anh rể cụ, đương mai danh tại miền Đốc Vàng Thượng ở đồng Tháp-Mười. Gặp tết Nguyên-đán, cụ khẩu-chiếm một bài thơ Đường-luật :

Cái duyên bèo nước gặp nhau đây,
Mười một năm nay chén rượu này.
Ý khí tung-hoành trong bốn biển,
Tinh-thần thông suốt ngoại ngàn mây.
Vịt hầm chì nướng phong lưu cũ,
Kẻ Huế người Ngô nghĩa bạn dầy
Năm mới hôm nay ngày cũng mới,
Cùng nhau chúc chén rượu cho say.

Trong câu sau, kẻ Huế chỉ cụ Phương-Sơn vì người nơi đó gọi cụ Phương-Sơn là thầy Huế, còn người Ngô là cụ Nghị-Khanh tự chỉ mình.

Ngoài họ Dương và ba anh em họ Lương, ta nên kể thêm cụ Võ-Hoành, cụ Đỗ-Chân-Thiết và cụ Nguyễn Tùng-Hương.

Cụ Võ là con cụ Tú ở làng Thịnh-Liệt (Hà-Đông). Nhà cụ có hai người làm cách-mạng. Một người chị của cụ — mà hồi đó đồng-chí gọi là Chị Bảy — biết chữ Hán, gia nhập nghĩa-thục, làm liên-lạc viên, thường đi từ Bắc vô Nam, từ Nam qua Tàu, mua bán thổ-sản mỗi nơi, kiếm tiền quyên-trợ cho du học-sinh. Bọn trành (1) thấy là đàn bà, vả lại quen mặt, không nghi-ngờ gì cả.

Người thứ hai là cụ. Cụ cao mà gầy, gân-guốc, đặc-biệt nhất là tiếng nói sang-sảng và lưng ngay như cây cột. Hình như cụ không khom lưng được, nên lúc về già, thường nói với người thân : « Chính vì cái lưng tôi nó không cong được nên tôi mới bị Hoàng-Trọng-Phu nó sai lính căng nọc tôi ra, nhưng rồi nó cũng chẳng làm gì nổi tôi cả. ».

Cụ thi vài khoa, không đậu (1), vào Nghĩa-thục quyên tiền và tuyên-truyền cho trường. Rất nóng-nảy, khảng-khái, thường tự nhận là « đầu gáo » (2), không sợ chết, rất thích ngâm bài thơ dưới đây của Tây-Hương Long-Thạnh, một nhà ái-quốc Nhật (coi phụ lục III).

---

(1) Tiếng lóng của các cụ thời đó chỉ bọn mật thám.

TRÀNH vốn là chữ Hán, một bên chữ NHÂN đứng, một bên chữ TRÀNG là dài, nghĩa là ma cọp. Theo mê-tín thời xưa, hễ ai bị cọp ăn thịt thì hồn phải theo cọp để dắt cọp đi ăn thịt kẻ khác, như vậy hồn mới thoát. Bọn mật thám dắt Pháp bắt đồng bào nên các cụ gọi là trành.

(1) Sau này, bị an-trí ở Sa-Đéc người ta thấy cụ hay chữ, nên gọi là cụ Cử.

(2) Ngày xưa, những người bị chém và bêu đầu thì thân-nhân chỉ được xin thây về, rồi lấy vỏ gáo dừa thay đầu mà chôn.

TIMSACH.COM.VN

Tuy-nhiên, cụ chưa có cơ-hội hoạt-động thì năm 1909 đã bị Pháp đưa ra Côn-đảo.

Hai cụ ngấm-ngầm mà hoạt-động khá tích cực là cụ Đỗ-Chân-Thiết và cụ Nguyễn-Tùng-Hương.

Cụ Đỗ liên-lạc với cụ Sào-Nam, dùng ngôi nhà số 2 ở ngõ Phất-Lộc của cụ Tùng-Hương và Phương-Sơn làm chỗ chứa súng lục và thuốc phiện lậu (1). Ngôi nhà nầy rất tiện cho việc chứa đồ quốc-cấm. Nó ở trong một ngõ hẻm, lại tối om-om, sâu hun-hút, bề ngang không đầy ba thước mà chiều dài non năm chục thước, có hai ba cái gác xếp, phải khòm lưng, rờ từng bước mới leo lên được, phía sau cùng lại có một cái vườn nhỏ thông qua ngôi nhà số 4, mà ngôi nhà nầy rất rộng, có tới hai ba lớp vừa mái lá vừa mái ngói, mỗi lớp có bốn năm cái phòng mà nhiều chỗ ánh sáng mặt trời không bao giờ lọt tới. Thật là ngoắt-ngoéo như một mê-thất. Lính kín mà có dò la ra, mới vào được nhà số 2, còn mò-mò từng bước để tiến thì chủ-nhân đã có đủ thì giờ chuyền những đồ quốc-cấm qua nhà số 4 rồi đóng cánh cửa thông hai nhà lại và từ nhà số 4 lại chuyền qua những nhà khác một cách rất dễ-dàng. (2)

Vì cụ Sào-Nam liên-lạc với bọn Vân-Nam du học-sinh ở phố hàng Bún, và lập một hội tên là *Song-Nam Đồng-Minh* hội (3), nên cụ Đỗ cũng quen biết bọn đó.

---

(1) Từ hồi nào tới nay, ở nước ta mà có lẽ cũng ở toàn cõi Á-đông nữa, đảng cách-mạng nào cũng buôn thuốc phiện lậu để có tiền

(2) Hai ngôi nhà đó đều của cụ Tú họ Lê ở Đan Loan (Hải Dương), cụ ngoại của tác giả.

(3) Song-Nam là Việt-Nam và Vân-Nam. Hội này chỉ có danh chớ không có thực.

Lần đầu tiên lại thăm họ, cụ đi với cụ Phương-Sơn. Vì Hán-văn lưu-lợi, cụ Phương-Sơn được cử ra bút-đàm.

Hai bên chào hỏi nhau xong, Hà Thiệu Tăng (1) thay mặt du học sinh, cầm bút hạ ngay câu:

«Đệ dữ chư huynh giai vong quốc nhân dã», (2) rồi thao-thao bất tuyệt, thảo một hơi hai trang giấy đề bàn về tình-hình Hoa, Việt.

Cụ Phương-Sơn mới đọc câu đầu đã tấm tắc khen là vào đề gọn mà hùng, rồi càng coi tiếp càng thán-phục họ viết hơn mình xa. Mình chỉ quen gò đẽo thơ phú, còn phóng bút bàn về thời sự, quốc kế thì họ viết được bốn, mình viết chỉ được một.

Sau này, Tôn-Văn có lần qua Hà-Nội, Hải-Phòng quyên tiền được mười vạn đồng, hình như có hội-đàm với cụ Đỗ-Chân-Thiết.

Cụ Nguyễn-Tùng-Hương tính-tình điềm đạm, nhưng rất cương-nghị, hoạt-động kín đáo hơn. Cụ là con cụ Tú họ Nguyễn làng Phương-khê (Sơn-Tây) (3) rất có hiếu, nghe lời cha, rán học hành cho tinh thông, nhưng không thích lối văn khoa cử, cũng không ứng thi một lần nào, ngày tết dán đôi câu đối ở cửa ngõ:

Thực hoạch ngã tâm hoa sắc hảo,
Si cường nhân ý pháo thanh oanh.
(Tinh thần tươi trẻ màu hoa đẹp,
Ý chí tung hoành tiếng pháo vang.)

Cụ sớm nuôi cái chí lớn, lấy Tổ-Quốc làm vợ như Mazzini, nên người thân khuyên bảo rồi ép buộc, cụ cũng không chịu lập gia-đình, trốn đi ở chùa. Biết vậy, không ai cưỡng ý cụ nữa, và từ đó cụ chuyên lo quốc-sự, lãnh chức giáo sư trong Nghĩa-Thục, làm liên-lạc-

(1) San làm trong bộ Ngoại-Giao ở Thượng-Hải.
(2) Em và các anh đều là người mất nước.
(3) Ông nội tác giả.

viên cho phái Đông-du. Mới đầu cụ hoạt-động kín đáo, sợ liên-lụy đến cha già, sau Nghĩa-Thục bị đóng cửa và cụ Tú đã mất, cụ qua Trung-Quốc, theo cụ Sào-Nam, và trong đại-chiến thứ nhất, năm 1914 hay 1915, cụ cùng với cụ Huỳnh-Trọng-Mậu (người Nghệ-An tục gọi là Tú-Mậu), được Đức giúp tiền, mua ít khí-giới, trở về nước tấn công một vài đồn nhỏ ở miền Lạng-Sơn. Việc thất-bại, cụ lẻn được qua Xiêm, cải trang ở chùa ít lâu rồi cũng bị bắt, còn cụ Huỳnh ở Trung-Hoa, sau Trung-Hoa vào phe Pháp chống Đức, đội quân của cụ bị giải tán.

Vụ Thái-Nguyên nổ, cụ tập hợp được ít quân, lại đánh vào Lạng-Sơn, nhưng lính tập không hưởng ứng, cụ thua, định qua Xiêm, tới Hương-Cảng bị Pháp bắt, đem về Hà-Nội bắn (1916). Khi sắp chết cụ ngâm đôi câu đối:

Ái quốc hà cô, duy hữu tinh thần lưu bất tử,
Xuất sư vị tiệp, thả tương tâm sự thác lai sinh.

Yêu nước tội gì, chỉ có tinh thần là còn mãi.
Ra quân chưa được, nguyện đem tâm sự gởi đời sau.

Cụ Lương-Văn-Can thấy nhiều đồng-chí hoạt-động mỗi ngày một kịch liệt, ra ngoài hẳn đường lối của Nghĩa-Thục (chẳng hạn mua và chở khí-giới về Hà-Thành, đưa thanh-niên lên Yên-Thế với Đề-Thám...), sợ người Pháp ra lệnh đóng cửa trường mà tổ-chức tan-tành mất, không biết bao giờ mới khôi phục lại được, nên trong một cuộc hội-họp, có đề-nghị với hội-viên tách ra làm hai phe, ai ôn-hòa thì ở lại, còn ai muốn bạo-động thì biệt lập ra. Đề-nghị đó ai cũng cho là phải, song chưa kịp thi-hành thì Nghĩa-Thục đã bị thu giấy phép.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG XI

NGHĨA-THỤC BỊ ĐÓNG CỬA

Cách hoạt-động của mình còn dại,
Sức oai-quyền ép lại càng mau.

Toàn-quyền Beau được hả dạ một chút sau cái vụ mở trường Đại-học trong một tuần, nhưng vẫn căm gan vì bài *Thiết-tiền-ca* đã phá tan kế-hoạch kinh-tế của ông. Người Pháp biết chắc rằng tác-giả bài đó là một người trong Nghĩa-thục, song chưa nắm được bằng-cớ rành-rành, nên còn để ý dò la; tới khi thấy các nhà ái-quốc của ta hoạt-động mỗi ngày mỗi hăng, mà ảnh-hưởng tới dân mỗi ngày mỗi lớn, họ thẳng tay đàn-áp liền.

Đầu năm 1908 (tháng chạp năm Đinh-Mùi), họ thu giấy phép của Nghĩa-thục, lấy cớ rằng có thể làm cho lòng dân náo động. Tính ra trường hoạt-động trước sau được khoảng một năm, những tháng đầu không có giấy phép, chín tháng sau có giấy phép.

Tin chưa ra, các cụ đã đoán được trước, thủ tiêu hết những giấy tờ quan-trọng, nhất là bản in các bài ca ái-quốc, và những sách của cụ Sào-Nam gởi về; còn một số sách học nào có thể làm lụy cho hội-viên thì giấu kỹ, nên khi nhân-viên sở Liêm-phóng tới xét, không bắt

được gì cả, và hội-viên không ai bị giam cầm. Có lẽ hồi đó họ xét không kỹ như hồi sau nầy và cũng còn đương bủa lưới, đợi lúc bắt trọn một mẻ. Họ sai những tên tránh rình hàng tháng ở chung quanh Nghĩa-thục. Bọn nầy thay phiên nhau đứng ở máy nước đầu phố hàng Bạc, ngó qua nhà cụ Lương, thấy ai khả nghi ra vào thì bắt đưa giấy thuế thân, ghi tên họ và địa-chỉ liền. Họ còn khờ, làm công-khai như vậy, nên các nhà cách-mạng biết mà đề-phòng, rốt cuộc không bắt được ai, họ chán và một tên tránh phàn-nàn với bạn đồng-nghiệp: « Có thấy gì đâu, mà chúng nó cũng bắt chúng mình ngồi rình suốt ngày, tới nửa đêm như thế nầy. Mưa phùn lạnh buốt xương. »

Đợi lúc trường bớt bị dòm ngó, cụ Lương sai người chuyển lần những sách của thư-viện trong trường qua nhà cụ Phương-Sơn ở số 2 ngõ Phất-Lộc. Ngày nào cụ Phương-Sơn cũng nhận được những quả (1) sơn son do các u già đội lại, nói là của cụ Tú nầy, cụ Phán nọ cho đem bánh lại biếu, mở ra thì toàn là sách. Cụ Phương-Sơn phải đốt trọn ba đêm mới hết. Một người bồi ở với tây, từ trên gác nhà bên cạnh, ngó xuống thấy ngọn lửa cháy suốt đêm, phải hỏi: « Nhà bên đó nấu bánh chưng hay làm gì vậy? ».

Vậy công việc dạy học và diễn-thuyết phải dẹp, còn công việc chấn-hưng công-nghệ vẫn tiến-hành, nhưng ít lâu sau những hiệu buôn cũng lần-lần phải đóng cửa vì nhiều cụ tạm lánh mặt, nên thiếu người quản-lý. Như ở

(1) Tức những hộp lớn bằng cái mâm, cao độ một gang, có nắp, làm bằng gỗ.

Hà-Thành, hàng hóa ở các hiệu Đồng-Lợi-Tế, Tụy-Phương... dồn cả về hiệu Hồng-Tân-Hưng ở hàng Bồ và giao cho cụ Võ-Hoành trông nom. Hiệu nầy có sáng-kiến đón học-sinh trường bách-nghệ để đúc các đồ đồng như bình bông, hoặc sơn những khay trà, làm cho nền tiểu công-nghệ nước nhà tiến được một bước.

Muốn lung-lạc các giáo-sư trong Nghĩa-Thục, viên Thống-sứ ra nghị-định bổ hai cụ Hoàng-Tích-Phụng (1) và Nguyễn-Quyền trong ti Giáo-huấn. Cụ Nguyễn trước làm huấn-đạo, nay thăng Giáo-thụ, nhưng không được ở Lạng-Sơn nữa mà phải về một phủ nhỏ ở Phú-Thọ.

Hai cụ Lương-Trúc-Đàm và Dương-Bá-Trạc vì đậu cử-nhân, được bổ tri-huyện, song cả hai đều từ chối.

Các nhà nho tưởng như vậy đã yên, không ngờ mấy tháng sau, ba biến cố quan-trọng xảy ra trong nước làm cho các cụ bị lụy.

Trước hết là vụ kháng thuế ở Quảng-Nam. Vụ nầy ảnh hưởng lớn quá, mở đầu cho những cuộc biểu-tình vĩ-đại về sau. Hàng vạn người, đều hớt tóc, kéo nhau lại vây tòa sứ Quảng-Nam để xin giảm thuế. Viên Công-sứ không chấp đơn, ra lệnh giải tán, vô hiệu, phải cho lính bắn vào đám biểu tình làm một số người chết. Phong-trào từ Quảng-Nam lan vào các tỉnh miền Nam Trung Việt. Chính-phủ Pháp đổ tội cho các cụ Sào-Nam, Tây-Hồ, Trần-Quí-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng đã xúi dân nổi loạn. Cụ Sào-Nam lúc đó ở Nhật, chúng không làm gì được, cụ Trần-Quí-Cáp mà các quan lại Việt ghét nhất vì

(1) Cụ là thân-sinh của Hoàng-Tích-Chu, một nhà báo nổi danh thời trước, đã có công dùng một lối văn gọn gàng, có khi gọn quá, để viết, tờ Đông Tây.

tính khinh-mạn của cụ, bị chém đầu ở Nha-Trang (1) cụ Huỳnh-Thúc-Kháng bị bắt ở Hội-An và cụ Tây-Hồ đương ở Hà-Nội, cũng bị còng tay giải về Huế. (2)

Sau vụ xin sưu này, một nhà nho (khuyết danh) làm một bài văn tế ngày nay chỉ giữ được một phần trong đó tả cảnh khốn đốn của dân quê khi chạy sưu:

> Sưu chưa kịp, phòng chánh đến, phòng phó đến mà phòng cai đến, buộc nhành thất cổ, phút xui nên nọc nọc vồ vồ; Thuế chưa có ra, bán gà đi, bán lợn đi, lại bán bò đi, bán trốt lột xương, may mới khỏi gông gông trói trói.
>
> Cám cảnh nhẽ tiền không gạo hết, lấy gì nuôi con trẻ thơ ngây; Xót thay thịt nát xương mòn, lấy gì cấp cha mẹ yếu đuối?

Vụ thứ nhì là âm-mưu bạo-động của Đề-Thám. Khi người Pháp cho Đề-Thám lập ấp ở Nhã-Nam, cả hai bên đều nghĩ đó chỉ là một giải-pháp tạm-bợ. Không lẽ nào trên lãnh thổ Việt-Nam lại có một khu-vực

TMSACHTIMVN

---

(1) Cụ Trần-Quí-Cáp hô-hào cho tân-học, muốn qua Nhật, vì có mẹ già chưa đi được thì đã bị bọa, nên cụ Huỳnh-Thúc Kháng có điếu cụ một bài thơ chữ Hán rồi lại tự dịch ra. Bốn câu bài đó như sau:

> Quyết đem học mới thay nô-kiếp,
> Ai biết quyền dân nẩy họa nguyên?
> Bồng-Đảo gió chưa đưa giấc mộng,
> Nha-Trang cỏ đã khóc hồn-thiêng.

Bồng-Đảo tức Nhựt-Bản.

(2) Cụ Tây-Hồ không nhúng tay vào vụ nầy, vì cụ vẫn tuyên bố: « Không trông người ngoài, trông người ngoài thì ngu; không bạo động, bạo-động thì chết; ai là kẻ đồng nhân đồng bào ta, ai là kẻ thật yêu tự-do, ta chỉ có một vật rất quý để tặng: chỉ bằng học! »

tự trị ở Yên-Thế, có quân-đội riêng, hành-chánh riêng, tài-chánh riêng được. Trước sau gì hai bên cũng phải một còn một mất.

Năm 1908, Pháp dò la, biết Đề-Thám vẫn giao-thiệp với Sào-Nam, thu dụng thêm nghĩa-binh ở miền Thanh-Nghệ, lập thêm đồn, mua thêm khí-giới, bèn ra tay trước; tháng sáu 1908, xử tử mười hai người hoạt-động cho Đề-Thám rồi đầu năm sau, tấn-công nghĩa-quân (1).

Vụ thứ ba là vụ đầu độc quan binh Pháp ở Hà-nội cũng năm 1908, có lẽ do đảng-viên của Đề-Thám chủ mưu. Việc thất bại, Bếp Hiên và sáu người nữa trong cơ lính nhà bếp bị xử tử.

Bài thơ lục bát « Hà Thành đầu độc 1908 » (khuyết danh) làm năm 1912 đã chép lại từng chi tiết của vụ này ; nhưng chỉ ghi bốn nhà liệt sĩ : Nguyễn Chí Bình, Nguyễn Cốc, Đặng Nhân, Nguyễn Đức A (tức cai Nga), đều ở trong đội lính khố đỏ, và bà hàng cơm, Nguyễn Thị Ba bị giết lây :

Ôi thương thay ! ôi thương thay !
Kể sao cho xiết chết lây những người.
Văn minh thật đã lạ đời,
Đàn bà giết cả đến người hàng rơm.
Thôi thôi trâu béo cỏ cơm,
Trăm nghìn phó một mũi gươm là rồi.
Khen cho liệt sĩ bốn người,
Một lòng vì nước, muôn đời tiếng thơm.

Trong nước đã náo động và Pháp muốn trừ hậu họa, cho bắt hết thảy các nhà cách-mạng Nghĩa-thục.

(1) Nghĩa-quân tan rã và không bao lâu sau, (1913) Đề-Thám bị phản và hạ sát trong khi ngủ.

Một nhân-viên sở Liêm-phóng tới mời cụ Lương vào dinh Hoàng-Trọng-Phu ở Thái-Hà Ấp. Trong nhà, nhiều người lo cho cụ, cụ cười và nói : « Tôi đã bảy chục tuổi rồi, họ làm gì tôi ? ». Thực ra, cụ lúc đó mới 54, 55 tuổi, nhưng râu tóc bạc phơ, người không biết đều tưởng cụ đã thất tuần. Có lẽ nhờ vậy mà Hoàng-Trọng-Phu đối với cụ nhã-nhặn, bảo cụ khai mọi việc, cụ chỉ ôn-tồn đáp :

— Chúng tôi mở Nghĩa-thục để giúp chính-phủ khai-hóa dân-trí, và chính-phủ đã cho phép. Từ khi chính-phủ rút phép, thì chúng tôi thôi, không hoạt-động gì cả.

Hoàng-Trọng-Phu vỗ-về cụ mấy câu rồi để cụ về, nhưng tới năm 1913, sau vụ ném tạc đạn ngày 23-4, người Pháp cho là do nhóm Nghĩa-thục cầm đầu, bắt giam cụ ít lâu rồi đưa cụ đi an-trí Nam-Vang mười năm.

TIMSACH.COM.VN

Cụ Võ-Hoành vì quá khảng-khái, bị Hoàng-Trọng-Phu sai lính căng nọc nhưng chỉ dọa chứ không đánh.

Cụ Dương-Bá-Trạc hay tin, trốn được, người Pháp sai bắt cụ Khóa là thân sinh của cụ để tra-khảo. Cụ Khóa vẫn vui-vẻ, viết thư cho con, có câu : « Tổ-quốc khả dĩ vô ngã, bất khả dĩ vô nhi » (1), có ý khuyên con đào tẩu ; nhưng vì lòng hiếu, cụ Dương ra mặt để cha được thả.

Cụ Nguyễn-Quyền lúc đó đương làm Giáo-thụ ở Phù-Ninh cũng bị bắt đưa về Hà-Đông để lấy khẩu cung.

Cụ Lê-Đại mà chính-phủ rất ghét vì những bài ca của cụ, bị buộc tội là đồ-đảng của Đề-Thám và dự cuộc

---

(1) Tổ-quốc không có cha không sao, không có con thì không được.

âm-mưu đầu độc ở Hà-Thành.

Hai cụ Nguyễn-Văn-Vĩnh và Phạm-Duy-Tốn bị bắt sau mấy ngày, cũng bị dẫn vào Hà-Đông, nhưng chỉ bị giam một ngày rồi được thả, có lẽ vì Hoàng-Trọng-Phu biết hai cụ không hề bạo-động.

Cụ Hoàng-Tăng-Bí nhờ nhạc-gia là cụ Cao-Xuân-Dục (1) đương làm Học-bộ thượng-thư bảo lãnh nên được thả và chỉ bị an-trí ở Huế. Ở đó, nhân gặp một khoa thi Hội, cụ nộp quyển và đậu phó-bảng.

Còn những cụ khác không bị để ý tới lắm, lẻn lút trốn được.

Những cụ bị bắt đều phải ra tòa Đề-hình, và bị kêu án trảm giam hậu (2), sau đổi làm chung-thân khổ sai mà đầy ở Côn-đảo (1909).

Tới Côn-Lôn, các cụ gặp hai cụ Tây-Hồ và Huỳnh-Thúc-Kháng. Cụ Tây-Hồ bị Nam-Triều thâm oán vì trong bức thư gởi lên Toàn-yuyền năm 1906, cụ mạt-sát quan lại quá dữ, phải mang cái án trảm-quyết (3). Nhưng nhờ hồi ở Hà-nội, cụ chơi thân với Babut, chủ-nhiệm tờ Đại-Việt tân báo, và có chân trong hội Nhân-quyền, nên được Babut tận tâm can-thiệp, lên thẳng phủ Toàn-quyền xin tái-thẩm, phủ Toàn-quyền ra lệnh cho Nam-triều xử lại và Triều-đình đổi án trảm quyết ra án trảm giam hậu; Babut lại can-thiệp nữa, Triều-đình lại bắt buộc phải đổi làm án «Côn-Lôn ngộ xá bất

---

(1) Cụ Cao-Xuân-Dục cũng khẳng-khái, hồi làm Tuần-phủ Sơn-Tây, cự nhau với viên Công-sứ về vấn-đề thuế má, viên Công-sứ giận, giơ ba-toong lên, cụ cũng xách ngay ghế định phang lại. Viên Công-sứ nén giận, tỏ vẻ hòa-nhã, và xét lại vấn-đề.

(2) Nghĩa là bị tội chém, nhưng chưa chém ngay.

(3) Nghĩa là chém ngay.

nguyên », nghĩa là bị đày Côn-đảo, dù gặp dịp ân xá cũng không được hưởng.

Khi bước chân ra khỏi cửa lao Phủ-Thừa cụ ngâm bốn câu bất hủ :

Luy-luy thiết tỏa xuất đô môn,
Khảng-khái bi ca thiệt thương tồn.
Quốc thổ trầm luân, dân tộc tụy,
Nam-nhi hà sự phạ Côn-Lôn.

mà Phan-Khôi dịch ra như sau :

Mang xiềng nhẹ bước khỏi đô-môn,
Hăng-hái cười reo lưỡi vẫn còn.
Đất nước hãm chìm dân-tộc héo,
Làm trai chi sá thứ Côn-Lôn.

Từ khi cụ Võ-Hoành bị đày, cụ Hoàng-Tăng-Bí bị an-trí, hiệu Hồng-Tân-Hưng và Đông-Thành-Xương ở hàng Gai đóng cửa luôn. Rốt cuộc chỉ còn hiệu Cát-Thành mà chủ-nhân là một nhà buôn chỉ có thiện-cảm với Nghĩa-thục chứ không phải là hội-viện, thì đứng vững hoài cho tới đầu thế chiến vừa rồi.

Những vụ bắt-bớ đó làm những nhà chí-sĩ có cảm tình với Nghĩa-thục hoặc liên-lạc với cụ Sào-Nam cũng bị liên-lụy. Trong số những nhà chí-sĩ ấy, ta nên kể cụ Nguyễn-Thượng-Hiền và cụ Ngô-Đức-Kế.

Cụ Nguyễn hiệu là Mai-Sơn (1), sinh năm 1868 ở làng Liên-Bạt (Hà-Đông). Người bé nhỏ, trắng trẻo, thanh-nhã như con gái, tính-tình điềm-đạm, đã thông-minh lại ham học, ngay từ nhỏ đã khăn áo tề-chỉnh như người lớn, 16 tuổi đậu cử-nhân, năm sau thi Hội, đỗ Đình-nguyên, nhưng chưa kịp truyền lô thì kinh-thành

(1) Cụ cũng có hiệu là Đình-Thần, Nam Phượng, từ khi ra hải-ngoại, đổi tên là Trương-văn-Hạc, là Đình-Nam, là Mộng-Liên cư-sĩ.

thất thủ (1885), khoa đó xóa bỏ. Năm 1892 thi lại, đậu nhị-giáp tiến-sĩ (Hoàng-giáp) còn Vũ-Phạm-Hàm đậu nhất-giáp tiến-sĩ, làm toản tu ở Quốc sử quán.

Văn thơ cụ rất lưu-lợi, thanh-dật, có giọng xuất trần, khác hẳn giọng tình-tứ, bóng bảy của họ Vũ. Thi đậu ít lâu, cụ được bổ đốc-học Ninh-Bình, rồi đổi đốc-học Nam-Định, năm 1907 chính-phủ Bảo-hộ phế vua Thành-Thái, cụ đến tận phủ Toàn-quyền để kháng-nghị, rồi bỏ quan về vườn. Pháp ghét cụ; nhưng vì lẽ nầy lẽ nọ chưa hạ thủ, thì ít tháng sau biết ở nữa sẽ không yên, cụ bí mật ra đi, không cho một ai hay, cả cụ bà cũng không biết. Cụ cải-trang làm đàn-bà, do đường Mông-Cái qua Quảng-Đông tìm cụ Tôn-Thất-Thuyết là nhạc-gia của cụ. Sau cụ liên-lạc với cụ Sào-Nam qua Nhật rồi lại về Trung-Quốc, cho tới khi chán-ngán vì bọn « trành » mà đồng-chí sa lưới gần hết, cụ đầu cửa Phật ở Hàng-Châu (tỉnh Chiết-Giang), rồi mất ở đó (1925).

Chúng tôi xin giới thiệu dưới đây một bài thơ chữ Hán của cụ mà ít người biết :

Lữ Ngô

Thặng thủy tàn sơn lạc nhật dao,
Quốc hồn diều diều cánh nan chiêu.
Sinh vi độc hạc qui hà ích ?
Tử hóa ai quyên hận vị tiêu !
Hoàng-hải nộ đào thu phủ kiếm,
Ngô-môn hàn nguyệt dạ xuy tiêu.
Duy dư tráng trí hồn như tạc,
Vạn trượng hồng nghê quán tử tiêu.

Ở trọ đất Ngô

Nước thầm, non xa, lặn bóng chiều,
Chơi vơi hồn nước biết nơi nào ?

Sống làm hạc lẻ về vô ích,
Thác hóa quyên sầu hận chửa tiêu!
Hoàng-hải chống gươm, thu sóng réo,
Ngô-môn thổi sáo (1) tối trăng treo.
Còn chăng, tráng chí nguyên như cũ?
Lên vút từng mây muôn trượng cao!

Đông Xuyên dịch

Giọng thơ của cụ vừa bi hùng, vừa phiêu diêu, nửa như tiếng hạc, nửa như tiếng quyên, nửa như tiếng sóng, nửa như ánh trăng, thật đúng với đời của cụ.

Còn cụ nghè Ngô Đức Kế (1878-1929) hiệu là Tập Xuyên bị đày Côn Đảo trên mười năm, 1921 mới được thả. Cụ quê ở làng Trảo Nha, Hà Tĩnh, con nhà thế gia ba đời đậu tiến sĩ. Khi được trả tự do, cụ ra Hà Nội làm chủ bút tờ Hữu Thanh, rất ghét văn thơ lãng mạn, cực lực bài xích Phạm Quỳnh trong việc hô hào kỷ niệm Nguyễn Du và Truyện Kiều.

Thơ của cụ có giọng chua cay, như thơ cụ Huỳnh Thúc Kháng, khác hẳn giọng cụ Mai Sơn. Năm 1923, Khải Định làm lễ tứ tuần đại khánh, cụ làm bốn bài bát cú Đường luật mà tôi xin chép lại hai bài đầu:

Hỏi Gia Long

Ai về địa phủ hỏi Gia Long,
Khải Định thằng này phải cháu ông?
Một lễ tứ tuần vui lũ trẻ,
Trăm gia ba chục (2) khổ nhà nông.

---

(1) Ngũ Tử Tư đi trốn, đến Lăng Thủy, đói, vỗ bụng, thổi sáo, xin Ngô thị cho ăn.

(2) Năm 1923, thực dân Pháp và triều đình Huế tăng thuế 30%.

Mới rồi ngoài Bắc tai liền đến (1),
Năm ngoái qua Tây ỉa vãi cùng (2) !
Bảo-hộ trau giồi nên tựng gỗ :
Vua thời còn đó, nước thời không !

Nước thời không có, có vua chi ?
Có cũng như không, chả ích gì !
Người vét dinh điền còn bạch địa (3),
Ta khoe dụ chỉ tự đan trì (4) !
Cấp tiền nguyệt bổng vinh nào có (5),
Ăn của quan trường, tệ lắm ri !
Thọ lắm lại càng thêm nhục lắm,
Nhỏ cu li, lớn cũng cu li !

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Năm 1922-1923, Bắc Kỳ bị lụt.

(2) Năm 1922, Khải Định đi dự đấu xảo ở Paris, làm nhiều việc nhục quốc thể, bị Phan Chu Trinh vạch tội bảy điều.

(3) Người tức (Pháp) đánh thuế nặng quá, nông dân phải bỏ ruộng hoang.

(4) Ta (tức Khải Định) ban chỉ dụ từ thềm son (chỗ vua ở).

(5) Khải Định được Pháp cấp cho mỗi tháng một vạn đồng.

CHƯƠNG XII

SAU KHI TAN RÃ

« Ngô thân bất thành, kỳ chi ngô tử » (1)

Chính-phủ Pháp muốn tiêu diệt hẳn phong-trào cách-mạng, nên chẳng những đàn-áp dữ ở trong nước mà còn tìm cách trừ những nhà ái-quốc hoạt-động ở hải-ngại. Một mặt họ tung ra một bọn trành qua Trung-Hoa, Xiêm, Nhật để dò la tung-tích các nghĩa-đảng, một mặt dựa vào hiệp ước Pháp-Nhật mà yêu-cầu chính-phủ Nhật bắt giao cho họ những người đầu đảng và giải-tán đoàn học-sinh. Nhật còn muốn cầu thân với Pháp, sá gì những thanh-niên Việt-Nam mà chẳng hy-sinh cho Pháp vui lòng? Vì vậy, sách vở, truyền đơn của đảng đều bị tịch thâu, hơn hai trăm du học-sinh mà non nửa là người Nam bị trục-xuất, chính cụ Sào-Nam và Kỳ-Ngoại-Hầu cũng phải rời khỏi đất Nhật (2).

---

(1) Lời của một nhà cách-mạng thời đó: thân ta không thành thì mong ở con ta.

(2) Có sách chép một sinh-viên, Trần-Đông-Phong, uất ức quá, tự ải sau khi để lại hai câu tuyệt mạng:

Thời dữ thế dị, sự dữ tâm di,
Hư sinh đồ nhuế, hà dĩ vi sinh?
(Thời với thế đổi, việc với lòng khác.
Sống thừa vô ích, sống để làm gì?)

Nhưng theo cụ Phan-Sào-Nam trong cuốn Tự phán thì Trần-Đông-Phong tự tử vì cha mẹ giàu có mà không gởi tiền qua, chứ không phải uất ức vì bị Nhật đuổi.

Nhắc lại thời hắc ám ấy của lịch-sử cách-mạng Việt-Nam, cụ Sào-Nam than thở: « Cảnh thất bại của tôi lúc nầy thật là đau-đớn, hình như con người bị lột da xé thịt, không còn chỗ nào lành-lặn nữa! » Phong-trào Đông du do cụ chủ-trương mà nay hàng trăm thanh-niên tuấn-tú, nhiệt-thành của quốc-gia sa vào cảnh bơ-vơ, không biết nương tựa ở đâu, ruột nào mà không đứt? Hỡi ơi! Trời đất mênh mông rộng, biết kiếm nơi nào để đặt chân? (1) Thế là phong-trào Đông-du đương lúc thịnh thì bị dẹp.

Cụ đành thu xếp cho một số thanh niên qua Trung Quốc, một số qua Xiêm; năm 1909 cụ cũng qua Vọng Các, còn Kỳ Ngoại Hầu cải trang làm bồi tàu về Nam Việt. Chuyến về nước nầy cực kỳ mạo hiểm, nhờ sự tận tâm che chở của hai đồng chí trong Nghĩa thục ở Sài gòn mà Kỳ Ngoại Hầu được bình an.

TIMSACH.TIMLY.VN

Như trên chúng tôi đã nói, do những liên lạc viên mà ảnh hưởng của Nghĩa thục lan vào tới Nam. Tại Sài gòn, hai nhà chí sĩ đầu tiên gia nhập phong trào là cụ Nguyễn An Khang và Nguyễn An Cư, ở Hóc Môn, cụ Nguyễn Thần Hiến ở Cần Thơ Trong. chương sau chúng tôi sẽ xét hoạt động của các nhà ái quốc thời đó ở Nam, ở đây hãy xin kể tiếp truyện Kỳ Ngoại Hầu.

Khi tàu tới Ô Cấp, Hầu bận áo trắng cụt, quần vải den, đi giày tây, theo hai cụ Khang và Cư lên bờ, về Sài gòn. Cụ Khang có hai người em gái cũng nhiệt tâm với quốc sự, và đều có tên là cô Năm: cô Năm ta em ruột của cụ, quản lý Chiêu Nam lầu ở đường Kinh

---

(1) Tôi nhớ mài-mại hai câu thơ của Nguyễn Bính làm khi ông tản-cư, trời gần tối mà chung quanh chỉ toàn rừng núi:

Hỡi ơi! Trời đất mênh-mông rộng,
Biết kiếm đâu ra một mái nhà.

lấp cũ, sau đổi là đường Charner, bây giờ là đường Nguyễn Huệ; và cô Năm tây (chắc là em họ của cụ) có tiệm may ở đường Espagne (Lê Thánh Tôn), chồng là ông Perrot, một người Pháp có chân trong hội Tam điểm (Franc maçonnerie).

Bà Perrot lúc đó đã góa chồng, sống với hai người con trai đều có Pháp tịch. Bà đón Kỳ Ngoại Hầu về ở Chiêu Nam lầu, rồi mướn ghe đưa Hầu xuống Mỹ Tho, lên Tân Châu. Tới đâu bà cũng giới thiệu Hầu là bà con ở Huế vô chơi, lại sai hai cậu con luôn luôn đi hộ vệ Hầu, không rời một bước, nhờ vậy lính tráng không nghi ngờ tra xét và Hầu được yên ổn để tuyên truyền và quyên tiền cho đảng. Số người hưởng ứng rất nhiều, nhất là tại Cao Lãnh, vì đồng bào Nam Việt thời đó còn cảm tình với nhà Nguyễn, thấy Hầu mà nhớ lại Nguyễn Ánh và Hoàng tử Cảnh những lúc phải bôn tẩu ở đất Đồng Nai, từ Biên Hòa tới Hà Tiên. Người ta còn lấy lễ quân thần để đãi Hầu, cũng quỵ bái, một điều chúa công, hai điều chúa công. Nhiều người ở Tân Châu kể rằng khi Hầu tới nơi đó, một ông Hội đồng và một ông Hương chủ hết sức phụng dưỡng Hầu, đem cả con gái ra dâng Hầu kiên từ không được phải miễn cưỡng ưng. Cuộc tình duyên ghé bến đó không lâu, độ một tháng sau Hầu phải xuất dương, sợ ở lâu tung tích tất bại lộ. Những thói «quỵ bái» đó trước sau gì sao khỏi lọt mắt nhà cầm quyền?

Hầu rời khỏi xứ năm trước thì năm sau Nam Việt lại được tiếp nhiều nhà cách mạng ở Côn đảo về. Trừ cụ Lê Đại bị giam tới mười lăm năm vì cái tài thơ nôm của cụ, còn các cụ Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc, Võ Hoành đều được thả cho về làm ăn ở Nam Việt: cụ

Nguyễn ở Bến tre, cụ Dương ở Long xuyên, (trọ nhà ông Năm Khách, cũng gọi là biện Khách ở Cái Sơn, ngoại ô châu thành), cụ Võ ở Sa đéc.

Chánh Tham biện các tỉnh đó đều vỗ về các cụ:

«Các ông cứ yên ổn làm ăn, chính phủ sẽ để cho thong thả và muốn gì thì chính phủ sẽ giúp. Đừng đi đâu xa mà nếu có việc thật cần phải đi thì cho bổn chức hay trước. Khách xa lại, đừng nên tiếp là hơn.»

Họ lại tặng mỗi cụ 8đ. hay 10đ. mỗi tháng, nhưng chỉ riêng cụ Nguyễn Quyền nhận. Số tiền đó sau rút xuống 4đ. rồi đến thời kinh tế khủng hoảng (1929 hay 1930) thì bỏ luôn.

Cũng trong năm 1910 hay 1911, nhờ những vận động của Babut, hội Nhân quyền ở Ba lê can thiệp vớt chính phủ Đông Pháp, cụ Tây Hồ được ân xá, nhưni phải an trí ở Mỹ Tho. Cụ không chịu sống trong cảnh giam lỏng đó, đầu đơn lên phủ Toàn quyền, đại ý nói:

— Nếu chính phủ xét tôi là vô tội thì phải trả tự do hoàn toàn cho tôi, còn nếu xét tôi là có tội thì lại đưa tôi về Côn đảo, chứ cái thái độ giam lỏng nầy là nghĩa lý gì?

Pháp lại buộc lòng phải trả tự do hoàn toàn cho cụ, cụ bèn xin sang Pháp khảo cứu thêm về chính trị và vận động với chính khách bên đó cho nước nhà được hưởng một chế độ rộng rãi, dân chủ hơn, nhưng thất bại. Khi Khải Định qua Pháp, năm 1922, cụ viết một bức thư nổi danh kể bảy tội của hắn. Năm 1925, cụ về Sài gòn, diễn thuyết vài lần rồi đau nặng, mấg ngày 24-3-1926. Quốc dân làm lễ truy điệu cụ rất long trọng.

Thế là một số Hội viên của Nghĩa Thục đã vô Trung (1) và Nam; những cụ còn ở lại Bắc không thể gây lại được phong-trào như cũ, hoặc hoạt-động lén-lút, hoặc trốn qua Tàu, qua Xiêm.

Một buổi tối mùa đông năm Tân-Hợi (1911), cụ Phương-Sơn đương nằm đọc sách thì cụ Chân-Thiết xồng xộc chạy vào, hỏi:

— Nằm làm gì đó? Người ta thành công rồi đấy, có biết không? Người ta thành công rồi mà mình cứ vẫn nằm chờ chết ở đây ư?

Nói xong, cụ ôm mặt, khóc hu hu.

Cụ Phương Sơn nhạc nhiên, hỏi:

— Chuyện gì thế? Ai thành công?

— Tôn Văn chứ còn ai nữa? Họ thành công trước mình rồi.

Cụ Phương Sơn vẫn bình tĩnh:

— Tin tức ở đâu thế? Sao trong báo Tàu không thấy nói?

— Đi với tôi thì biết. Bọn Hoa Kiều đương mở hội ở hàng Buồm để kỷ niệm ngày mùng mười tháng mười, dân quân thắng ở Vũ Xương. Lại mà xem.

— Thế thì đi.

Một lát sau, hai cụ vừa rẽ khỏi phố Mã mây một chút, đã thấy người ta nô nức tiến về phía Hội quán Quảng Đông. Không nhìn cảnh chưng đèn rực rỡ ở cửa, cũng không nhận nét mặt hân hoan của Hoa Kiều, hai cụ len lỏi tới một chỗ dán những tờ báo cáo, đọc những tin cuối cùng về trận Vũ Xương rồi trở ra, xuôi về phố hàng Ngang.

Cụ Chân Thiết nói trước:

---

(1) Tức Hoàng-tăng Bí.

— Ngẫm người mà thẹn cho mình.

Cụ Phương Sơn cười :

— Việc gì mà thẹn ? Người ta làm trước thì thành công trước, mình làm sau thì thành công sau, chứ gì ?

— Thành công cách nào ? Cứ nằm chết rí ở đó mà đòi thành công ?

— Thế chú có chương trình gì không ?

— Tôi sẽ qua bên đó. Chắc Tôn Văn và bọn Vân Nam du học sinh còn nhớ tôi. Thế nào họ chẳng giúp mình ?

Tối hôm đó hai cụ đi lang thang hết những phố có Hoa kiều như hàng Ngang, hàng Bồ rồi trở về hàng Gai, hàng Đào mà bùi ngùi nhớ lại thời hoạt động của Nghĩa thục. Đồng chí nay đã mỗi người một nơi mà nước nhà thì biết bao giờ mới thay đổi ! Khi chia tay nhau cụ Chân Thiết bảo :

THUVIENSACH.COM.VN

— Thế nào tôi cũng qua Trung quốc. Càng sớm càng hay.

Hai tháng sau, cụ tới rủ cụ Phương Sơn lại đền Bạch Mã ở hàng Buồm. Cụ Phương Sơn hỏi :

— Chú muốn xin thẻ về việc xuất hành chăng ?

— Vâng. Tôi đã trai giới mộc dục rồi, hôm nay thành tâm xin một quẻ. Một tuần nữa tôi sẽ đi.

Tới đền Bạch Mã, cụ Chân Thiết xóc được quẻ : « Tiểu chu xuất hải chi triệu » (1).

Cụ Phương Sơn nói :

— Quẻ xấu. Thôi chú hãy hoãn lại, ít tháng nữa tính lại xem sao.

---

(1) Cái triệu thuyền nhỏ ra biển.

Cụ Chân-Thiết vò nát lá xăm, liệng xuống đất, đáp:

— Quỷ thần an năng tri thử sự (1)? Không, tôi cứ đi. Đãi Hà chi thanh, nhân thọ kỷ hà! (2)

Cụ Phương-Sơn cười:

— Hỏi Thánh, Thánh dạy, lại không tin thì hỏi làm gì?

Cụ Chân-Thiết không đáp, lẳng-lặng đi ra. Tới cửa đền, cụ nói:

— Tôi mới nghĩ được hai câu thơ nầy, đọc anh nghe:

Anh-hùng tự cổ nan vi phụ,
Hào-kiệt hà nhân cánh cố gia? (3)

Cụ Phương-Sơn hiểu tâm-trạng của bạn lúc đó đương nghĩ đến gia-đình, chỉ gật đầu, khen hay và để mặc bạn trầm ngâm.

Qua Trung-Quốc, cụ Chân-Thiết gặp các cụ Nguyễn-Hải-Thần, Nguyễn-Tùng-Hương và Nguyễn-Thái-Bạt (4),

TIMSACH.COM.VN

(1) Câu đó trong bài BỐC CƯ của Khuất-Nguyên, nghĩa là: Quỷ thần sao biết được việc đó.

(2) Cũng là một thành-ngữ nghĩa là: Đợi cho sông Hoàng-Hà trong lại (thì đợi làm sao được), đời người thọ được bao?» Người Trung Hoa nói rằng sông Hoàng-hà cứ ba trăm năm mới trong một lần.

(3) Từ xưa, làm vợ anh-hùng vẫn khó khăn vì bực hào-kiệt có ai nghĩ tới nhà đâu

(4) Cụ Tùng Hương là anh cụ Phương Sơn.
Nguyễn-Thái Bạt là học-trò cụ Lương, khi qua Trung-Quốc, đổi tên là Lý Phục-Hán, phải gánh thuê để kiếm ăn, nhờ có tài văn-chương được cất nhắc lần-lần làm Thiếu-úy rồi làm bí-thư cho Tôn Văn, lấy một người con gái nuôi của Tôn, sau về nước, bị Pháp bắt. Lúc dan-díu với thiếu-nữ đó, ông làm hai câu thơ:

Thiên vị anh-hùng tiêu muộn khái
Cố giao hồng phấn bạn dong công.

(Trời muốn cho người anh-hùng đỡ sầu-muộn, nên cho người mặt phấn làm bạn với anh lâm mướn.)

rồi liên-lạc với cụ Sào-Nam, chở tạc đạn về nước để tổ-chức vụ liệng bom vào nhà hàng Coq d'or (hay nhà Café Métropole?) ở Hà-Nội năm 1913. Cụ bị Pháp bắt và xử tử (1).

Hết trông cậy được ở người Nhật, các nhà cách-mạng của ta hướng về Trung-Hoa và Đức. Cuối năm 1911 cụ Sào-Nam qua Tàu và năm sau Kỳ-Ngoại-Hầu qua Đức rồi về Trung-Quốc để cùng với cụ Sào-Nam thành-lập Việt-Nam Quang-phục-hội ở Quảng-Châu, phát hành thông-dụng phiếu và quân-dụng-phiếu để mua khí-giới, tính tấn-công Pháp.

Đại-chiến thứ nhất nổ, Đức giúp cho hội được một số tiền nhỏ. Các cụ vội-vã hoạt-động liền. Hai cụ Huỳnh-Trọng-Mậu và Nguyễn-Tùng-Hương lãnh sứ-mạng chở khí-giới vô biên cảnh, tấn công vài đồn nhỏ ở miền Lạng-Sơn (1914). Việc thất bại.

Năm 1917 lại có cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên, do Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn (tức Đội Cấn) chỉ huy.

Lương Ngọc Quyến là người con kiệt hiệt nhất của cụ Cử Lương. Theo cuốn *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917* của Đào Trinh Nhất (2) —

---

(1) Một người con trai của cụ là Đỗ Bàng (bí danh là Chu Văn Vận) và một người con gái là Đỗ Thị Tâm sau nầy gia nhập Việt Nam Quốc dân-đảng. Sau vụ Yên-Bái, Đỗ-Thị-Tâm bị Pháp bắt ở phố hàng Bột (Hà-Nội), giam ở Hỏa-Lò. Muốn khỏi bị tra-khảo, bà lấy dây lưng thòn vô họng cho nghẹt thở mà chết. Đỗ-Bàng cũng bị bắt và chết năm 1938.

(2) Họ Đào là con rể cụ Lương Ngọc Quyến.

Tân Việt — 1957 — thì năm 1911 ở Chấn Võ học hiệu ra, cụ qua Trung Hoa, nhằm lúc cuộc cách mạng Tân Hợi thành công, cụ giúp Hồ Hán Dân rồi Lê Nguyên Hồng để có dịp thực hành những điều học được.

Năm 1914, thế chiến nổ, cụ thấy thời cơ sắp tới, về nước để hoạt động. Cụ về Sài-gòn rồi xuống Long Xuyên tiếp xúc với bạn cũ, cụ Dương Bá Trạc, bị an trí ở tỉnh đó và gặp cả Nguyễn Bá Trác bạn học ở Nhật, nay làm « trành » cho Pháp để « lập công chuộc tội » (1). Hai cụ gặp nhau ở nhà cụ Nguyễn Thượng Khách (tục gọi là cụ Năm Khách) ở Cái Sơn (ngoại ô châu thành) để bàn định kế hoạch : cụ sẽ qua Xiêm khẩn ruộng và luyện quân, khi có thực lực rồi sẽ cử sự.

Trước khi qua Xiêm, cụ ghé Nam Vang thăm cha (cụ Cử Lương) mới được mấy ngày thì tung tích bại lộ (do tên phản quốc là Nguyễn Bá Trác mật báo cho Pháp), không dám đi thẳng qua Xiêm, vì đoán thế nào Pháp cũng tra xét rất kĩ ở biên giới Miên — Xiêm, nên trở về Sài-gòn rồi qua Xiêm bằng đường Hương Cảng, nhưng bị cảnh sát Anh bắt ở Hương Cảng giao cho Pháp.

Năm 1915 cụ bị giải về Hà Nội, giam ở nhiều nơi, sau cùng ở Thái Nguyên. Tên công sứ Thái Nguyên lúc đó là Darbes, đứng đầu trong « tứ hung », tức bốn công sứ bạo ngược nhất đất Bắc: nhất Đạc (Darbes), nhì Ke (Ekert), tam Ma (Delamarre), Tứ Bích (Bride): hắn sai dùi bàn chân của cụ để buộc xích sắt, nên cụ liệt hẳn một chân. Mặc dầu vậy, có lẽ chính là vì vậy

(1) Cũng bởi đó Nguyễn Bá Trác cũng qua miền Đốc Vàng Thượng (Long Xuyên) để dò la và dụ dỗ cụ Phương Sơn, con rể cụ Lương.

mà chí khí của cụ càng nung nấu tôi luyện; cụ liên lạc được với viên đội khố xanh Trịnh Cấn, (tên thật là Trịnh Văn Đạt, người làng Yên Nhiên phủ Vĩnh Tường) một phần lớn nhờ công bà vợ của Trịnh, con nhà cách mạng Phùng Văn Nhuận ở Sơn Tây, có hai anh là Cả Thấu và Hai Vịnh — hoặc Hai Vị (?) — cũng bị giam ở Thái Nguyên.

Đêm 30-8-1917, Trịnh Cấn kéo cờ khởi nghĩa phá ngục chiếm đồn. Người ta cõng cụ Lương Ngọc Quyến từ trong ngục ra để cụ chỉ huy mọi việc. Nghĩa binh làm chủ tỉnh lị Thái Nguyên từ 30-8 đến 5-9, dùng lá cờ năm ngôi sao làm quốc kỳ, đặt quốc hiệu là Đại Hùng đế quốc, công bố hai bài tuyên ngôn với quốc dân. Sau không chống cự nổi với quân Pháp, phải rút lui. Đội Cấn xếp đặt võng cáng để đưa cụ đi, nhưng cụ thấy như vậy chỉ thêm phiền cho anh em chiến sĩ, nên quyết định chết ở Thái Nguyên, nhờ Đội Cấn bắn một phát vào giữa ngực mình (5-9). Hay tin đó, cụ Dương Bá Trạc làm bài thơ khóc bạn như sau:

Đoạn tuyệt gia đình với núi sông,
Phất cờ Đông học (1) trầy tiên phong.
Lục quân Nhật Bản tinh thao luyện,
Chiến địa Trung Hoa thỏa vẫy vùng.
Bắc Hải (2) ghi ơn lời thoại biệt,
Long Xuyên bao xiết truyện trùng phùng.
Thái Nguyên độc lập năm ngày trọn (3),
Cho biết tay đây cọp xổ lồng.

---

(1) Đông học tức Đông du, qua Nhật học.

(2) Nhắc lại việc năm 1905, cụ Dương Bá Trạc đưa bạn ra Mống Cái, rồi qua Đông Hưng để đón tàu từ Bắc Hải đi Hương Cảng.

(3) Tính ngày theo lối ta thì là bảy ngày, tính theo giờ thì chỉ được năm ngày.

Cụ Lương Ngọc Quyến lưu lại một bài *Cảm tác* trước khi mất:

Học hải cầm thư lịch kỷ thu,
Nam quan (1) hồi thủ tứ du du.
Bách niên tổ quốc qui Hồ lỗ, (2)
Thất xích tàn khu phó bích lưu.
Tử thế bất phùng minh thánh hữu,
Lai sinh thả báo phụ huynh cừu!
Thử hành hoạch yết Lam Sơn đế.
Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu.

Cảm tác

Bể học xông pha trải bấy lâu,
Thân tù ngoảnh lại nghĩ mà đau.
Trăm năm đất tổ về quân mọi,
Bảy thước thân tàn mặc nước sâu.
Bạn tốt đời nay sao vắng cả,
Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu!
Hồn ta gặp được Lam Sơn đế,
Quyết mượn oai linh chém Pháp đầu.

Đào Trinh Nhất dịch

Nghĩa quân rút ra khỏi Thái Nguyên rồi, còn chống cự được tới cuối năm. Ngày 5-1-1918, Đội Cấn bị vây và bị thương ở Pháo Sơn, chung quanh chỉ còn 4 thủ hạ, biết là mọi sự đã hỏng tự bắn vào bụng. Trong lịch sử cách mạng của dân tộc ta, hai cái chết đó oanh liệt và cảm động vào bực nhất. Cụ Ngô Đức Kế lúc ấy đương ở Côn Đảo, làm sáu bài thơ tứ tuyệt chữ Hán, nhan đề

(1) Nam quan: do tích Chung Nghi người nước Sở bị nhà Tấn bắt, đội cái mũ của Sở (Sở ở phương Nam, nên gọi là mũ phương Nam: Nam quan) Vua Tấn thấy Chung Nghi, hỏi ai, đình thần trả lời là tên tù nước Sở; do đó Nam quan trỏ người tù phương Nam.

(2) Rợ Hồ ở đây trỏ Pháp

là *Thái Nguyên thất nhật Quang Phục ký* mà tôi xin trích lại hai bài, bài IV và bài VI:

IV

Cự sưu hoạt kịch tái vô văn,
Tạc đạn thanh trầm, Đế đảng phân.
Hảo vị hà sơn nhất thổ khí,
Cưỡng nhân ý thị Thái Nguyên quân.

VI

Bát thiệt vô công kiếm vị thành
Thập niên cùng đảo ám thôn thanh.
Uất thông giai khí hà sơn tại,
Dạ dạ phần hương chúc hậu sanh.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng (trong *Thi tù tùng thoại*) dịch ra như sau:

TIMSACH.COM.VN

IV

Tấn kịch xin xâu đã hạ mạn,
Quả bom ngòi tắt, đảng vua tan.
Non sông còn có mùi sanh khí,
Tuồng Thái Nguyên lựa một tiếng vang.

VI

Bút chả xong, gươm cũng dở dang!
Mười năm nín tiếng chốn cùng hoang.
Non sông un đúc người sau đấy,
Câu chuyện thường đêm cứ đốt hương.

Các nhà cách-mạng của ta trông mong ở Trung-Hoa giúp sức, nhưng năm 1917, Trung-Hoa lại đứng về phe Pháp, tuyên-chiến với Đức, thế là các cụ hết hy-vọng. Phong-trào cách-mạng lại xuống. Không nhờ ở ngoại-viện không được, mà nhờ thì phải chịu những nông-nỗi đó.

CHƯƠNG XII

PHONG TRÀO Ở TRUNG VÀ NAM

Chúng tôi chưa kiếm được nhiều tài liệu về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Trung và Nam.

Có thể rằng công cuộc duy tân ở Trung xuất hiện sớm hơn ở Bắc nhờ cuộc nam du của cụ Phan Chu Trinh năm 1904. Khi ghé Phan Thiết, cụ đã mở một thư xã, diễn thuyết nhiều lần (coi chương I); năm 1905 ông Nguyễn Trọng Lợi mở tư thục Dục anh để dạy thanh niên theo một lối mới. Trường có tiếng vang vào trong Nam và một gia đình ở Tân Thạnh (Đốc Vàng thượng) Long Xuyên, gởi một người con ra học, mặc dầu thời đó phương tiện giao thông rất khó khăn, phải đi bằng ghe bầu. Người đó hiện còn sống ở Bạc Liêu, họ Nguyễn tên Phán. Ông cho tôi hay rằng mỗi buổi sáng có một giờ thể dục rồi mới học các môn về sử ký, địa lý, chính trị... bằng Việt ngữ. Các bài ca ái quốc của các cụ Phan đều được học thuộc lòng; ngoài ra giáo sư, một cụ Tú (có lẽ là cụ Lương Thúc Kỳ) giảng thêm về các sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Nhưng chỉ được mấy tháng rồi trường bị đóng cửa.

TIMSACHCOM.VN

Sau khi Đông Kinh Ngĩa Thục bị rút giấy phép, phong trào mới lan vào Bình Thuận, do một nhà cách mạng, cụ Nguyễn Hữu Hoàn, thân phụ nhà văn Nguyễn Hữu Ngư. Cụ sanh năm 1887 ở xã Phụng Hoàng (Hà Tĩnh), thi hương một kỳ rồi bỏ luôn khoa cử, hồi ở quê nhà đã chịu ảnh hưởng của cụ Sào Nam, sau vô Huế, chịu thêm ảnh hưởng của cụ Tây Hồ, hoạt động ở Quảng Nam, Quảng Ngãi cho cả hai phong trào Đông Du và Duy Tân, liên lạc với cụ Thái Phiên ở Đà Nẵng, cũng hô hào đồng bào cắt tóc, theo cái học mới... Khi phong trào chống sưu thuế bị đàn áp dữ dội, cụ lại di cư xuống phía Nam, ghé Phan Thiết, gặp vài bạn đồng tâm, như cụ Hồ Tá Bang, phụ thân bác sĩ Hồ Tá Khanh, cuối cùng cụ định cư ở làng Tam Tân, huyện Hàm Tân, gần Kê Gà. Nơi này hồi đó rất hẻo lánh chỉ có một vài xóm nhà dựa lưng vào rừng và nhìn ra biển, không có trường học mà thiếu cả ông đồ. Cụ làm thuốc và mở lớp dạy hoc chữ Hán theo tinh thần Khang — Lương rồi dạy chữ Việt theo tinh thần Đông Kinh Nghĩa Thục, cổ động tình đoàn kết, phổ biến những tư tưởng dân chủ, tự cường, bài trừ dị đoan... Được dân trong miền kính mến, nên cụ chọn ngay nơi đó làm quê hương thứ nhì. Nhờ cụ mười lăm năm sau những bài ca như Á Tế Á được thiếu phụ Hàm Tân dùng để ru con.

Năm 1917, cụ Nguyễn Đình Kiên tức Tú Kiên, một đồng chí mà cũng là đồng hương của cụ vượt ngục Côn Lôn mà táp vào Tam Tân, cụ bảo lãnh với dân làng rồi cho người thân tín đưa lên ga Sông Phan trốn thoát. Vụ đó, sau có người tố cáo, cụ Nguyễn Hữu Hoàn bị đày ra Lao Bảo hai năm, được ân xá, phát hồi nguyên quán (Hà Tĩnh). Ít năm sau cụ trốn về Tam Tân, lại bị tố cáo, lại bị phát hồi, cuối cùng cụ phải cải danh,

vào Nam, ở tại miền Cần Đước, Cần Giờ, tới khi Nhật đảo chánh, mới trở về Tam Tân.

Trong cuộc cách mạng của toàn dân năm 1945, cụ cùng con trai và môn đệ hoạt động cho ủy ban trong miền, rồi ra Quảng Ngãi, Tuy Hòa, gặp lại bạn cũ là cụ Huỳnh Thúc Kháng, nhưng thời đã khác mà lòng con người cũng khác, nên cụ hơi chán, lại trở về Tam Tân, mất tại đó năm 1953.

Như vậy thì ta có thể đoán rằng suốt giải Trường Sơn và bờ biển Trung Việt, còn nhiều nơi lẻ tẻ chịu ảnh hưởng của Nghĩa Thục, chúng ta hiện nay chưa thu thập được tài liệu đấy thôi.

Người có công nhất ở miền Trung là cụ Phan Chu Trinh. Ngoài những hoạt động năm 1904 ở Phan Thiết, cụ còn hô hào thành lập nhiều trường và nhiều cơ sở thương mại, tiểu công nghệ ở Quảng Nam. Chúng tôi mong rằng các nhà viết địa phương chí về xứ Quảng sẽ ra công tìm thêm nhiều tài liệu về công cuộc duy tân của cụ.

Tại Nam, như trong một chương trên tôi đã nói, ba chí sĩ đầu tiên hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục là các cụ Nguyễn An Khang, Nguyễn An Cư và Nguyễn Thần Hiến. Phải kể thêm cụ Trần Chánh Chiếu, tức Gilbert Chiếu.

Cụ Nguyễn An Khang (1) là một nhà văn danh

---

(1) Cụ là thân phụ nhà cách mạng Nguyễn An Ninh. Khi Nguyễn An Ninh xin cụ qua Pháp học, cụ bảo: « Những người đi học bên Pháp về thường chỉ lo vinh thân phì gia, ăn chơi thỏa thích, cha không muốn cho con như vậy. » Nguyễn An Ninh xin thề rằng không bao giờ quên tổ quốc Hai cha con bèn dắt nhau lại Lăng Ông ở Bà Chiểu. Ninh thề xong, cụ mới cấp tiền cho du học. Sau Ninh giữ trọn được tư cách một người yêu nước, Pháp du ra làm, ông từ chối, chịu sống trong cảnh nghèo, có lúc phải bán dầu cù là và suốt đời hy sinh cho chính nghĩa, mất ở Côn Đảo năm 1943, được toàn dân miền Nam ngưỡng mộ.

tiếng ở Sài gòn thời đó, viết giúp tờ Nông cổ mín đàm và dịch nhiều truyện Tàu như Tam Quốc chí, Thủy hử, Phấn Trang lầu... Cụ lập một khách sạn đặt tên là Chiêu Nam lầu để đưa rước các thanh niên xuất dương.

Cụ Nguyễn Thần Hiến, quê ở Hà Tiên, lập nghiệp ở Cần Thơ, sau khi lập Khuyến du học hội, bị người Pháp dòm ngó, biết không thể hoạt động trong nước được nữa, năm 1908 lén qua Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, gặp cụ Phan Bội Châu ở Thái Lan, năm 1913 đem về nước một số tạc đạn mua ở Hương Cảng, bị bắt giam ở Hà Nội, tuyệt thực và mất đúng ngày nguyên đán năm Giáp Dần (1914).

Cụ Trần Chánh Chiếu, tức Gilbert Chiếu, cũng gọi là Phủ Chiếu, vì cụ được chức phủ hàm, quê ở Rạch Giá, làm chủ bút tờ Lục tỉnh tân văn, có lần bí mật qua Hương Cảng hội đàm với cụ Sào Nam, do con là Trần Văn Tiết (tức Jules Tiết mà có sách chép là Jules Tuyết) du học ở Hương Cảng giới thiệu, rồi đem những bản hiệu triệu bằng Hán văn của cụ Sào Nam về nước. Cụ cùng với cụ Nguyễn Thành Út lập Minh Tân công nghệ xã để nấu xà bông ở Chợ Lớn và Minh Tân khách sạn ở trước ga xe lửa Sài gòn để đón tiếp các đồng chí.

Ngoài ra, cụ Đặng Thúc Liên ở Sa Đéc cũng hoạt động ít nhiều.

Nhờ các cụ ấy mà các sách cách mạng của cụ Sào Nam, những bài ái quốc của Nghĩa Thục được truyền vào Nam và một số đông thanh niên được đưa qua Nhật, như Trương Duy Toản, Đỗ Văn Y, Nguyễn Háo Vĩnh (1)...

(1) Tài liệu của Phương Hữu trong cuốn *Phong trào Đại Đông du* — Nam Việt - 1950

Năm 1910, các cụ ở Đông Kinh trừ cụ Lê Đại, bị đưa từ Côn-đảo về an-trí tại Nam-Việt. Tuy bị dò xét kỹ, các cụ không hoạt-động được gì nữa, song nhờ tư cách cùng chí-khí, các cụ cảm-hóa được một số đồng-bào. Nhiều gia-đình ở Long-Xuyên, Sa-Đéc, Bến-Tre ngưỡng mộ các cụ, cho con em lại học và một số đông nhà cách-mạng lớp sau nầy, nghĩa là từ 1925 trở đi, tự hào rằng đã được các cụ dạy bảo hồi còn nhỏ. Người Pháp đâu có ngờ rằng bắt các cụ biệt xứ lại là vô-tình giúp các cụ cơ hội gieo mầm cách-mạng ở những nơi xa xôi.

Tính tình ngang-tàng của cụ Võ-Hoành đã nhiều lần làm cho nhà cầm-quyền ở Sa-Đéc bực mình mà cứ phải nhắm mắt làm lơ. Từ chối số lương 10đ. chính-phủ tặng mỗi tháng, đó chỉ là việc thường, mặc dầu 10đ. hồi 1910 bằng vài ngàn đồng bây giờ; không chịu đóng thuế-thân, lính hỏi thì bảo lính: « Lại đòi quan Chánh-Tham-biện, chính-phủ thiếu tôi mỗi tháng 10đ. đã biết mấy năm rồi », cũng chỉ là một việc thường nữa; đến như ngày lễ Cách-mạng Pháp (14 tháng 7 d.l.) lính bảo treo cờ tam tài, cụ ừ ừ rồi bảo con gái thượng ngay một chiếc quần móc trên đầu sào ở gần cửa, thì quả thực đầu cụ là đầu « sọ gáo », (coi Phụ lục II).

Thơ cụ không hay, nhưng luôn-luôn có cái giọng hằn-học, phẫn uất của một nhà cách-mạng phải khoanh tay chờ thời. Gần sáu chục tuổi, cụ gởi cho bạn một bài:

Ngao-ngán lòng tôi tối lại mai,
Lòng tôi, tôi biết giãi cùng ai?
Ngàn năm cố quốc hồn chưa tỉnh,
Hai chữ đồng-tâm nét cũng sai!
Mài lệ chép thơ phơi trước mắt,
Coi tiền như mạng bỏ ngoài tai,
Thôi thôi biết nói chi cho hết,

Càng nói càng thêm nỗi thở dài.

Năm 1945, sau khi Nhật đầu hàng, tôi được gặp cụ tại một trụ sở thanh niên ở Sài-gòn. Tóc đã bạc nhiều, chân đã chậm nhưng lưng cụ vẫn thẳng như một cây cột. Nghe nói năm sau, cụ theo nghĩa-quân vào Đồng Tháp Mười, bày mưu để tấn-công địch, người ta không theo kế hoạch của cụ đến nỗi đại bại, cụ uất quá, hộc máu mà chết.

Cụ Phương-Sơn họa lại bài thơ trên của cụ Võ Hoành như sau:

Khí phách thường như buổi sớm mai,
Đường văn-minh đó, hẹp chi ai ?
Đạp vòng trời đất, chân cho vững,
Vẽ mặt giang-san, bút dám sai ?
Cọp bắt tay không đừng nói khoác, (1)
Rắn theo tàn đuốc cũng công tai. (2)
Anh em giữ lấy niềm hòa-hảo,
Nòi giống về sau phúc lộc dài.

TIMSACH.COM.VN

Đọc hai bài thơ đó, ta thấy tính-tình hai cụ trái hẳn nhau : một cụ thì nóng nảy, một cụ thì ung-dung, một cụ chỉ muốn vùng vẫy bứt xiềng, một cụ thì dưỡng tâm để đợi vận.

Sau khi cụ Chân-Thiết qua Trung-Hoa, cụ Phương-Sơn vẫn ở lại Hà-Nội hoạt-động ngầm, nhưng khi thấy cụ Chân-Thiết cuồng-nhiệt, táo-bạo quá, cụ đoán trước việc liệng tạc đạn vào nhà hàng Coq d'Or thế nào cũng có hậu quả tai hại cho nghĩa đảng, khuyên bạn mà không được, cụ giả câm, nhờ một người bồi tàu là Lý-Tuệ (1)

---

(1) Chỉ phái bạo-động.
(2) Chỉ phái thân Pháp.

giấu cụ trong khoang chứa than của một chiếc tàu tây, lẻn vô Sài-gòn, tính ở Nam ít tháng để liên lạc với đồng-chí rồi sẽ qua Xiêm, không ngờ tàu vô Vũng Tàu thì hay tin đêm trước Phan-Xích-Long mới công phá khám lớn Sài-gòn (1913), mật thám đương canh gác,

---

Chú thích cuối trang trước.

(1) Cụ rất có công với phong-trào cách-mạng ở đầu thế-kỷ. Cụ tên họ là Nguyễn-Hữu-Tuệ, thấp bé, mắt sáng, người Hải Phòng làm bồi tàu, nhiệt tâm ái-quốc, che chở giúp đỡ các nhà cách-mạng và các học sinh xuất-ngoại. Pháp có lần giam cụ, cụ nhịn đói chứ không chịu khai gì cả.

Cụ Sào-Nam rất trọng cụ, có viết :

« Nói sùng bái anh-hùng, nên sùng bái cụ Lý-Tuệ trước hết các cụ khác, vì cụ Lý là người không được cảnh may-mắn học nhiều như các cụ mà được như thế, phỏng có học như các cụ khác thì cụ Lý đến bực nào ! » Và làm bài thơ nầy :

Ai ngờ đầu bếp được như ngươi,
Giữa mặt trần-gian khó thấy người.
Nô-lệ xác nhưng thần thánh óc,
Hạ-tầng đất vẫn thượng-lưu Trời.
Liều cùng mưa nắng thi gan sắt,
Thề với non sông trả nợ đời.
Tức tối mình đây còn vậy vậy,
Tượng đồng bia đá sẽ rồi ai.

(Tiếng NGƯƠI trong câu phá là dịch tiếng QUÂN của Tàu, có nghĩa : kính-trọng, chứ không có nghĩa như tiếng NGƯƠI ta thường dùng ngày nay.)

Khi hay tin cụ Lý-Tuệ mất (1938) ở Hải-Phòng, cụ Sào Nam làm một vế câu đối điếu :

Thoát đời nầy, sung-sướng gì bằng, tức vì chú chẳng chờ mình, trơ-trọi thân già ngồi vác mặt,

Không rõ vì lẽ gì cụ không làm nốt vế sau.

(Những tài-liệu về đoạn phụ chú nầy đều của Anh Minh trong cuốn Dật-sự của cụ Phan-Sào-Nam và cuốn Những chí-sĩ cùng học-sinh du-học Nhật-Bản.)

TIMSACH.COM.VN

dò la rất gắt những kẻ lạ mặt. Cụ phải trốn lánh ở Sài-gòn trong một thời-gian, không dám đi tìm thăm các cụ Nguyễn-Quyền, Võ-Hoành, Dương-Bá-Trạc; sau lẻn về một miền hẻo lánh ở ven Đồng-Tháp-Mười, một miền hồi đó chưa có đồn bót của Pháp, mà sự giao-thông với các nơi khác đều do ghe xuồng.

Tại đó cụ gặp hai đồng-chí là cụ Hồ-Nhựt-Tân và cụ Ba-Điền (tự là Hiện-Long). Hồi mới hay tin Đông-kinh Nghĩa thục thành lập, hai cụ nầy mướn ghe bầu ra Hà-Nội để nhập hội, nhưng tới nơi thì Nghĩa-thục đã bị đóng cửa. Hai cụ lạ xứ, bơ-vơ, giọng nói làm cho mọi người để ý, sợ ở lại lâu tất bị bọn « trành » bắt, hỏi giấy thông-hành, rồi tra xét, giam cầm, nên đành lại do đường biển mà về Nam. Năm 1915 cụ Phương-Sơn khuyên cụ Hồ-Nhựt-Tân mở hiệu thuốc Tân-Hợp-Long ở Chợ Thủ làm nơi liên-lạc các đồng-chí. Cụ Lương-Văn Can lúc đó bị an-trí ở Nam-Vang, hay tin, mừng một bài thơ trong đó có hai câu:

Hóa hàng đủ cả Nam và Bắc,
Tư-bản coi ra riêng cũng chung.

Cụ Phương Sơn lại liên lạc với cụ Nguyễn Quang Diêu (1880 — 1936), người Cao Lãnh. Cụ Nguyễn thông chữ Hán, có chí từ hồi trẻ, tiếp tay cụ Nguyễn Thần Hiến trong Khuyến du học hội, tiếp xúc với các cụ Dương Bá Trạc, Võ Hoành và có ý chờ cơ hội xuất dương. Năm 1913, cụ Huỳnh Hưng tên thực là Huỳnh Văn Nghị, người Tam Bình — Vĩnh Long, đã qua Nhật từ 1906, được các cụ Cường Để, Phan Sào Nam phái về nước đón các đồng chí, cụ Nguyễn Quang Diêu nhân dịp cùng với mươi người nữa, lẻn qua Trung Hoa, tới Hương Cảng, chưa kịp đi Hàng Châu thì bị cảnh sát bắt cùng với Nguyễn Thần Hiến, Đinh Hữu Thuật,

Huỳnh Hưng, và giải về Hà Nội, giam ở Hỏa Lò, tức khám lớn.

Cụ chép lại lần bị giam đó trong bài *Hà Thành lâm nạn*, một bài có giá trị về phương diện tài liệu lịch sử cách mạng Việt Nam, mà dưới đây tôi xin trích vài đoạn :

. . . . . .

Thương ông Thần Hiến râu mày,
Cùng Đinh Hữu Thuật (1) đều đày mười năm.
Càng thương kẻ thiếu niên Nguyễn Truyện (2).
Du học mà án biện chung thân.
Oan anh Trần Ngọ (?) quá chừng,
Tám năm tân khổ không phân lẽ nào.

. . . . . .

Còn một bác tên Bùi Chi Nhuận, (3)
Xiêm giải về án luận chung thân.
Thảm cho Ba Phú (?) muôn phần,
Đi bởi mà cũng phong trần năm năm.

. . . . . .

Còn ngoài Bắc hỏi ai chí sĩ,
Hiệp kể ra hơn bảy mươi người.
Bảy ông xử tử đã rồi (4),
Bao nhiêu đều phải lưu đồ phương xa.
Nghĩ thương cụ Cử già (5) tuổi tác,

---

(1) Người ở Mỹ Xương.
(2) Người ở Tam Bình (Vĩnh Long).
(3) Người tỉnh Tân An.
(4) Tức : Nguyễn Khắc Cần, Phan Văn Tráng, Phan Đệ Quí, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoằng Quế, Phạm Hoằng Triết, Phạm Văn Tiết bị khép tội ám sát Tổng Đốc Hà Đông và Thiếu tá Chapuis.
(5) Tức cụ Lương Văn Can lúc đó bị giam, rồi qua năm 1914 bị đày đi an trí ở Nam Vang.

TIMSACH.COM.VN

Vì non sông phải bước tân toan.
Trong lao lại có cô Hoàng, (?)
Vần (?) phương nhi nữ mà gan anh hùng.

. . . . . .

Năm 1914 cụ Nguyễn Quang Diêu bị đày qua đảo Guyane, năm 1917 cụ vượt ngục, trốn qua đảo Trinidad (tên Pháp là Trinité) của Anh, làm công cho một tiệm buôn Trung Hoa, học thêm tiếng Trung Hoa và học tiếng Anh, rồi cuối 1920 trốn về Hương Cảng, tìm gặp cụ Nguyễn Hải Thần, cuối 1926 mang quốc tịch Tàu, trở về Sài-gòn sau mười năm lưu lạc. Từ Sài-gòn, cụ về thẳng Sa Đéc, thăm cụ Võ Hoành, chỉ kịp giáp mặt vợ con một lần rồi lại hăng hái lo việc cách mạng, len lỏi ở các tỉnh Trà Vinh, Bến Tre, Cần Thơ, Tân An, tìm đồng chí lập đảng; sau bị Pháp dò ra được tung tích và lùng bắt, cụ phải trốn ở làng Vĩnh Hòa, giáp biên giới Miên Việt, rồi mất tại đó. Sức vùng vẫy và tính mạo hiểm của cụ, ít ai bì kịp.

Nhân một dịp Tết, cụ ghé làng Đốc Vàng Thượng thăm cụ Phương Sơn, chán nản đọc cho bạn nghe bài thơ dưới đây:

Cày mòn tấc lưỡi mấy năm trời, (1)
Tuy chẳng giàu mà cũng đủ xơi.
Chồng thẻ tháng ngày thoi giục tuổi,
Đầy sân đào lý gấm thêu chồi.
Cây nêu tiếng pháo đâu như đấy,
Chén rượu câu thi ai với tôi?
Người khách cho hay xuân cũng khách,
Thôi ta cung hỉ lấy ta chơi! (2)

---

(1) Cụ dạy học ở làng Vĩnh Hòa.

(2) Tài liệu về cụ Nguyễn Quang Diêu rút trong cuốn *Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu* của Nguyễn Văn Hầu — Xây Dựng — 1964.

Cụ Phương Sơn họa lại:

Đã từng vùng-vẫy bốn phương trời,
Năm mới về đây nhậu lại xơi.
Tuyết trắng hao mòn gần hết lạnh,
Mai vàng rực-rỡ muốn đâm chồi.
Gởi nhờ trời đất, ai không khách,
Mài-miệt cầm thư thẹn cái tôi.
Gặp lúc thái-bình mây gió tốt,
Nên chơi ta rủ bạn ta chơi.

Trong bài đó hai câu thực ám-chỉ sự suy duy của thực dân da-trắng và sự cường thạnh sẽ tới của giống da vàng; hai câu kết tiên đoán sẽ có cuộc đại chiến ở Thái-Bình-Dương.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG XIV

KẾT

Câu thơ Tin-Quốc để về sau.
(Nguyễn-Thượng-Hiền)

Sau Thế chiến thứ nhất, thế-lực của Pháp lại có vẻ vững như bàn thạch, những nước lân-cận có thể giúp ta được như Trung-Hoa, Nhật-Bản đều là đồng-minh của Pháp, nên phong-trào cách-mạng Việt-Nam phải tạm xuống, suốt mấy năm yên-tĩnh, gần như không có một cuộc bạo-động nào. Dù tận-lực bôn-ba, cụ Sào-Nam cũng chỉ tổ-chức được mỗi một cuộc ném bom ở Sa-Điện để ám-sát Toàn-quyền Merlin. Merlin thoát chết mà Phạm-Hồng-Thái thì lưu danh thiên cổ, tới dân tộc Trung-Hoa cũng phải ngưỡng mộ, đặt người nằm ở Hoàng-Hoa-Cương, bên cạnh 72 vị liệt-sĩ của họ.

Pháp càng mạnh thì bọn « trành » hoạt-động càng dữ, nhiều nhà ái-quốc bị sa lưới, nên số đông ở hải-ngại phải tạm ngưng hoạt-động, cụ thì làm ruộng chờ thời, cụ thì kiếm chỗ dạy học; chán-ngán thế-cuộc nhất là cụ Nguyễn-Thượng-Hiền, thấy con một nhà cách-mạng mà đi làm mật thám cho Pháp, cụ nản chí, đầu thiền gõ mõ ở Hàng-

Châu, sau khi gởi cho đồng-chí bài thơ nầy:

Thôi thôi càng nói lại càng rầu,
Mảnh áo đêm khuya thấm hạt châu.
Việc nước ai làm ra đến thế?
Cơ trời còn biết ngóng vào đâu?
Hai bên gánh vác vai thêm nặng,
Muôn dặm xa-xôi bước khó mau.
Giận biển sầu non như chẳng chuyển,
Câu thơ Tín-Quốc để về sau. (1)

Năm 1925, cụ Sào-Nam bị bắt ở Thượng-Hải vì một tên trành điềm chỉ, mà tên đó lại là cháu một nhà ái-quốc cũng bôn ba hải-ngoại như cụ mới là đau lòng cho chứ! Tưởng là sẽ chết, cụ làm bài thơ tuyệt-mệnh:

Nhất lạc nhân hoàn lục thập niên,
Hảo tòng kim nhật liễu trần duyên.
Sinh-bình kỳ khí qui hà hử?
Nguyệt tại ba tâm, vân tại thiên.

Sáu chục năm nay ở cõi đời,
Trần duyên giờ hẳn giũ xong rồi.
Bình-sinh chí lớn về đâu nhỉ?
Trăng giọi lòng sông, mây ngất trời

(Dịch giả: khuyết danh)

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Tín-Quốc Công tức Văn-Thiên-Tường là một nhà ái-quốc đời Tống, chống với quân Minh xâm lăng, thất bại, bị giam, chịu chết chứ không đầu hàng. Ông có làm hai câu thơ:

Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
Lưu thử đan tâm chiếu hãn thanh.
(Tự cổ làm người ai chẳng chết,
Lòng son lưu lại miếng tre xanh).

Hãn thanh là tre chảy mồ-hôi. Hồi cổ, chưa có giấy, phải khắc chữ lên tre. Muốn cho tre mau khô, người ta đốt cho tre chảy bớt nước ra.

Nhưng khi cụ về tới nước thì đủ các giới trong quốc-dân xin chính-phủ Pháp ân-xá cho cụ, và cụ chỉ bị an-trí ở Huế. Trong khi cụ còn bị giam ở Hà-Nội, cụ Nguyễn-Thượng Hiền mất ở Hàng Châu ; theo lời di chúc, nhà chùa hỏa táng cụ rồi đổ cốt hôi xuống sông Tiền Đường.

Năm sau, cụ Tây Hồ mới ở Pháp về được ít lâu, cũng qui tiên ở Sài-gòn. Hay tin, cụ Sào Nam viết bài Văn Tế khóc bạn :

Than ôi !

Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nọ kém thua hơn được, ngó non sông nên nhớ bậc tiên tri ;
Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét hỡi đau lòng hậu bối.
Vẫn biết tinh thần di tạo hóa, sống là còn mà thác cũng như còn ;
Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi.
Lấy ai đây nối gót nghìn thu ;
Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ Tiên sinh xưa :

Tú dục Nam châu ;
Linh chung Đà hải. (1)
Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường ;
Nền tác thánh thi thư từng thuộc lối.
Gan to tày bể, sức xông pha nào kể ức muôn người ;
Mắt sáng hơn đèn, tài linh lợi từ khi năm bảy tuổi.
Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đâu áo mũ xênh xang ;
Thói nhà chăm nghiệp bút nghiên, giấu mặt hào hùng, thì tạm cũng khoa trường theo đuổi.

. . . . . .

(1) Ý nói : vẻ tốt đẹp cõi Nam (Quảng Nam), khí thiêng liêng bể Đà (Đà Nẵng).

TIMSACH.COM.VN

Bài văn đó dài mà lâm li. Cụ lại điếu một đôi câu đối tuyệt hay, giọng trầm hùng:

Sương hải vị điền, tinh vệ hàm thạch,
Chung Kỳ ký một, Bá Nha đoạn huyền.
(Sương hải chưa bồi, tinh vệ ngậm đá, (1)
Chung Kỳ đã mất, Bá Nha đập đàn).

Lại năm sau nữa (13-6-1927), cụ Lương Văn Can mất ở Hà Nội vì bệnh già. Cụ bị an trí ở Nam Vang từ 1914 đến 1924, về Hà Nội lại mở trường dạy học — trường Ôn Như — nhưng không còn hoạt động gì được nữa. Lời di chúc cuối cùng của cụ là:

« Bảo quốc túy, tuyết quốc sỉ »

Đám táng cụ Tây Hồ được cử hành long trọng. Nhiều nơi làm lễ truy điệu; học sinh bãi khóa suốt từ Nam tới Bắc, gây tiếng vang rất lớn trong nước. Thấy vậy nên khi cụ Lương mất, chính phủ Pháp lấy cớ là cụ bị bệnh thời khí, bắt làm lễ an táng rất gấp, ngay 5 giờ rưỡi chiều hôm đó để khỏi náo động, thành thử di hài của cụ không đưa về quê ở làng Nhị Khê được mà phải chôn ở Phúc Trang Hợp Thiện (Bach Mai) dưới ánh đuốc vì tới huyệt đã bảy giờ tối. Nhưng ở Hà Nội cũng có hằng ngàn người, đông nhất là học sinh và thợ thuyền, đưa cụ tới huyệt. Hai cụ Hoàng Tăng Bí và Ngô Đức Kế chấp phất bên cạnh linh xa (coi phụ lục II). Rồi ngày chủ nhật 19-6, cả ngàn sinh viên và thợ thuyền định biểu tình ở Phúc Trang Hợp Thiện, bị Pháp đàn áp (La Volonté indochinoise số 3-7-1928).

Ở Sài-gòn, ngày 26-6, một môn đệ cũ của cụ là Trần Huy Liệu, lúc đó làm chủ bút tờ Đông Pháp thời

(1) Tích con gái vua Viêm Đế chết chìm ở biển, hóa ra chim tinh vệ ngậm đá ở núi Tây để lấp biển Đông. Nghĩa bóng trỏ người cầm trả thù.

báo, đứng ra làm lễ truy điệu, đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng. Cụ Phương Sơn là đồng chí mà cũng là rể của cụ, điếu :

Bảy mươi bốn tuổi già, chứa biết bao giận nước thù nhà, cười nói vẫn bền cùng sắt đá ;
Mười lăm năm lưu lạc, kể sao xiết tình thầy nghĩa bạn, đền bồi xin hẹn có non sông.

Chính phủ thực dân bắt giam ông Trần Huy Liệu, gần một tháng không hỏi tới, ông và vài đồng chí tuyệt thực để phản đối, năm ngày sau, Pháp phải thả ông.

Ngày 29-10-1940 cụ Sào Nam mất ở Huế, lưu lại một bài từ giã bạn bè, lời buồn vô hạn :

Từ giã bạn bè lần cuối cùng.

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỉ,
Thiên hạ hà nhân bất thức quân ? (1)
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần,
Nay được bạn mối tinh thần hoạt hiện (2).
Những ước anh em đầy bốn biển,
Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian !
Sống xác thừa, mà chết cũng xương tàn,
Câu tâm sự gởi chim ngàn cá biển.
Mừng được đọc bài văn sinh vãn (3),
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can...
Tiếc mình nay sức mỏng, trí thêm khan,
Lấy gì đáp khúc đàn tri kỉ ?
Nga nga hồ, chí tại cao sơn,

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Hai câu thơ trong bài *Biệt Đồng Đạt* của Cao Thích, nghĩa là :
Đừng buồn lối trước không tri kỉ,
Thiên hạ ai người chẳng biết ông ?

(2) Thể hiện sức sống.

(3) Tế sống.

Dương dương hồ, chí tại lưu thủy! (1)
Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm ?
Bỗng nghe qua khóc trộm lại thương thầm :
Chung Kỳ chết, e quăng cầm không gảy nữa !
Nay đương lúc tử thần chờ trước cửa,
Có vài lời ghi nhớ về sau.
Chúc phường hậu tử tiến mau !

Vì thời cuộc không thuận, quốc-dân không làm lễ truy-điệu cụ được. Tiếp theo tới các cụ Nguyễn-Quyền lìa trần ở Bến Tre, cụ Dương-Bá-Trạc ở Tân-Gia-Ba (2), cụ Võ-Hoành ở Đồng Tháp Mười, cụ Huỳnh-Thúc-Kháng ở Quảng-Ngãi (1947). Gần đây lại có tin cụ Lê-Đại mất ở Hà-Nội (1951) và cụ Nguyễn-Hải-Thần quy tiên năm ngoái ở Bắc Kinh.

Thế là các nhà cách-mạng lớp trước, ở đầu thế-kỷ, lần lượt theo nhau về cõi khác hết, (3) hiện nay may lắm còn được một hai cụ.

Từ khi cụ Sào Nam bị bắt thì hoạt-động của các vị đó gần như hoàn-toàn ngưng hẳn. Nhưng ngọn hồng-kỳ lại chuyền qua tay những thanh-niên và những đảng cách-mạng khác nối nhau xuất hiện ở trong nước cũng như ở ngoài nước, nào là Tâm-tâm-xã, nào là Việt-Nam Thanh-niên cách-mạng đồng-chí-hội, nào là Tân-Việt cách-

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Hai câu trong sách *Liệt Tử*, lời của Chung Tử Kỳ nhận xét tiếng đàn của Du Bá Nha, nghĩa là :

Tiếng vút lên : chí hướng đặt vào nơi núi cao,
Tiếng cuồn cuộn : chí hướng đặt vào nơi nước chảy.

Nhận xét đó, Bá Nha khen là rất đúng và hai người từ đó thành cặp tri kỉ.

(2) Cụ được người Nhật đưa qua đó để Pháp khỏi bắt cụ.

(3) Như ở một chương trên tôi đã nói, cụ Tăng Bạt Hổ mất vì bệnh ở Huế, khoảng năm 1915.

mạng đảng, nào là Việt-Nam Quốc-dân-đảng, rồi hội kín nầy, hội kín nọ..., cứ đợt nầy chưa xuống thì đợt khác đã lên, liên miên bất tuyệt, đập vào nền tảng của thực dân Pháp ở Việt-Nam, và ngày nay nền tảng đó đã hoàn-toàn sụp đổ mặc dầu Pháp đã đem hàng ức thanh-niên của họ huy-động tất cả những khí-giới tối-tân nhất để chống đỡ, và được cả Anh lẫn Mỹ giúp sức.

Cuốn sách nầy tái bản đúng kỷ lục thập chu niên của năm Đông-Kinh Nghĩa-Thục ra mắt quốc-dân. (1) Ngày nay đã cách xa Nghĩa-thục đúng 60 năm, ta có thể xét Nghĩa-thục một cách bình tĩnh và vô tư được.

Lấy phần đông mà xét thì trong 25 năm đầu thế-kỷ, phong-trào cách-mạng là do các nhà cựu-học chỉ-huy, với một số ít nhà tân-học giúp sức; trong 25 năm sau phong-trào do các nhà tân-học tổ-chức và được một số nhà cựu-học làm cố-vấn.

THUVIENSACH.COM.VN

Trong giai-đoạn trên, các nhà cách-mạng chia làm hai phe: một phe bạo động mưu cầu ngoại viện mà cụ Sào-Nam lãnh đạo, một phe ôn hòa chủ-trương duy-tân mà cụ Lương-văn-Can và cụ Tây-Hồ cầm đầu. Tuy-nhiên hai phe vẫn liên-lạc, hợp-tác mật-thiết với nhau, kính-trọng, quý-mến nhau chứ không hề khuynh-loát, mạt-sát nhau.

Cả hai phe, mà nhất là phe ôn-hòa, hoạt-động còn thiếu kinh-nghiệm, thiếu phương-pháp, có vẻ những nhà cách-mạng « tài-tử » chứ không phải hạng cách-mạng chuyên-môn thấu rõ đủ cả lý-thuyết lẫn kỹ-thuật như nhiều nhà cách-mạng gần đây. Có người lại chê các bực tiền bối đó làm thơ nhiều hơn làm cách-mạng. Có phần đúng, nhưng ta không thể trách các cụ điều đó được: các cụ làm thơ cũng như ngày nay chúng ta chép nhật-

(1) Vì thời cuộc ra trễ mất một năm.

ký, mà chính nhiều bài thơ đó đã cảm hóa được quốc-dân (1). Trái lại, ta nên phục các cụ là hoạt-động thiếu phương-tiện, thiếu tổ-chức trong một thời gian ngắn như vậy mà đã có ảnh-hưởng vô cùng lớn tới quốc-dân.

Ngày nay nghe nói đến Đông-Kinh Nghĩa-thục, người Việt nào cũng ngưỡng mộ, kính phục những nhà cựu học đã gây nên phong-trào duy-tân đầu tiên ở nước nhà. Bị un đúc trong cái lò thi phú mà các cụ có đầu óc mới mẻ như vậy, quả thực là siêu quần.

Công của các cụ rất lớn.

Nhờ Nghĩa Thục mà sau những vụ thất bại ở cuối thế kỷ trước, chúng ta lấy lại được lòng tự tín: không tự ti đối với Trung Hoa và Âu Tây mà cũng không tự cao đến mù quáng. Chúng ta vẫn tôn trọng những giá trị tinh thần — hy sinh và bất khuất — của cựu học mà đồng thời cũng biết nhận giá trị thực tế của tân học:

Học Tây học Hán có rành mới hay.

Cởi bỏ được những quan niệm lạc hậu rồi — nhất là quan niệm trung quân quá cố chấp — tinh thần dân tộc của ta vững thêm. Các cụ một mặt khai thác cái vốn cũ của dân tộc mà vốn quí nhất là ngôn ngữ, một mặt tiếp thu văn hóa Âu Tây bằng công việc dịch thuật. Các cụ là người đầu tiên bỏ khoa cử và hô hào mọi người học tiếng Việt, viết lách bằng tiếng Việt, do đó mở đường cho các nhóm Đông Dương tạp chí và Nam Phong sau này.

Các cụ lại dạy ta có một quan niệm mới về nhiệm vụ và khả năng của phụ nữ trong công việc cứu quốc;

(1) Nghĩ vậy, nên tôi đã chép lại trong tập này, nhiều bài thơ, nhiều câu đối của các cụ. Bỏ những bài thơ văn đó tức là làm mất một phần bản sắc của các cụ.

TIMSACH.COM.VN

dạy ta chú trọng tới kinh tế, hướng về các việc kinh doanh, sản xuất và tiêu thụ các đồ nội hóa; dạy ta phải đồng tâm gây dựng cho xứ sở, và đích thân nêu gương phục vụ đồng bào cho hạng trí thức trong xã hội.

Nhưng công của các cụ không phải chỉ có bấy nhiêu. Các cụ còn trực tiếc hay gián tiếp đào tạo các nhà cách mạng và nhà văn lớp sau, trong số này nhiều phần tử ưu tú tự nhận đã mang ơn nhiều của các cụ. Như tôi đã nói, những cụ Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đôn Phục nhờ dịch sách cho Nghĩa Thục mà luyện được cây bút, sau thành những nhà văn xuất sắc trong nhóm Nam Phong. Lại thêm một số học-sinh của Nghĩa-thục, như Đào-Trinh-Nhất, một số con cháu các cụ sau thành những nhà ngôn-luận có danh trong nước, há không do ảnh-hưởng của phong-trào?

Nghĩa-thục chỉ thọ khoảng một năm mà tên Nghĩa-thục được ghi trên sử. Trong *Nam thiên phong vận ca* một thi-sĩ khuyết danh đã chép lại hoạt-động của Nghĩa-thục trong những vần lưu loát và nồng-nàn mà chúng tôi đã trích dẫn trên đầu mỗi chương và bây giờ xin gom lại:

Cơn mây gió trời Nam bảng-lảng,
Bước anh-hùng nhiều chặng gian-truân.
Ngẫm xem con Tạo xoay vần,
Bày ra một cuộc duy-tân cũng kỳ.
Suốt thân-sĩ ba kỳ Nam, Bắc,
Bỗng giật mình sực thức cơn mê.
Học thương xoay đủ mọi nghề,
Cái hồn ái-quốc gọi về cũng mau.
Hồn đã tỉnh, bảo nhau cùng dậy,
Chưa học bò, vội chạy đua theo.
Khi lên như gió thổi diều,

Trong hò xin thuế, ngoài reo hãm thành.
Cách hoạt-động người mình còn dại.
Sức oai quyền ép lại càng mau.
Tội-nguyên đồ đám nho lưu,
Bắc-Kỳ thân-sĩ đứng đầu năm tên (1).

« Mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ ». Mà danh ấy thọ là nhờ đám « nho lưu » ấy, gồm hầu hết những bực tuấn tú, nhiệt-tâm, chí-khí nhất trong nước tức cái tinh-hoa của non sông đã tụ họp nhau ở nhà số 4 phố hàng Đào của cụ Lương-văn-Can để nắm tay nhau mà cải-tạo non sông.

TIMSACH.COM.VN

(1) Năm « tên » đó là năm cụ đã bị Pháp kêu án chung thân khổ sai, tức : Dương Bá Trạc, Nguyễn-Quyền, Lê Đại, Võ-Hoành và Hoàng-Tăng-Bí, nhưng cụ Hoàng nhờ nhạc gia can thiệp, được an trí ở Huế như độc giả đã biết.

Thơ Cảm-Khái

của một cụ trong Đông-kinh Nghĩa-thục

Tuổi xanh kết bạn xoay trời đất,
Năm chục năm nay thỏa ước mong.
Độc-lập xa gần cờ phấp-phới,
Anh hồn cố hữu khoái hay không?

Phương-Sơn (1882-1960)
Mạnh đông Ất Mùi (1955)

TIMSACHTIM.VN

PHỤ LỤC I

Thiết tiền ca

Bài Thiết tiền ca của cụ Nguyễn Phan Lãng có ảnh hưởng rất lớn ở đương thời, phá cả một chính sách kinh tế của thực dân, bị thực dân cấm, nên rất ít người biết. May mà có người nhớ được; chúng tôi theo Hợp tuyển thơ văn Việt Nam mà chép lại đây trọn bài vì nghĩ tài liệu đó rất nên phổ biến, có thể trích giảng trong các sách giáo khoa Tiểu học và Trung học được.

TIMSACH.COM.VN

Tiền với bạc đó là máu mủ,
Không có tiền no đủ được sao?
Một ngày là một tiêu hao,
Máu rơi của hết sống sao được mà!
Trời đất hỡi! dân ta khốn khổ,
Đủ trăm đường thuế nọ thuế kia,
Lưới vây chài quét trăm bề,
Róc xương róc thịt, còn gì nữa đâu?
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,
Thoạt tai nghe bần bật khúc lòng.
Trời ơi có khổ hay không?
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường quyền.
Họ khinh lũ đầu đen không biết,
Lấy mẹo lừa giết hết chúng ta.
Bạc vào đem sắt đổ ra,
Bạc kia thu hết sắt mà làm chi?

Họ tính lại suy đi đã kiệt,
Trói chân tay để chết người mình.
Anh em thử nghĩ cho tinh,
Sẽ đem soi xét tâm tình họ xem.
Họ không muốn người Nam buôn bán,
Để một ngày một cạn của đi,
Còn trơ đồng sắt đen sì,
Bạc kia không có lấy gì thông thương?
Dầu có muốn xuất dương thương mại,
Đem sắt đi ai dại với mình;
Rồi ra luần quần loanh quanh,
Vốn kia không có, lợi sinh được nào?
Nó lại thấy lương cao muốn chiết,
Sợ người mình thấy thiệt thì kêu,
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,
Tuy rằng không chiết mà hao thiệt nhiều.
Ấy nó nghĩ mưu cao đường thế,
Chỉ tìm đường làm tệ nước ta,
Làm cho kẻ xót người xa,
Làm cho nhớn bé trẻ già bỏ nhau,
Làm cho muốn cất đầu không được,
Làm cho đi một bước không xong,
Thế mà ta vẫn ngay lòng,
Tưởng làm như thế cũng không hề gì!
Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,
Muốn làm gì cũng chả làm xong.
Muốn công cũng chả nên công,
Muốn nông không vốn thì nông thế nào?
Muốn buôn bán không đào lưng vốn,
Muốn học hành phí tổn lấy đâu?
Bấy giờ ta mới biết đau,
Dại rồi cắt rốn vật đầu được chi?

TIMSACH.COM.VN

Nếu họ có bụng gì ta nữa,
Sao họ không mở cửa thông đồng?
Nhà Đoan, Kho bạc tiêu chung,
Lúc buôn lúc bán lúc cùng vào ra.
Sao nó chỉ bắt ta tiêu lẫn,
Mà nó không chịu bận đến mình?
Chẳng qua giở thói ma tinh,
Sao không cứ phép công minh mà làm?
Người Pháp với người Nam như một,
Bảo hộ thì chỉ cốt thuận dân;
Nhẽ đâu cậy thế cậy thần,
Nhẽ đâu trái lẽ cầm cân công bình?
Nào hiệp-biện, văn-minh đâu đó?
Nào thượng-thư, đốc-bộ là ai?
Nào là phủ huyện quan sai,
Hội viên thông ký là người nước ta?
Ai tách bạch cho ra lẽ phải,
Ai dám đem lời cãi cho mình?
Thị phi ai biện cho rành?
Búa rìu chẳng nhụt, lôi đình chẳng kinh;
Làm cho của dân mình đỡ hại,
Làm cho tiền trở lại mới nghe;
Bảo nhau mạnh cánh, mạnh bè,
Cho người lừa đảo hết nghề hết khôn.
Tôi xin nhớ như chôn vào ruột,
Tôi xin châm lửa đốt hương trầm,
Tôi xin tạc chữ đồng tâm,
Dựng đài kỷ niệm trăm năm phụng thờ!
Thôi đừng giữ thói nhơ ô mị,
Bảo thế nào, người ký cả tay,
Ngại khi nhời nói hay hay,
Trăm người trăm miệng đắng cay muôn phần.

THNGHCOM.VN

Này hỡi bạn quốc dân ta nữa,
Cơ sự này nó sợ đến đâu?
Bỗng như tiếng sét trên đầu,
Kinh kinh hãi hãi biết đâu thế nào.
. . . . . (1)
Ấy là phúc nước Nam ta đó,
Ấy là cơ máu mủ ta còn.
Đời đời cháu cháu con con,
Còn non còn nước, vẫn còn Việt Nam.

Nguyễn Phan Lãng

TIMSACH.COM.VN

(1) Bỏ bớt một đoạn.

PHỤ LỤC II

ÍT TÀI LIỆU VỀ CỤ CỬ LƯƠNG VÀ ĐÁM TÁNG CỦA CỤ

Cháu chắt cụ Cử Lương hiện ở Sài gòn cũng khá đông, chúng tôi đã lại thăm vài vị để sưu tầm bút tích, văn thơ của cụ, nhưng trong cơn binh lửa ở Hà Nội cuối năm 1946, nhà cụ ở phố Hàng Đào bị đốt phá, không còn gì cả, may mà còn giữ lại được một bức ảnh bán thân của cụ, vài ba chục bức hình về đám táng của cụ ông và cụ bà, và một số bài báo, cùng bản sao các đối trướng quốc dân phúng hai cụ.

Theo thân nhân thì cụ trứ tác khá nhiều, có xuất bản cuốn *Lương Ôn Như gia huấn* (1926 hay 1927). Chúng tôi nhớ hình như còn cuốn *Luận ngữ cách ngôn* nữa, một tập độ trăm trang trích và dịch *Luận ngữ*.

Hồi cụ bị giam ở « Hỏa lò » Hà Nội, tụi Pháp nể cụ, không tra khảo gì nhiều.

Cụ ông và cụ bà rất quí mến nhau. Khi cụ ông sắp bị phát vãng, cụ bà tiễn biệt, dặn : « Ông ơi, ông đợi tôi với ». Khi cụ bà sắp mất (1), cụ ông hứa. « Tôi sẽ theo

---

(1) Cụ bà húy là Lê Thị Lễ, mất ngày 26-4-1927, hưởng thọ 75 tuổi. Vậy là cụ cùng tuổi với cụ ông.

bà », và tới ngày trong nhà sửa soạn lễ thất thất, (49 ngày) thì sau một cơn bạo bệnh, cụ ông tắt nghỉ.

Cũng theo thân nhân thì bình sinh cụ thường chế thuốc trị bệnh thời khí để phát không cho người nghèo mà rồi lại qui tiên vì bệnh đó (chứ không phải vì bệnh sốt rét như có báo thời ấy đăng.)

Có điều này rất buồn cho hai cụ khi về già : hai cụ có được năm người con trai, mà người nào cũng tới ba mươi tuổi thì mất, thành thử đi sau linh cữu của hai cụ, chỉ có cháu, chứ không có con, nhưng môn sinh của cụ rất đông và đều coi cụ như cha, điều đó cũng an ủi hai cụ được nhiều.

Dưới đây, chúng tôi xin trích ít bài báo thời đó để độc giả thấy cảm tình của quốc dân đối với gia đình họ Lương ra sao. Tôi xin cảm ơn Ông Bà Cung Duy Độ, nhất là Bà Nguyễn Công Tốn, con gái cụ Lương Trúc Đàm, đã cho chúng tôi mượn những tài liệu đó và cho phép chụp lại tấm hình cụ Cử in ở đầu sách.

TIMSACH.COM.VN

CẤT ĐÁM CỤ CỬ LƯƠNG ÔN NHƯ

Hà Thành Ngọ báo ngày 14-6-1927.

Trái lại với tin bản quán đã đăng trước, thì ngay hồi 5 giờ rưỡi chiều hôm qua đã cất đám cụ cử Lương.

Mới thoạt nghe tin này thì ai cũng lấy làm lạ là vì cụ mới mất sáng hôm qua mà sao công việc lại cử hành một cách hống tống như vậy. Người ta đồn rằng tòa Đốc lý nhận được một lá thư nặc danh của một tên phi nhân loại nào gởi đến nói rằng cụ mất vì bệnh thời khí,

chớ thực thì cụ vì bệnh sốt rét (bệnh già) mà từ trần. (1)

Cũng vì lá thư nặc danh ấy, nên sở Vệ sinh tức khắc bắt phải cất đám đi ngay (...)

Tuy chưa kịp cáo phó, các bao chương tuy chưa kịp đem tin buồn báo cáo khắp nơi mà người đi đưa cũng không phải là ít (...) Lúc đám mới khởi hành, thê thảm nhất là vẳng nghe trong nữ quyến đi đưa sau linh cữu có tiếng khóc rằng: « *Ối, Cha ơi, chỉ vì yêu nước thương dân nên người ta mới làm khổ thân cha đến nỗi nước này...* » (...) Lạ có một điều là người đi đưa đám lúc ban đầu ước chừng ba bốn trăm người, rồi dần dần qua các phố, người theo đưa thêm đông dần, đến lúc hạ huyệt thì có đến non nghìn người (...).

Lại có một điều lạ nữa là đám cụ Cử tuy sơ sài mà có vẻ đặc sắc long trọng hơn, là các vị thám tử Tây Nam đi theo gìn giữ trật tự rất nhiều, khiến cho đám đi càng được thêm lắm vẻ oai nghiêm (...). (2)

TIMSACH.VN

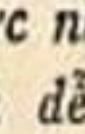

CẢM TÌNH ANH EM LAO-ĐỘNG ĐỐI VỚI CỤ CỬ LƯƠNG VĂN CAN

Hỡi đồng bào!
Lương chí sĩ nước nhà tạ thế,
Cái buồn chung há dễ riêng ai.
Tôi là lao động thiền tài,
Lòng thành tỏ dấu bi ai anh hùng.

---

(1) Như chúng tôi đã nói cụ mất vì bệnh thời khí, nhưng chắc người trong nhà giấu, tuyên bố là vì bệnh già; rồi có kẻ « phi nhân loại » nào đó tố cáo như vậy.

(1) Trong bài này cũng như trong mấy bài sau chúng tôi đã sửa vài lỗi chánh tả.

Hỡi đồng bào Lạc Hồng Nam Việt,
Cái buồn chung phải quyết cùng nhau,
Thương nhà chí sĩ công lao,
Vì dân vì nước tiêu hao một đời.
Mấy chục năm bên trời góc biển,
Cụ Can cùng ông Quyến lao đao,
Cha con hết sức hô hào,
Rung chuông thức tỉnh đồng bào ngủ mê.
Dạ chí sĩ không hề thay đổi,
Gan anh hùng sôi nổi mấy phen.
Cố công dìu dắt dân đen,
Tấm lòng khảng khái chẳng phiền hiểm nguy,
Thân chẳng ngại lưu li đất khách,
Ý không buồn xa cách vợ con.
Kính thay lòng dạ sắt son,
Những lời tâm huyết hãy còn đinh ninh.
Phưởng phất nhớ Đông Kinh Nghĩa Thục,
Cảm xúc lòng kính phục Đại nhơn.
Một đời tỉnh táo tinh thần,
Làm hết nghĩa vụ người dân sanh thời.
Khuyên đồng chủng học người Âu Mỹ,
. . . . . (1)
Tô điểm lại non sông gấm vóc,
Truyền bá thêm văn học cao xa.
Lấy nước người sánh nước ta,
Nước người tấn bộ, nước ta thẹn thùng.
Xưa ta lắm anh hùng hào kiệt,
Tên còn ghi sử Việt Nam nhà,
Biết bao nguy hiểm phong ba,
Vì dân vì nước vì nhà quên thân.

---

(1) Chắc là đã bị kiểm duyệt ba câu vì bỏ trắng khoảng ba hàng.

Nay sao cứ vững chân nô lệ,
Phó mặc người hộ vệ cho ta.
. . . . . (1)
Ai ơi ! ái chủng đừng quên
Dắt nhau kéo riết tới đền văn minh.
Lột bỏ hết thân danh nô lệ,
Cố kết dây đoàn thể kim thời,
Làm cho bền vững hơn người,
Ấy là việc gốc của người nước ta.
Đồng bào ! Xin chớ bỏ qua.

Lao động Chu. V. Tân
Sài-gòn.
(Đông Pháp thời báo 24-6-27)

Đặc biệt nhất là các thương gia ở Nam Việt chẳng những trọng tinh thần ái quốc của cụ mà còn mang ơn cụ đã « chỉ đường cho đi buôn bán tại các xứ xa xôi nữa ». Đoạn dưới đây trích trong bài *Thương giới Việt Nam đối với lễ truy điệu Lương chí sĩ* của ông Trần Chi Cồ, thương gia tại đường d'Espagne, Sài-gòn, và cũng đăng trong Đông Pháp thời báo ngày 24-6-27.

«(...) Ấy, đương trong vòng đầy ải đó, không còn cách sanh kế gì nữa, cụ mới lập nhà buôn, ở Côn Nôn (2) buôn đồi mồi, các đồ vặt, về Cao Man lại buôn lụa, buôn các vật dụng, làm thuốc, thế là cụ đã mở đường cho nhiều người Việt Nam trước kia sợ Cao Man « ma

---

(1) Chắc là đã bị kiểm duyệt một đoạn tám câu, vì bỏ trắng khoảng tám hàng.

(2) Tác giả đã lầm : cụ không hề bị đày Côn Lôn. Ta nhận thấy cụ Lương quả có tinh thần mới, trọng thực tế, biết kinh doanh. Các cụ khác trong Nghĩa Thục bị an trí thì chỉ làm thuốc, dạy học hoặc làm ruộng, chứ không ai mở tiệm buôn như cụ. Ta nên nhớ nhà nho vốn « ức thương ».

thiêng nước độc» bây giờ cũng bắt chước sang buôn bán, sau này trở nên rất giàu có. Coi đó thì biết công của cụ không riêng ở phần gốc, mà có cả ở phần ngọn, không riêng ở chánh giới, mà có cả ở thương giới nữa.

Vậy trong nhà buôn ta, đối với Lương Tiên sinh, không những kính mến cụ về lòng yêu nước thương nòi của cụ mà lại phải biết ơn cụ đã chỉ đường cho ta đi buôn bán tại các xứ xa xôi (...)»

Sau cùng tác giả bài đó hô hào các bạn đồng nghiệp chẳng những dự buổi lễ truy điệu cụ mà còn «đồng tình đóng cửa bữa chủ nhật tới đây để tỏ lòng thương mến đau xót».

Đối trướng rất nhiều, chúng tôi chỉ xin trích hai câu đối, một Hán, một Nôm:

Khảng khái do tồn, mẫn thế khởi ưng tiên yểm thế,
Thán tức thử khí, bồ thiên vị liễu hoặc do thiên.

Nguyễn Hữu Tiến (1)

đại ý là:

Lòng khảng khái của cụ vẫn còn, cụ vốn lo cho đời
mà sao vội lìa đời trước tôi;
Cụ ra đi, tôi than thở, công việc vá trời chưa xong
có lẽ do mệnh trời chăng?

Năm ngoái khóc cụ Phan, năm nay khóc cụ Lương,
non sông đẫm lệ,
Chuyện cha ở đất Miên, chuyện con đất ở Thái, sử
sách sinh hương.

Trần Đăng Huyên, Ngô Văn Triện. (2)

---

(1) Có lẽ là cụ Đông Châu, tác giả những cuốn Giai nhân di mặc, Luận ngữ quốc văn giải thích, Mạnh Tử quốc văn giải thích v.v... Cụ sanh năm 1874 mất năm 1941.

(2) Có lẽ là Trúc Khê, tác giả những cuốn danh nhân truyện kí: Cao Bá Quát, Nguyễn Trãi.

PHỤ LỤC III

MỘT GIỜ VỚI CỤ VÕ HOÀNH

Hồi đó tôi vào đây mới được hơn một năm. Nhờ một người anh họ giới thiệu, tôi lại thăm cụ Võ Hoành ở Sa Đéc, tối ngày mùng ba Tết Bính Tý (1936).

Cụ sinh năm 1867 (?), dòng dõi một thế gia ở làng Thịnh Liệt, tục gọi là làng Quang (Hà Đông), một làng cách Hà Nội mươi cây số và nổi tiếng về trái vải cùi dày, hột nhỏ, hồi xưa dùng để tiến vua.

Cụ thi một vài khoa, không đậu, rồi gia nhập phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, đứng trong nhóm bạo động; lãnh việc cổ động cho hội và liên lạc với các đồng chí. Khi Nghĩa Thục bị đóng cửa, cụ cùng với cụ Nguyễn Quyền (cũng gọi là Huấn Quyền, vì có hồi làm Huấn đạo Lạng Sơn) và cụ Dương Bá Trạc bị Nam Triều kết án chung thân khổ sai, đày ra Côn Đảo, sau được ân xá và an trí ở Nam Việt: cụ Nguyễn ở Bến Tre, cụ Dương ở Long Xuyên, cụ Võ ở Sa Đéc.

Chính quyền thực dân mới đầu còn bắt các cụ đúng kỳ hạn (nửa tháng hay một tháng) trình diện một lần, sau để các cụ được thong thả, chỉ khi nào muốn đi chơi ra khỏi tỉnh mới phải xin phép.

Người anh con ông bác tôi, thi sĩ Việt Châu, kể chuyện có lần viên chánh tham biện Sa Đéc mời cụ lại tòa bố hỏi

cụ muốn xin gì không. Cụ đáp : « Không ». Lần khác lại ngỏ ý muốn trợ cấp cụ mỗi tháng mười đồng, cụ cũng từ chối.

Vì sự từ chối đó mà dân châu thành Sa Đéc đều kính nể cụ.

Một lần, một chú lính cảnh sát chắc ở nơi khác mới tới chưa biết cụ, gọi cụ lại xét giấy thuế thân. Cụ nhìn chú ta, mỉm cười đáp :

— Chú lên mà hỏi quan Chánh tham biện. Chánh phủ mười mấy năm nay còn thiếu tôi nhiều tiền lắm. Mỗi tháng chánh phủ thiếu tôi mười đồng mà tôi không lấy, còn bắt tôi đóng thuế thân nữa ư ?

Chú lính ngơ ngác không hiểu gì cả, nhưng thấy cử chỉ, ngôn ngữ của cụ ngang tàng, đành làm thinh. Có lẽ trong thời Pháp thuộc, chỉ một mình cụ là khỏi phải đóng thuế thân, mặc dầu không được miễn.

Hồi tôi lại thăm, cụ làm thuốc để sinh nhai. Không mở tiệm thuốc. Bệnh nhơn tới nhà cụ xin toa hoặc đón cụ tới nhà mình coi mạch. Họ đưa cụ bao nhiêu tiền xe thì cụ cho hết cả phu xe bấy nhiêu. Có kẻ may mắn chỉ kéo cho cụ một cuốc mà được năm cắc, một đồng. Vì vậy phu xe nào ở Sa Đéc cũng biết địa chỉ của cụ. Khách nơi xa tới, cứ bảo họ kéo lại nhà « cụ Cử » chẳng cần phải hỏi thăm gì cả. Như tôi đã nói, cụ không đỗ đạt, người Sa Đéc thấy cụ học giỏi mà trọng cụ, gọi cụ như vậy.

Làm thuốc theo cái kiểu cứu nhân độ thế đó, tất nhiên không khá được. Nhưng cụ sống cũng tương đối phong lưu, phong lưu theo lối nhà Nho, nhờ có hai cô con gái lớn bán tơ lụa Hà Đông ở chợ Sa Đéc. Tính cụ rất nghiêm khắc, chỉ muốn làm thông gia với bạn đồng chí, nên các cô tuy đã lớn tuổi, vẫn ở vậy để hầu hạ cha.

Qua một cái cổng bằng gỗ, một khu vườn có nhiều chậu cảnh, anh em tôi bước vô một căn nhà ba gian, lợp ngói, vách ván, bầy biện sơ sài.

Cụ thân mật tiếp chúng tôi. Năm đó cụ đã bảy mươi mà vẫn còn quắc thước, tóc chưa bạc, người gầy, mắt sáng. Hai cái đặc biệt nhất trong con người của cụ là giọng nói và cái lưng.

Giọng cụ sang sảng, vang và ấm, còn lưng cụ thẳng như một cây cột. Cụ không bao giờ khòm lưng và vẫn thường nói với các người thân :

— Chính vì cái lưng tôi nó không cong được nên tôi mới bị Hoàng Cao Khải nó sai lính quất tôi. Lính nó quất tôi thì tôi chửi lại nó, rồi nó cũng chẳng làm gì được tôi.

Cụ ngồi xếp bằng tròn trên một bộ ngựa, bên mặt án thư, hỏi tôi về tình hình ngoài Bắc, bà con ngoài đó rồi tới công việc làm ăn của tôi.

Tôi hỏi cụ :

— Thưa cụ, năm mới cụ đã khai bút chưa ?

Cụ cười, đáp :

— Bạn bè mỗi người mỗi nơi, thành thử mấy năm nay tôi cũng chẳng làm gì được bài thơ nào. Cậu muốn nghe thì để tôi đọc cho cậu một bài tôi làm cách đây sáu bảy năm, hồi cụ Phương Sơn lại thăm tôi tại đây.

Rồi cụ đọc :

Ngao ngán lòng tôi tối lại mai,
Lòng tôi, tôi biết giãi cùng ai ?
Ngàn năm cố quốc hồn chưa tỉnh,
Hai chữ đồng tâm nét cũng sai !
Mài lệ chép thơ phơi trước mắt,
Coi tiền như mạng bỏ ngoài tai.

Thôi thôi biết nói chi cho hết,
Càng nói càng thêm nỗi thở dài.

Tôi hỏi:

— Thưa cụ, cụ Phương Sơn có họa lại không?

— Có.

— Xin cụ cho cháu nghe cả bài họa nữa.

— Không chắc tôi còn nhớ đủ....

Cụ suy nghĩ một lát rồi bảo:

— May quá, còn nhớ. Như vầy:

Khí phách thường như buổi sớm mai,
Đường văn minh đó hẹp chi ai?
Đạp vòng trời đất, chân cho vững,
Vẽ mặt giang sơn, bút dám sai?
Cọp bắt tay không đừng nói khoác,
Rắn theo tàn đuốc cũng công tai!
Anh em giữ lấy niềm hòa hảo,
Nòi giống về sau phúc lộc dài.

TIMSACH.COM.VN

Tôi lấy bút chép cả lại. Chí hướng của hai cụ hiện rõ trong thơ: cụ Võ đứng vào phe cụ Sào Nam, cụ Phương Sơn đứng vào phe cụ Tây Hồ. Hai bài làm vào khoảng 1929-1930, mà lúc đó cụ Sào-Nam đã ở trong cái cảnh «trăng gió nhốt ba gian», còn cụ Tây Hồ thì đã qui tiên. Ở cái chốn tha hương này, hai cụ đều mang một niềm u uất, đều tìm nguồn an, ủi người trong dĩ vãng, người trong tương lai để có thể quên được hiện tại.

Cụ mời tôi uống trà rồi hỏi:

— À, cậu biết chữ Hán không nhỉ?

— Thưa cụ, cháu cũng đương học.

— Thế thì cậu chép nốt bài này nữa, rồi lúc nào nhàn dịch cho tôi nghe.

— Cụ dạy cháu xin vâng, nhưng cháu chỉ mới bập bẹ thôi ạ.

Bài này dễ mà. Của Tây Hương Long Thạnh, một nhà ái quốc Nhật Bản. Này, cậu chép nhé:

Đại thanh hô tửu hướng cao lâu,
Hùng khí dục thôn ngũ đại châu.
Nhất phiến đan tâm tam xích kiếm,
Huy hoàng tiên trảm nịnh thần đầu.

Tôi hiểu ý. Cụ muốn khuyên tôi đây. Cụ không muốn cho con cháu cụ, cả con cháu các đồng chí cụ nữa đừng làm việc cho Pháp, nhưng đã vì chén cơm mà phải làm thì ít nhất cũng phải giữ lấy tư cách.

Chép xong, ngồi hầu cụ một lát nữa rồi chúng tôi đứng dậy, xin cáo biệt. Cụ tiễn chúng tôi ra tới cổng, lấy lòng chí thành dặn tôi câu này mà tôi ghi tâm tới bây giờ:

TIMSACH.COM.VN

— Này cậu, nhà mình là nhà Nho thanh bạch, cậu có tính lập gia đình thì cũng nên tìm chỗ nào thanh bạch ấy nhé.

Tôi gặp cụ lần đó là lần đầu. Chỉ vì tình đồng khí giữa cụ và các bác tôi mà cụ coi tôi như con cháu trong nhà, tấm lòng đó, chỉ nhà Nho mới có. Tôi cảm động. Những hàng sao bên bờ rạch Sa Đéc, đưa vút lên một nền trời lấp lánh. Phảng phất có hương nguyệt quí. Không hiểu sao tôi có cảm giác rằng những cây đó hương đó, ánh sáng đó mặc dầu ở trước mắt tôi mà đã thuộc về một thời cách tôi khá xa.

Chiều hôm sau, mới bước chân xuống ghe đậu tại Ngã Bảy (Phụng Hiệp), tôi chép ngay lại bài dịch gởi về hầu cụ. Dịch rằng:

Lớn tiếng lên lầu, gọi «Rượu đâu?»
Khí hàng muốn nuốt cả năm châu.

Lòng son một tấm, gương ba thước,
Loang loáng vung lên, nịnh rớt đầu.

Lần sau tôi gặp cụ đúng vào một lúc loạn nhất của lịch sử: cuối trung tuần tháng chín dương lịch năm 1945. Cụ mới ở Sa Đéc lên Sài-gòn, tóc đã bạc nhiều, bước đã chậm, nhưng lưng vẫn thẳng như thân sao.

Cụ lúc ấy quá bận việc, một đoàn thanh niên bao vây cụ, tôi không dám làm mất thì giờ của cụ, nhưng đinh ninh sẽ trở lại thăm cụ. Chưa kịp lại thăm thì đã mỗi người một ngả.

Sáu năm sau tôi mới hay tin cụ đã qui tiên, hình như trong đồng Tháp Mười, không rõ trong trường hợp nào. Có người nói nghĩa quân không nghe lời cụ mà thất trận, cụ uất ức rồi sức già của cụ tiêu mòn lần vì năm đó chắc cụ đã tới bát tuần. Phải vậy chăng? Nếu phải thì chắc có người còn nhớ mộ cụ. Và mộ cụ ở đâu? Mà căn nhà của cụ ở Sa Đéc còn không? Tôi đã hỏi vài người ở Sa Đéc, không ai biết cả. Giặc Pháp khi tái chiếm Sa Đéc đã phá rồi chăng?

(Bài này đã đăng trên số Xuân Ất Mùi
nhật báo Mai, nay sửa lại)

TIMSACHCOMVN

SÁCH ĐỀ THAM KHẢO

Ngục-trung-thư	*Phan-Bội-Châu (Đào-Trinh-Nhất dịch)*	*Tân-Việt 1950*
Phan-Bội-Châu	*Thế-Nguyên*	*Tân Việt 1950*
Phan-Châu-Trinh	*n.t.*	*n.t.*
Huỳnh-Thúc-Kháng	*n.t.*	*n.t.*
Phan Tây-Hồ tiên-sinh	*Báo Tân-Dân số 3*	*1949*
Dật-sự Phan-Sào-Nam	*Anh-Minh*	
Kỳ-ngoại-hầu Cường-Để	*n.t.*	*Nam-Hưng 1951*
Những chí sĩ	*n.t.*	*Tân-Dân 1951*
Cụ Huỳnh-thúc-Kháng	*n.t.*	*n.t. 1953*
Tự phán	*Phan-Bội-Châu*	*Anh-Minh 1956*
Thi tù tùng-thoại	*Huỳnh-T-Kháng*	*Nam-Cường 1951*
Sào-Nam văn tập	*Thanh-Thanh*	
Đông-Kinh Nghĩa-Thục	*Đào-Trinh-Nhất*	*Mai-Lĩnh 1938*
Phong-trào đại-đông-du	*Phương-Hữu*	*Nam Việt 1950*
Đề-Thám	*Huyền-Quang*	*Á-Châu 1951*
Phan-Bội-Châu	*Lưu-Trần-Thiện*	*Ngày-Mai 1949*
Bãi-Sậy	*Vân-Hà*	*Á-Châu 1951*
Khởi nghĩa Thái nguyên	*Phương-Hữu*	*Nam-Việt 1946*
Phan-Đình-Phùng	*Đào-Trinh-Nhất*	*Tân-Việt 1950*
Lương Ngọc Quyến	*Đào-Trinh-Nhất*	*Tân-Việt 1957*
Hợp tuyển thơ văn Việt Nam		*Văn-Hóa 1963*
Nguyễn Quang Diêu	*Nguyễn-V-Hầu*	*Xây-dựng 1964*

TIMSACHCUONG.VN

ĐÍNH CHÍNH

Những số có chữ d ở sau, xin đếm từ dưới lên

Trang	Hàng	SAI	ĐÚNG
18	3	sống *mãi*	sống *mái*
22	12	cao *trảm*	cao *trầm*
41	8	4, 5 thước	4 — 5 thước
46	7d	*rũ*	*rủ*
90	14d	*gần ở* chùa	*ở gần* chùa
98	3	*báo* động	*bạo* động
111	Nhan đề	PHÁI *LAO* ĐỘNG	PHÁI *BẠO* ĐỘNG
	1d	sọ gáo dừa	sọ dừa
112	11	gác *xếp*	gác *xép*
121	17	Toàn *yuyền*	Toàn *quyền*
138	11d	*lựa*	*lưa*
139	1	CHƯƠNG *XII*	CHƯƠNG *XIII*
144	3d	Lý Tuệ (1)	Lý Tuệ (3)
145	7	(1)	(3)
149	4d	suy *duy*	suy *vi*

TIMSACH.COM.VN

MỤC LỤC

Tựa		9
Tựa in lần thứ nhì		17
Chương	*I.*— Tình-hình nước nhà ở đầu thế-kỷ	21
Chương	*II.*— Phong-trào Đông-du	29
Chương	*III.*— Đông-kinh Nghĩa-thục thành-lập	41
Chương	*IV.*— Khai-trí — Dạy học	51
Chương	*V.*— Soạn sách và bài ca	61
Chương	*VI.*— Diễn-thuyết	75
Chương	*VII.*— Phong-trào duy-tân	85
Chương	*VIII.*— Chấn-hưng công thương	93
Chương	*IX.*— Khuyếch-trương nông-nghiệp, khai mỏ	105
Chương	*X.*— Phái bạo-động	109
Chương	*XI.*— Nghĩa-thục bị đóng cửa	115
Chương	*XII.*— Sau khi tan rã	127
Chương	*XIII.*— Phong-trào ở Trung và Nam	139
Chương	*XIV.*— Kết	151
Phụ lục	*I.*— Thiết tiền ca	163
	II.— Ít tài liệu về cụ Cử Lương	167
	III.— Một giờ với cụ Võ Hoành	172
	Sách tham khảo	179

TIMSACH.COM.VN

Tác phẩm thứ 9 của nhà văn

Võ Hồng : Gió Cuốn

GIÓ CUỐN lấy đề tài là thực trạng xã hội hôm nay, cái xã hội bị phân hóa cùng cực bởi đồng tiền, bởi chiến tranh. Đồng tiền xô đẩy những người đàn bà thoát ly ra khỏi gia đình đi làm sở Mỹ, làm gái bán Bar, xô đẩy trẻ con bỏ lớp học đi lang thang « bụi đời » móc túi và hút Salem, xô đẩy những người trí thức đi tới chỗ bán rẻ lương tâm. Trong một xã hội bị quay cuồng, bị cuốn hút, bị xáo trộn như thế, một nạn nhân có lương tri và vai chính trong truyện sẽ có thể thoát ra ngoài cơn lốc phũ phàng đó không? GIÓ CUỐN hấp dẫn mọi người bởi một nội dung sâu sắc thâm trầm và bởi một văn phong dịu dàng ý vị. Nhận xét VÕ HỒNG, các nhà phê bình đều đồng ý với nhau về những điểm : thâm thúy dịu dàng (Trần Thiện Đạo) văn đối thoại dí dỏm, hoạt kê hoặc châm biếm nhẹ nhàng (Nguyễn quốc Trụ) mỗi chuyện mang một duyên dáng riêng (Sơn Nam) tâm hồn bén nhậy đôn hậu... nhận xét tinh tế... trình bày thông minh duyên dáng (Uyển Uyên), nhà văn giàu tình cảm nhân đạo (Nguyễn Nguyên), tâm hồm bén nhậy phóng khoáng, cái nhìn bao dung đôn hậu (Vũ Đằng) văn giản dị trong sáng (Nguyễn văn Xuân) hành văn sáng sủa tự nhiên... dí dỏm đột ngột thông minh (Châu hải Kỳ) tạo được cho người đọc những phút say sưa kỳ diệu (Đỗ Tấn), đề tài phong phú, kỹ thuật vững chãi, bút pháp trong sáng (Thư Trung), giọng hồn hậu dí dỏm (Thanh Tâm Tuyền), làm cảm động người đọc qua một lối văn tinh tế, gọn sáng và hết sức lôi cuốn (Thời nay)...

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC
CỦA NGUYỄN HIẾN LÊ BÌA
CỦA HIẾU ĐỆ LÁ BỐI TÁI
BẢN GIẤY PHÉP SỐ 2700
BTT/NT/NHK/QN SAIGON
NGÀY 25 THÁNG 10/1968 IN
TẠI NHÀ IN VIỆT HƯƠNG
34 LÊ LỢI SAIGON NGOÀI
NHỮNC BẢN THƯỜNG CÒN
IN THÊM 50 BẢN ĐẶC BIỆT
DÀNH CHO TÁC GIẢ THÂN
HỮU VÀ NHÀ XUẤT BẢN

TIMSACHTOI.VN

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI
120, Nguyễn Lâm — CHOLON

TỚI nay người ta vẫn ngạc nhiên rằng sáu chục năm trước một nhóm nhà Nho trong Đông Kinh Nghĩa Thục đã gây được một phong trào duy tân bành trướng rất mau trong toàn quốc và ảnh hưởng rất lớn. So với phong trào duy tân của Khang hữu Vi, Lương khải Siêu ở Trung Quốc có phần hơn chứ không kém.

Bản in trước viết năm 1956 hết đã lâu. Trong bản lần này, tác giả đã sửa chữa nhiều và thêm năm sáu chục trang. Vì vậy độc giả nào đã có bản cũ cũng nên có thêm bản mới.

TIMSACHCOM.VN

Thư và tác phẩm xin gửi về Ô. Từ Mẫn
Bưu phiếu xin đề tên Cô Cao Ngọc Thanh

GIÁ : 100đ